BÁCH KHOA

SỐ 57 — NGÀY 15-5-1959

Trong số này :

NGUYỄN PHAN-CHÂU — Nhân ngày Phật Đản.

CÔ-LIÊU (dịch) — Sinh vật học và con người.

PHẠM-HOÀNG — Thác mắc.

TRẦN-HÀ — Trần-Huyền-Trang và chuyến thỉnh kinh lịch sử.

BÙI-GIÁNG — Một vài cảm tưởng khi đọc sách Phật.

ĐÔNG-HỒ — Thư ký Hàn lâm viện Ấn-độ...

NGUYỄN-THIỆU-LÂU — Sự tích một chiếc nghiên xưa.

PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch) — Đức ẩn khuất của Lão-giáo và đức khiêm nhu của Ki-Tô giáo.

NGUYỄN-NGỌC-QUANG — Thơ ma.

TRẦN-VĂN-KHÊ — Âm Nhạc phải chăng là một thứ tiêu khiển.

PHẠM-CÔNG-THIỆN — Tôi đọc « Thi sĩ cận đại Anh » của Lê-Thanh-Châu.

BÙI-GIÁNG — Nguyện cầu (thơ).

PHONG-NGẠN — Chiếc áo trên mồ (Tân Liêu-trai).

CÔNG-DIỀU (dịch) — Thà chết một mình (truyện ngắn Eric Rae).

ĐÔNG-XUYÊN (dịch thơ Tăng-Củng) — Lầu Đa-cảnh chùa Cam-lộ.

VÂN-TRANG — Phấn đấu (truyện ngắn).

VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) — Khói lửa kinh thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh " Eau de Vie cũ " 40° và 50°

— Rượu Tàu "Lão-Mạnh-Tửu"

— Rượu Tàu "Ích-Thọ-Tửu"

SI-RÔ "Verigoud" :

— Si-rô Cam, Quit, Chanh, Buởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "Distarome"

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

NƯỚC HOA và DẦU THƠM **« D.I.C. » :**

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mãi, xin do :

ở **NAM-PHẦN** · HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (**S.F.D.I.C.**)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN** : CÔNG TY THƯƠNG MÃI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ (**S.I.C.A.**) — *32, Ben Bạch-Đằng — ĐÀ-NANG*

HÃNG RƯỢU **NHIỀU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC

MIS
CHOLON

COTAB

VIRGINIE

GIÁ BÁN
18 $

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C° MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth « MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto « MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng — *Tél : 20.055*
SAIGON

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE
VIETNAM : SAIGON
CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM
MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

Xin hiến Quý khách

Giá du-ngoạn đặc-biệt

(có giá-trị trong một tuần lễ)

SAIGON — NHATRANG *(khứ hồi)* :

$ 865 — mỗi người

SAIGON — DALAT *(khứ hồi)* :

$ 570 — mỗi người

XIN HỎI CHI - TIẾT Ở TỔNG ĐẠI - LÝ

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 21.624-25-26 — 23.446-47

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ: Hẽm Eden, Saigon

☆

TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN-HÀNG

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

SHELL

Để dùng vào KỸ-NGHỆ NÔNG-NGHIỆP và TRONG NHÀ

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hoả chế ra.

- Chất để pha trộn, Acétone, glycérine, toluène
- Xà-bông nước hoá-học
- Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin, Aldrin, Endrin, trừ các loài sâu bọ cắn hại mùa màng
- Hơi Butagaz để đun bếp vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi
- Thuốc sát trùng Shelltox, mùi dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhậy

"33"
EXPORT

BRASSERIES & GLACIERES DE L'INDOCHINE

BÁCH-KHOA

Số 57 — Ngày 15-5-1959

« SỐ KỶ NIỆM NGÀY PHẬT ĐẢN »

		Trang
NGUYỄN-PHAN-CHÂU	*Nhân ngày Phật Đản.*	16
CÔ-LIÊU	*Sinh vật học và con người* . . .	39
PHẠM-HOÀNG	*Thắc mắc*	45
TRẦN-HÀ	*Trần-Huyền-Trang và chuyến thỉnh kinh lịch sử*	15
BÙI-GIÁNG	*Một vài cảm tưởng khi đọc sách Phật.*	22
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	*Sự tích một chiếc nghiên xưa.* . .	51
PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)	*Đức ẩn khuất của Lão-giáo và đức khiêm nhu của Ki-tô giáo*	25
ĐÔNG-HỒ	*Thư ký Hàn lâm viện Ấn-độ* . . .	32
NGUYỄN-NGỌC-QUANG	*Thơ ma*	9
TRẦN-VĂN-KHÊ	*Âm nhạc có phải chăng là một thú tiêu khiển.*	46
PHẠM-CÔNG THIỆN	*Tôi đọc « Thi sĩ cận đại Anh » của Lê-Thanh-Châu*	86
BÙI-GIÁNG	*Nguyện cầu (thơ)*	99
PHONG-NGẠN	*Chiếc áo trên mồ (Tân Liêu-trai)* .	79
CÔNG-DIÊU	*Thà chết một mình (truyện ngắn Eric Rae)*	10
ĐÔNG-XUYÊN	*Lầu Đa-cảnh chùa Cam-lộ*	65
VÂN-TRANG	*Phấn đấu (truyện ngắn)*	81
VI-HUYỀN-ĐẮC	*Khói lửa kinh thành.*	90

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

NGUYỄN-HIẾN-LÊ	:	*Văn thế nào là ba lan*
P. I. N.	:	*Những sự sai lạc ngày nay*
TIỀU-DÂN	:	*Vấn đề dân tộc tự quyết.*
ĐOÀN-THÊM	:	*Sinh con đẻ cái.*
THÁI-VĂN-KIỀM	:	*Những thiếu sinh gương mẫu.*
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	:	*Bàn qua về vấn đề : Thụ thai theo ý muốn.*
PHAN-VỌNG-HÚC	:	*Phạm-Quý-Thích.*
LƯU-NGUYỄN Đ.T.T.	:	*Lượn sóng mới ở Liên-xô.*
NGUYEN-NGỌC-QUANG	:	*Thơ Ma.*
NGUYỄN-TỬ-QUANG	:	*Thử tìm xuất xứ bài Vọng cổ.*
THẾ-QUANG	:	*Minh minh đức*
PHẠM-HOÀNG-HỘ	:	*Sự bảo tồn thiên nhiên.*
HUYNH-ĐỆ	:	*Quân nhân phạm pháp.*
NGUYỄN-THIẾU-NGUYÊN	:	*Đặc tính của tiểu thuyết.*
TRẦN-VĂN-KHÊ	:	*Hát tuồng.*
NGUYỄN	:	*Bà mẹ già (truyện dịch)*
MINH-HỮU	:	*Ngày lại sáng (truyện ngắn).*

THỂ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90$00** — *1 năm 24 số :* **180$**

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà in : 412-414, *đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON*

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-văn-Lang
160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

NHÂN NGÀY PHẬT ĐẢN

★ ——— *NGUYỄN-PHAN-CHÂU*

TRONG kinh Phật có một câu chuyện như sau :

Vào khoảng thế kỷ thứ I trước Thiên Chúa Giáng sinh, có một ông vua người Hy-Lạp, tên là Milinda, đến viếng vị la hán Nâgasena. Sau khi vái chào vị la hán Nâgasena rồi, vua ngồi một bên la hán.

La hán đáp lễ.

Vua Milinda mới hỏi vị la hán Nâgasena :

« — Bạch Ngài, Ngài danh hiệu là gì ?

— Tâu bệ hạ, bạn đồng đạo của tôi gọi tôi là Nâgasena. Nhưng đó chỉ là một cái dấu hiệu một tiếng gọi. Nâgasena chỉ là một tiếng mà thôi. Chớ ở đây không có người Nâgasena. »

Vua Milinda ngạc nhiên, hỏi kẻ tùy tùng có thể nào nhận được việc quái lạ như thế không ?

Rồi vua lại hỏi :

— Nếu không có người Nâgasena thì tóc kia có phải là Nâgasena không ?

— Tâu bệ hạ, không.

— Lông kia có phải là Nâgasena không ?

— Tâu bệ hạ, không.

— Da, thịt, xương, gân, gan, ruột kia có phải là Nâgasena không ?

Nâgasena một mực trả lời rằng không.

Vua Milinda hỏi phăng tới :

— Hình sắc kia có phải là Nâgasena không ?

— Tâu bệ hạ, không.

— Nhận thức kia có phải là Nâgasena không ?

— Tâu bệ hạ, không.

— Tri tuệ kia có phải Nâgasena không ?

— Tâu bệ hạ, cũng không.

— Nếu không có chi là Nâgasena cả thì Nâgasena là gì ?

— Tâu bệ hạ là không gì cả.

— Thế thì Nâgasena chỉ là một tiếng không vậy thôi, tôi e Ngài nói dối, khi ngài nói không có Nâgasena, không có gì là Nâgasena cả.

Nhưng Nâgasena hỏi lại vua Milinda :

— Tâu bệ hạ, bệ hạ đến đây đi bộ hay đi xe ?

— Đi xe.

— Bệ hạ bảo rằng bệ hạ đi xe mà đến, vậy xin hỏi bệ hạ : xe là gì ?

Phải cây gọng là xe không ?

— Không.

— Phải cây ách là xe không ?

— Không.

— Phải cái thùng xe là xe không ?

— Không.

— Phải dây cương là xe không ?

— Không.

Hỏi mãi như thế cũng không có chi mà vua Milinda chỉ được là xe. Vậy tiếng « xe » của vua chẳng là một cái tiếng không không vậy thôi sao ? Tôi e vua nói dối khi vua nói không có gì là xe cả.

Vua Milinda chợt hiểu rằng chỉ có cái *tiếng không không* chứ *không có chủ*. Bao nhiêu bộ phận của xe hiệp lại gọi là xe. Riêng một bộ phận của xe không gọi là xe được. Không có chi là xe cả, xe là toàn thể, xe là tất cả...

Trong một đoạn của kinh Lăng Nghiêm nói về « Tâm » có bảy chỗ hỏi cũng tương tự như thế. Tâm không ở trong ta, không ở ngoài ta, nó không ở đâu cả.

Nhưng tâm vẫn là hạn hữu. Như vậy theo thường tục, hễ có nguyên tố là có vật. Nghĩa là có *sắc tướng* là có *bản thể*. Nhưng sắc tướng không phải là bản thể...

Xem như thế thì cái mối băn khoăn của loài người tự cổ chí kim vẫn là vấn đề *bản thể*, uyên nguyên của vũ trụ, vạn vật vạn hữu. Nào học thuyết duy tâm của Schopenhauer, nào bình luận thuyết của Kant, có khác gì ?

Giữa muôn hình vạn trạng của cái vũ trụ vô thỉ vô chung, thiên sai vạn biệt này, làm sao phân định đâu là *sắc tướng* đâu là *chân như*.

Đạo Phật, trước và sau khi Phật nhập diệt, đã tìm ra không biết bao nhiêu là phương pháp nhận thức chân lý. Nào là sự khảo sát vũ trụ lúc sinh, lúc trụ, lúc dị, lúc diệt, diêu động không ngừng có khách quan, có tự ngã, có phi ngã, trên quá trình phát triển miên trường của vạn hữu.

Nam mô Thích-Ca Mâu Ni Phật.

Phật pháp vi diệu chừng nào, thì tấm lòng từ bi của Phật lại càng bị tổn thương chừng nấy.

« Hữu nhất chúng sinh bất thành Phật, ngã thệ bất thành Phật. » Lời nguyện đó đến nay, đã được mấy ngàn năm rồi, mà chúng sinh hằng hà sa số vẫn còn trong cảnh trầm luân mê muội.

Than ôi ! nào có thấm gì những sinh,

lão, bệnh, tử đối với nỗi đau khổ của chúng sinh ngày nay. Quả vậy, thuở sinh bình, Phật nào đã thấy cảnh lao tù, tra tấn... Phật nào đã chứng kiến những cảnh con người hành hạ con người giữa những giai cấp với nhau, chủng tộc với nhau.

« *Tấm lòng vị kỷ đã ngập cả thế gian và làm cái nguyên nhân gây ra tất cả các sự tranh chấp của nhân loại.* » (*1*)

Ô hay, phương pháp của nhà Phật linh diệu như thế, lòng từ bi của nhà Phật cao cả như thế, mà công trình cứu độ chúng sinh của nhà Phật đã hai ngàn năm trăm năm đằng đẵng vẫn chưa hoàn thành hay sao ?

Ngày nay, lại là ngày Phật giáng thế để cứu độ chúng sinh, chúng ta nghĩ đến thân phận của nước non, hoàn cảnh của dân tộc, lòng riêng bi thảm không nguôi...

Mối đau thương vô tận vì hồn nước phân vân, nhân tâm ly tán, hỡi ơi ! phải đâu sắt đá mà không cảm xót, ngậm ngùi... Trăm ngàn nẻo chi li chia cắt hồn sông núi, muôn vạn mối tự tướng dị biệt cản ngăn niềm hòa ái, tình dân tộc.

Nhưng than ôi, nước Việt nào phải chỉ có Miền Nam, nòi Việt nào phải riêng cho Miền Bắc ; Sông Cửu-long, dòng Nhị-hà, dãy Trường-sơn, riêng biệt tự nó, không làm thành nước Việt. Gọng xe không phải là xe, càng xe không phải là xe, nào có khác gì ?

Nam mô Thích-Ca Mâu-Ni Phật.

Ngài hãy dẫn dắt chúng sinh trên dải đất này đang đau khổ vô tận. Ngài hãy giác ngộ cho họ Phật pháp để tìm thấy cái uyên nguyên của vạn vật, vạn hữu...

Ngài hãy ngăn họ đừng lầm trong cái *sắc tướng* mà xa rời với *Chân như*.

Hồn dân tộc, nào phải theo ai, mà chống chọi với ai. Hồn dân tộc là tất cả, là thường trụ.

Cũng như nước đã huyền ngưng thành giá, thành tuyết, thành hơi, hồn dân tộc huyền ngưng thành một phong trào chống Pháp khi Pháp xâm lăng, chống Tàu khi Tàu đô hộ. Nếu trong tương lai mà hồn dân tộc gặp phải sự kiềm chế hay áp lực ngoại bang nào thì hồn dân tộc lại huyền ngưng bằng những phong trào chống lại sự kiềm chế hay áp lực đó.

Hồn dân tộc còn uyên thâm vĩ đại hơn nữa. Hồn dân tộc đã huyền ngưng trong tiếng kêu bi đát của loạn nhị thập sứ quân, trong cảnh vinh quang của đời Trần-Lý, trong sự nghiệp anh dũng của vua Quang-Trung...

Còn gì nữa ?

Nếu có ai chịu khó trở về với căn nguyên cội rễ, thì hồn dân tộc đã huyền ngưng trong chế độ Hồng Bàng, trong hình ảnh của giống chim Lạc mùa thu đi trốn tuyết...

Còn gì nữa chăng ?

Hồn dân tộc còn huyền ngưng trong ý niệm cao cả Tiên Rồng. Tiên là sắc đẹp tuyệt vời, là trong sạch vô song, là linh động vô cùng. Rồng là sức mạnh tuyệt luân, quyền năng vô hạn, ý lực phi thường Rồng Tiên là ý niệm *Đại hùng, Đại lực* của nhà Phật.

(1) Trích trong bài diễn văn của U-Nu.

Căn cứ vào sự vận hành của lịch sử, cứ mỗi lần hồn dân tộc lâm vào cảnh bi thương, thì cảm xúc vô ngần, để rồi giác ngộ, rồi cố gắng, rồi xây dựng, rồi tiến bộ, rồi hào hùng...

Chúng ta rất cảm phục cái ý niệm của ai đó đã nêu lên cái quá trình diễn tiến của hồn dân tộc bằng các giai đoạn sau đây :

Đại bi, đại giác, đại nguyện, đại hành, đại lực, đại thế, đại đạo.

Nhưng than ôi !

Gần một thế kỷ đau thương, dưới sự đô hộ của Pháp lan Tây, mỗi người một *ý nghiệp*, một *tư thế* đi tìm con đường giải thoát cho xứ sở, rồi mỗi người mải mê trong phương tiện dị biệt của mình, mà quên mất cái cứu cánh cộng đồng của dân tộc.

Mỗi người chỉ nhìn thấy cái *sắc tướng* mà quên mất chỗ *nhất như*.

Rồi các sắc tướng biến hình thành tôn giáo, thành chủ nghĩa, thành giai cấp, thành ý thức, thành đoàn thể v... v..., trăm đường nghìn nẻo, thiên sai vạn biệt càng ngày càng xa cách muôn trùng.

Rồi do đó, người người oán ghét nhau, phát sinh trăm mưu ngàn kế, hãm hại lẫn nhau.

Những kẻ ác tâm mê muội, qua đường ghé quán ăn xôi ở thì, nhân có cuộc xáo trộn nổi lên, làm cho người người càng thêm sa đọa.

Thảm hại thay, bi đát thay !

Lòng từ bi của nhà Phật đã tổn thương đến ngần nào, trước cái cảnh huynh đệ tương tàn, nồi da xáo thịt.

« *Một giọt máu đào hơn ao nước lã* ».

Càng nghĩ đến dòng máu chảy trong huyết quản của giống Tiên Rồng, càng nghĩ đến cùng một bọc mà sinh ra trăm trứng, ý niệm về tình huynh đệ của trăm nòi Việt, càng thêm tủi nhục.

Nam mô Thích-Ca Mâu Ni Phật,

Phật hãy cứu độ chúng sinh

Phật hãy dẫn dắt cho nòi Việt.

Cho mỗi người tự bi, tự ngộ, tự giác, tự hành, tự hối, tự nguyện, tự lực, tự cường, tự lập...

Phật hãy giúp mỗi người của nòi Việt trở về cái căn nguyên cội rễ của dòng giống Tiên Rồng. Phật hãy mở nẻo giác, cho mỗi người của nòi Việt biết rõ cái uyên-nguyên của vạn hữu, vạn vật dưới muôn nghìn sắc tướng thiên sai vạn biệt.

Cũng như mỗi người trong nòi Việt dẫu có khác nhau về tư tưởng, về tôn giáo, về giai cấp, về đoàn thể cũng đều là cùng một bọc trứng của trăm giống Tiên Rồng.

Ngày nay, là ngày Phật giáng sinh.

Trước Phật pháp vô cùng vi diệu, nòi Việt đã *đại-bi* chưa để mà cùng *đại-giác* ?

NGUYỄN-PHAN-CHÂU

Danh ngôn, danh lý

TÀI NĂNG

✱ Tài năng không phải là điều cần thiết độc nhất cho uy quyền của người lãnh đạo. Tuy nhiên người lãnh đạo vẫn phải trau dồi học vấn để phục vụ được đắc lực hơn. Đạo đức càng có giá trị, nếu tài năng càng được tăng gia.

SINH VẬT HỌC
VÀ
CON NGƯỜI

• *CỐ - LIÊU*

(tiếp theo B. K. số 56)

CON NGƯỜI ĐỨNG TRƯỚC NHỮNG THỰC HIỆN KỲ DIỆU CỦA SINH VẬT HỌC

TRONG một ngày mai rất gần, khoa học sinh vật với những phương tiện kỹ thuật và khả năng lý thuyết đã đạt tới, có thể đảo lộn trật tự thiên nhiên của cuộc sống nhờ những thực hiện kỳ diệu như tăng thêm tuổi thọ, sinh con trai hay con gái theo ý muốn, thụ thai nhân tạo, thay đổi nam thành nữ, nữ thành nam, nuôi bào thai trong bình pha lê thay người mẹ, thay đổi tính nết đứa trẻ trước hay sau khi sinh ra, làm cho người ta trở nên thuần hòa, tạo ra người có thiên tài, đức hạnh.

Vấn đề quan trọng đặt ra cho nhân loại là người ta có thể tiêu hóa được những phát minh sáng kiến ấy để thích ứng với bộ mặt mới của họ tạo ra hay không ? Khoa học sinh vật có thể đưa người ta đến những con đường không hợp nhân đạo để những đòi hỏi thầm kín của con người bị cưỡng ép làm mất sự quân bình của đời sống tinh thần hay không ?

Tuy rằng không đủ tư cách để trả lời một vấn đề phức tạp và bao quát như thế, nhưng ngay từ bây giờ ta có thể thu thập những ý kiến của một vài bác học và triết gia để có một ý niệm về những yếu tố trả lời.

Nói đến cưỡng ép thiên nhiên và một quân bình đời sống tinh thần, người ta nghĩ đến 2 loại áp dụng của những thực hiện kỳ diệu nói trên. Một loại hướng về sự cải thiện đời sống như chữa bệnh, đem lại sức khoẻ, trẻ trung, sống lâu ; một loại muốn như có mục đích tránh cho người ta những trách nhiệm và bó buộc tự nhiên của thân phận làm người như tránh thai sản, cải biến giống nòi, tính nết v.v..

Sự khó khăn là người ta không thể ước lượng trước được ảnh hưởng của một loại hành động thí dụ như tăng thêm tuổi thọ, một ước vọng rất chánh đáng, nhưng nếu số người sống lâu quá mức bình thường xưa nay, sẽ đặt ra nhiều vấn đề xã hội nan giải. Và như thế cũng là làm trái lẽ tuần hoàn mà hậu quả là gây khó khăn cho đời sống. Vấn đề phơi ra những cạnh khía xã hội, kinh tế, chánh trị ở ngoài phạm vi bài này. Bởi vậy cho nên sự tìm hiểu dưới đây chỉ chú trọng vào những khó khăn mà sinh lý học gây ra cho chính bản thân con người.

Đứng trước viễn ảnh những sự đảo lộn kinh khủng về quan niệm truyền thống, liên hệ cha con, nam nữ, nhân vị, người bi quan lo cho tương lai nhân loại bị xúc phạm đến « tình cảm nội tâm » sẽ không tránh khỏi hoang mang, khiếp nhược và cô đơn. Con người không phải chỉ là một thực thể sinh vật mà thôi, con người còn là một thực tại tâm linh, sinh vật học có thể thay đổi phần nào cơ thể hay sinh lý, nhưng không thể xúc phạm đến những cái gì được coi là một thực tại ở trên sinh vật học. Tuy nhiên những lo ngại ấy quá xa xôi vì không căn cứ vào một tình trạng xã hội có thực, chỉ căn cứ vào những phóng tác tương lai, một tương lai chưa hẳn là phải thế.

Nói ngay những phương pháp thực hiện sự sinh nở không cần giống được (như loài ong), thụ thai nhân tạo, thay đổi tính tình con người trước hay sau khi sinh ra, biến đổi nam thành nữ, nữ thành nam, những chuyện đó còn trong phạm vi phóng tác. Ảnh hưởng tinh thần của những phương pháp ấy còn là vấn đề của ngày mai. Giải quyết một tình trạng khủng hoảng tinh thần phóng tác ra không phải là đối tượng của luân lý vì luân lý là kỷ luật đưa con người đứng trước những tình trạng hiển nhiên, những sự kiện cụ thể.

Sự khám phá duy nhất được đem áp dụng là thụ thai nhân tạo, nhưng chưa được phổ biến lắm để có thể nghiên cứu ảnh hưởng tinh thần. Vả chăng công chúng có chịu dùng những phương pháp ấy không ?

Tỉ dụ như thay đổi tính tình hay nam nữ tính của đứa trẻ trước hay sau khi sinh ra. Theo lẽ tự nhiên, truyền thống có trách nhiệm về tương lai đứa trẻ, cha mẹ can thiệp vào sự cấu tạo ra tâm tính hay nam nữ tính của nó mặc nhiên lãnh một phần trách nhiệm. Cha mẹ tất phải suy nghĩ kỹ càng trước khi hành động.

Ước vọng thâm sâu của con người là sống lâu, khoẻ mạnh và sinh con, nhưng ai muốn một thế hệ con không cha, ai muốn thay đổi nam tính, nữ tính của đứa trẻ, ai muốn mua một cái bào thai nuôi trong bình pha lê ?

Chắc chắn là chúng ta sẽ có những phương tiện khoa học tối tân hợp với trình độ tiến hóa của ta để khắc phục hoàn cảnh, — đó là sự đòi hỏi tất nhiên và khẩn thiết của dòng sống trong sự cố gắng vạch con đường tiến tới giữa không và thời gian, — thí dụ như thay đổi dịch trấp trong cơ thể một tên gian phi hung hãn để cải biến thành một phần tử lương thiện.

Người có thái độ lạc quan chưa quan tâm đến những khó khăn chưa xảy đến và tha thiết với viễn tượng những phương tiện thần diệu để giải quyết nhiều vấn đề xã hội, cho rằng không nên tiên tưởng loại bỏ sự nghiên cứu những phương pháp khoa học ấy.

Trong sự tiến triển của dòng sống qua lịch sử nhân loại người ta thấy con người được dìu dắt bởi ánh sáng thần linh hơn là bởi sự sáng suốt trí tuệ, mà trí tuệ hình như cũng là sự bộc lộ một cạnh khía cảm thông cái lý huyền diệu của dòng sống. Có lẽ vì thế mà nhiều bác học triết gia có thái độ lạc quan tin tưởng ở con người, cho rằng con người sẽ tự biết lựa chọn con đường xứng đáng mà noi theo.

Từ khi khoa học manh nha bắt đầu cải thiện đời sống vật chất đến lúc phát triển mạnh mẽ và gây ra nhiều mâu thuẫn xã hội chia rẽ nhân loại rồi tiến lần đến chỗ hợp tác rộng rãi để giải quyết những bí quyết tạo hóa trọng đại, phục vụ nhân sinh cho đắc lực hơn, ta vẫn thấy sự có mặt của ánh sáng thần linh Hội nghị quốc tế « Nghiên cứu nguyên tử phụng sự hòa bình » nhóm ở Giơ Neo mới đây cho chúng ta một ý niệm về sự cảm thông với ánh sáng thần linh. Sáu nghìn bác học, triết gia, kỹ thuật gia không phân biệt mầu da, tư tưởng chánh trị, đã thành tâm cộng tác với nhau trao đổi những bí quyết khoa học, trong sự kính trọng kỷ luật và công ích, để hoàn thành một sứ mạng của loài người là làm sáng tỏ một phần của sự thật tối thượng mà chính tâm linh và trí tuệ họ cũng là một phản ảnh.

Sự bí mật khoa học.— Sự phát minh những kỹ thuật thần diệu đó nêu lên vấn đề bí mật khoa học.

Ai cũng biết rằng khoa học cần cởi bỏ mọi ràng buộc, cần tuyệt đối tự do. Nhà bác học phải được hoàn toàn tự do để đối theo thần hứng trong công việc khảo sát. Vì thế không ai có thể đặt vấn đề ngăn cấm hướng này, khuyến khích hướng kia. Khám phá hay phát minh ra điều mới lạ cũng không thể giữ kín một mình. Khoa học không có lợi gì nếu sự phát minh bị giam kín trong 4 bức tường phòng thí nghiệm mà không mang góp vào lầu đài kiến thức chung của nhân loại.

Phát minh khám phá phải được phổ biến, nhưng phổ biến trong phạm vi nào ? phổ biến cho đại chúng hay chỉ trong giới chuyên môn ? Đó là tất cả vấn đề.

Người ta không đồng quan điểm.

Ý kiến bi quan thiên về một biện pháp kiểm soát chặt chẽ những phát minh khám phá khoa học.

Trước những dự định táo bạo của sinh vật học, các nhà tâm lý học, thần kinh học, giải phẫu học có bổn phận phải tỏ lời thanh nghị. Người ta phải cho biết rõ đời sống tinh thần của ta sẽ bị tổn thương thế nào khi đem áp dụng một cách vội vàng những sáng kiến mới mẻ của phòng thí nghiệm. Khoa học vật chất phải nhường bước cho khoa học nhân sinh, khoa học nhân sinh phải nhường bước cho khoa học tinh thần. Một sự phối trí nhịp nhàng những kỷ luật chung về khoa học rất cần thiết cho sự quân bình của đời sống.

Đó là lời kêu gọi thống thiết của một nhà sinh vật học quen biết của đại chúng, ông Jean Rostand.

Cụ thể hơn, một nhân vật đề nghị thành lập một « Hội đồng Hiền triết » để quyết định những khám phá khoa học nào đáng được công bố và áp dụng.

Nhưng ý kiến trên đây không được sự tán đồng của những người có thái độ lạc quan.

Không một kiến thức khoa học chân chính nào có thể tiến triển mỹ mãn nếu bị giữ kín.

Văn minh tiến bộ đã đưa nhân loại đến một tình trạng đặc biệt. Muốn giải quyết vấn đề một cách thắng thắn và thích hợp phải đem công bố cho đại chúng biết toàn thể sự thật khoa học đã biết đích xác và có kiểm soát kỹ lưỡng. Người nào đem áp dụng sẽ lãnh lấy hoàn toàn trách nhiệm về mình.

Tin tưởng ở sự sáng suốt của nhân loại người ta cho rằng chỉ trong sự hiểu biết tường tận hai điều lợi hại mà con người tìm được lối thoát giữa những mâu thuẫn mà chính mình là tác giả, một lối thoát phải phá vỡ khuôn khổ cũ, đưa con người lên trên mức cũ, và phải có chỗ cho những cuộc phiêu lưu kế tiếp thành hình.

Khoa học tiến bộ là tinh thần thắng vật chất. Tinh thần ở trên vật chất và vươn lên chí thiện.

Ta có cảm tưởng là sự vươn mình đó diễn tiến theo từng giai đoạn. Trong giai đoạn quân bình những giá trị đạo đức, văn, khoa, triết học, giai đoạn lắng đọng, muốn như có sự tạo lập những phương thức hoạt động cố định. Một loại giá trị vượt lên trên khung cảnh bình thường sẽ thay đổi mối tương quan với những giá trị khác làm mất thế quân bình và bách thúc những lãnh vực hoạt động khác phải thiết lập những giá trị tiến bộ hơn để thích ứng với hoàn cảnh mới mà lập lại thế quân bình.

Có lẽ chúng ta đang ở một giai đoạn mà giữa khoa học nói chung, sinh lý học nói riêng, và những lãnh vực khác, sự mất quân bình đó sắp tới một mức độ đáng e ngại.

CÔ-LIÊU

✶ Gươm tuy tốt, có mài mới sắc, tài tuy tốt, có học mới cao (Tập-ngữ).

✶ Tài cao mà không học, vẫn chưa hoàn toàn. (Thuyết-Uyển)

✶ Tài năng của người chỉ huy không phải là thứ tài năng của người hạ thuộc. Tài năng ấy cốt thiết phải là tài năng tổng quát sự việc một cách chuẩn xác và am hiểu vừa đủ những điều cần biết trong các ngành thuộc phạm vi của mình, hầu cho sự điều khiển được sát với thực tế.

✶ Kẻ sĩ cần phải có khí độ lớn lao và kiến thức rộng rãi. (Bùi-Hành-Kiệm)

✶ Một người càng thuộc cấp thừa hành, càng phải có khả năng chuyên môn ; một người càng có nhiều trách nhiệm, càng phải trau dồi tài năng tổng quát sự việc và tránh đi sâu vào chi tiết.

thắc mắc

Hiếu danh, hiếu thắng và không an phận ?

Tôi là giáo viên bậc Trung học mà tôi cứ muốn dạy trường Đại học như các giáo sư.

Tôi chỉ có bằng « năng lực luật khoa » mà tôi cứ muốn làm việc pháp chế như các luật gia.

Tôi vốn tốt nghiệp một trường y tá mà tôi cứ muốn cho toa người bệnh như các bác sĩ.

— Có người bảo tôi hiếu danh. Song tôi tưởng hiếu danh chưa hẳn đã xấu ; hiếu danh mà danh không thật xứng mới là xấu.

— Có người bảo tôi hiếu thắng. Song tôi tưởng hiếu thắng chưa hẳn đã không hay ; hiếu thắng mà tài không thật trội mới là không hay.

— Có người bảo tôi không biết an phận. Song tại sao tôi đành an phận, trong khi tôi cảm thấy nhiều tiềm lực trong người tôi chưa được khai thác ?

Cái xấu có lẽ không hẳn ở chỗ tôi hiếu danh, hiếu thắng hay không biết an phận, vì có thể chính đó là những động lực thúc đẩy tôi vươn lên xây dựng những sự nghiệp lớn lao.

Cái xấu phải chăng ở chỗ tôi hiếu danh nhưng không chịu kiên nhẫn học hỏi để làm cho danh xứng với thực ; tôi hiếu thắng nhưng không chịu cố gắng mở mang kiến thức để vượt lên trên hoàn cảnh hiện tại ; tôi không an phận nhưng lại không lo trau dồi học lực và nhân cách để sửa soạn cho mình đáng giữ những chức phận cao hơn ?

PHẠM-HOÀNG

Trần - Huyền - Trang

VÀ

chuyến thỉnh kinh lịch sử

✶ TRẦN-HÀ ✶

TÂY-DU-KÝ diễn nghĩa là một bộ tiểu thuyết thần quái, những tình tiết vô cùng hấp dẫn, nhân vật hết sức linh hoạt, đã vậy triết lý lại cao thâm. Vì thế, mặc dù chuyện Tam-Tạng thỉnh kinh đông độ là chuyện thật lịch sử, nhưng do ảnh hưởng của truyện Tây-Du, đôi khi người ta không thể không đặt vấn đề : Tam-Tạng là người thật chăng ? Chuyện thỉnh kinh là chuyện thật chăng ? Và thật đến mức nào ? Còn Tôn-Hành-Giả ? Bát-Giái ? Sa-Tăng ?

Trong dịp lễ Phật-đản, chúng tôi thấy giải đáp những vấn đề ấy cũng là một việc bổ ích. Vì rằng, chuyến thỉnh kinh của thầy Huyền-Trang chẳng những ảnh hưởng lớn lao đến sự phát triển Phật-giáo ở Trung-Hoa, mà cả đến các nước Đông-Nam-Á có quan hệ văn hóa với Trung-

Hoa, như Việt-Nam, Cao-Ly, Nhựt-Bản...

Có người bảo Việt-Nam theo phái Đại-Thừa là do ảnh hưởng của nền Phật-học ở Tàu, mà Huyền-Trang là người có công lớn du-nhập (1).

(1) Huyền-Trang theo phái Đại-Thừa.

I

Trần-Huyền-Trang là « con một » của trạng - nguyên Trần-Quang-Nhụy ?

Người ta thường biết Tam-Tạng qua truyện Tây-Du : người con duy nhất của vị trạng nguyên Trần-Quang-Nhụy bị thả trôi sông, được trưởng lão Kim-Sơn-Tự, vớt lên nuôi đến mười tám tuổi, phụng chỉ vua Đường đi thỉnh kinh đông độ.

Sự thật, Trần-Huyền-Trang là con út của Trần-Tuệ. Ông có cả thảy bốn anh em ruột. Phụ thân vốn là người huyện lịnh huyện Giang-Lăng, đời Tùy. Vì Tùy-Dưỡng-Đế bạo ngược vô đạo, nên từ quan về cố lý, đóng cửa đọc sách dạy con. Họ Trần là một vọng tộc mấy đời. Tằng-tổ Trần-Khâm là Đông-Chinh tướng quân của nhà Bắc-Ngụy, trước Nam-Dương Khai-Quốc Quận-Công. Tổ phụ Trần-Khương là QuốcTử Bác sĩ đời Bắc-Tề. Như vậy, chép phụ thân Huyền-Trang, Trần-Quang-Nhụy, thi đỗ trạng nguyên năm Trinh-Quang thứ 13 (đời Đường-Thái-Tông) là không đúng.

Huyền-Trang tên thật là Trần-Vĩ, sanh năm thứ 16 đời Tùy-Văn-Đế (năm 596 sau k.n.) tại huyện Câu-Thị (Lộ-châu) (hiện là huyện Yêm-sư, tỉnh Hà-nam). Gia đình họ Trần ở tại Du-Tiên-Hương, Không-Hạc-Lý, Phụng-Hoàng-Cốc, gần chùa Thiếu-Lâm.

Từ năm lên tám, Huyền-Trang đã được phụ thân truyền miệng cho sách Hiếu-Kinh. Sau đó, lại được học thêm giáo lý của Nho Lão, Thích, nhưng Huyền-Trang say sưa nhứt là Phật-giáo. Học một biết mười, nên trong thôn lý, ai cũng khen là thần đồng.

Anh thứ hai, Trần-Tố, đã sớm xuất gia, làm hòa thượng tại chùa Tĩnh-Thổ (Lạc-Dương) hiệu là Trường-Tiệp pháp sư. Năm mười ba tuổi, Huyền-Trang lên viếng chùa, gặp ngay lúc triều đình nhà Tùy phái Trịnh-Thiện-Quả đến Lạc-Dương mở khoa thi để chọn hai mươi bảy vị hòa thượng. (1) Số người ghi tên ứng thí có đến mấy trăm. Huyền-Trang cũng xin tham gia, nhưng vì nhỏ tuổi nên không được phép dự. Tuy vậy, cậu bé thông minh ấy vẫn không nản lòng, cứ núp gần công môn mà nghe lóm. Một bữa, Trịnh-Thiện-Quả bắt gặp, thấy hình dung tuấn tú, đối đáp như lưu, bèn đặc cách cho làm tăng. Từ đấy, Huyền-Trang ở lại chùa với anh để học thêm kinh điển. Đã thông minh, lại ham học, nên chẳng bao lâu thấm nhuần giáo lý. Ngày kia, đột nhiên Huyền-Trang đăng đàn giảng kinh Niết-Bàn, một loại kinh rất khó. Thế mà Huyền-Trang đã phân tích kinh nghĩa rất đầy đủ và sâu sắc, khiến ai nấy đều kinh ngạc.

*

Qua những năm cuối đời Tùy, Huyền-Trang bàn với anh sửa soạn vào kinh đô cầu học. Năm 618 sau k.n. (Vũ-Đức nguyên niên đời Đường-Cao-Tổ) hai anh em đến Trường-an, ngụ tại chùa Trang-Nghiêm-Tự. Nhưng bấy giờ, những vị cao tăng nổi danh về phật học lại tập trung tại Thành-đô (Tứ-Xuyên). Hai người bèn lìa Trường-an qua Thành-đô, vào ngụ chùa Không-túc-Tự, và theo học với các pháp sư : Phùng-Không, Đạo-

(1) Theo qui chế nhà Tùy (sau này nhà Minh vẫn còn áp dụng) muốn làm hòa thượng phải trải qua một kỳ khảo hạch hẳn hoi.

Cơ, Bửu-La, v. v... Lúc ấy, Huyền-Trang mới hai mươi tuổi. Sau khi du lãm hết các vùng Xuyên-đông, Xuyên-tây, qua năm 27 tuổi (623 sau k. n.) Huyền-Trang bèn xin phép người anh đi khắp cả nước để thỉnh giáo các bậc pháp sư danh tiếng và các học giả uyên thâm. Nhưng Trần-Tố còn lưu luyến cảnh trù phú và yên tịnh của Thành-đô, nên không đồng ý Huyền-Trang mới lén kết bạn với một thương nhân, trốn xuống Trường-giang, dáp thuyền đi nơi khác.

Đến Kinh-châu (Hồ-Bắc), Huyền-Trang lưu lại nửa năm thảo luận Phật-học với các vị hoà thượng Thiên-Hoàng-Tự, rồi trở lên Hà-nam, vòng qua Sơn-đông, Hà-bắc. Vừa giảng dạy, vừa học thêm, Huyền-Trang đã chu du hầu khắp cả miền Bắc nước Tàu, tiếp xúc với hầu hết các tăng học giả. Nhưng càng đi sâu vào giáo lý nhà Phật, ông càng thấy nảy ra nhiều nghi vấn. Bấy giờ, tông phái của đạo Phật tại Trung quốc rất phức tạp, mà kinh điển được phiên dịch ra lại quá ít. Một số lớn lại dịch sai, hoặc văn chương lờ mờ, khó hiểu. Muốn tìm được nguyên bản chữ Phạn để giải quyết vấn đề nghĩa lý cho chính xác, muốn đi vào tận chỗ cao thâm nhất của đạo Phật, chỉ còn có cách là phải đến nơi phát nguyện của Phật giáo để học tập, nghiên cứu tại chỗ. Mầm « Tây du » đã nảy nở trong đầu óc Trần-Huyền-Trang từ đấy.

Năm Huyền-Trang đúng ba mươi mốt tuổi thì nhà học giả nổi tiếng Ba-Phả-Mật-Đa-Na cũng do đường biển từ Trung Ấn-độ đến Trường-an. Ông này là học trò của nhà học giả quyền uy chùa Na-Lan-Đà là Giới-Hiền. Người ta bảo rằng ông Mật-Đa-Na đã thuộc làu đến mấy chục vạn « tụng » kinh đại thừa và tiểu thừa. Huyền-Trang đến thọ giáo với ông, giải quyết được khá nhiều nghi vấn, nên nghĩ rằng tại Ấn-độ tất còn nhiều học giả uyên bác hơn. Ý chí « Tây du » lại càng được nung đúc mạnh mẽ thêm.

Năm Trinh-Quang nguyên niên (626 sau k. n.), Huyền-Trang cùng với mấy vị hoà thượng khác dâng biểu xin triều đình cho phép đi Ấn-độ du học, nhưng biểu chương có đi mà chẳng có lại. Có người bảo rằng qua lại trong triều đã ém các tờ biểu ấy đi, vì mấy ông thầy chùa quá thiệt thà, dâng biểu mà không có « thứ gì khác » kèm theo (đời Đường đã có rồi). Ý kiến khác thì lại cho rằng chính yếu là bởi triều đình có lịnh cấm, nên biểu dâng lên không được vua phê chuẩn. Nhà Đường vừa mới dựng nghiệp, cơ sở cai trị chưa được vững vàng, nên hết sức nghiêm cấm việc đi về Tây. Có lẽ họ sợ có người lợi dụng cơ hội ấy thông đồng với các dân tộc Tây-phiên chăng ? Do ảnh hưởng của truyện Tây-Du, một số người hiểu lầm rằng vua Đường-Thái-Tông sai Tam-Tạng đi thỉnh kinh, nhưng sự thật không phải như vậy.

Những người dâng biểu chờ mãi vẫn không thấy trả lời, nên đã thối chí, duy có Huyền-Trang là không nản lòng. Trong khi chờ đợi, ông cố học thêm chữ Tây-Đức và Ấn-Độ.

Năm Trinh-Quang thứ ba (629 sau K. n.) vùng phụ cận Trường-An bị nạn mưa đá mất mùa. Triều đình mới xuống chiếu giải tỏa kinh đô, cho phép dân chúng được tự do đi tứ xứ làm ăn. Nhân cơ hội ấy, Huyền-Trang liền ra khỏi kinh thành, nhắm hướng tây trực chỉ, mở đầu cuộc du hành vạn lý.

Hoàn cảnh nào đã thúc đẩy Huyền-Trang qua Ấn-độ ?

Một ngàn ba trăm năm trước đây mà dám một người một ngựa vượt suối trèo non, băng sa mạc, càn rừng sâu, qua đến tận xứ Ấn-Độ huyền bí xa xăm, Huyền-Trang quả là một nhà du thám vĩ đại trên lịch sử. Tinh thần, nghị lực đó, người đời sau không thể không nghiêng mình bái phục.

Tuy nhiên, mọi kỳ công trên lịch sử, dù là của một người hay một tập đoàn, một dân tộc, đều có những nguyên nhân xã hội nhất định. Ở đây, chúng ta thử tìm hiểu xem hoàn cảnh nào đã thúc đẩy Huyền-Trang kiên quyết liều sống chết qua Tây-phương cầu đạo. Bởi vì, theo chúng tôi nghĩ, phải ở trong một thời kỳ Phật-giáo thịnh hành đến mức độ nào, mới có thể xuất hiện những người dám xả thân vì đạo như vậy được.

★

Thực ra, ngày nay, khó mà biết đích xác Phật-giáo đã được truyền sang Trung-Quốc tự lúc nào.

Chỉ thấy sách chép năm Vĩnh-Bình thứ 11 (năm 68 sau K. n.), Hán-Minh-Đế sai quan Lang-trung Sái-Âm và Bác-sĩ quốc tử Tần-Cảnh đi sứ nước Thiên-Trúc tìm hiểu Phật-pháp. Họ Sái và họ Tần đến nước Trung-Thiên-Trúc gặp bọn hồ tăng : Ca-Diệp-Ma-Đằng, Trúc-pháp-lan, đón về Trung-Nguyên được Minh-Đế tiếp đãi rất hậu, lập chùa Bạch-Mã ở thành Tây-châu cho các vị ấy ở. Tuy nhiên, mãi đến đời Đông-Tấn, Phật-giáo mới bắt đầu phát triển mạnh. Qua đời Nam Bắc-trào thì đã cực thịnh. Nguyên do chính là vì đời Nam Bắc-trào, loạn lạc liên miên, dân chúng vô cùng lầm than, điêu đứng. Nghèo đói, tang tóc chính là mảnh đất rất tốt cho đạo Phật nảy nở.

Tại Bắc-triều, Phật-giáo đã thành một tổ chức có qui mô hẳn hòi, bao gồm trên mấy triệu hộ khẩu. Nhà Bắc Ngụy có trên hai trăm vạn tăng chúng ; nhà Bắc-Tề, có đến ba trăm vạn. Từ vua quan đến bạch đinh bá tánh, ai cũng sùng bái đạo Phật. Nhà Bắc-Ngụy lập Thiên-Cung-Tự, phải dùng đến mười vạn cân đồng và sáu trăm cân vàng để đúc tượng Phật Thích-Ca. Nhà chùa cũng có đất đai riêng, một phần do tín đồ cúng thí, phần khác do nhà chùa mua sắm hoặc chiếm cứ đất vô chủ. Đời Bắc-Ngụy, đất nhà chùa chiếm đến một phần ba tổng số diện tích đất đai trong xứ. Tăng ni lại được hưởng nhiều đặc quyền như : miễn thuế, miễn sưu, miễn dịch. Vì thế, rất đông dân chúng đã chạy vào ẩn dương nương phật để trốn sưu cao thuế nặng.

Qua cuối thời kỳ Nam-Bắc trào, các vương trào thấy bá tánh ẩn núp cửa thiền ngày càng đông, đất đai nhà chùa ngày càng rộng, nên bắt đầu tìm cách đối phó, vì rằng, sự lớn mạnh của đạo Phật là một cản trở lớn lao cho chánh sách sưu dịch thuế khóa của họ. Quyết liệt hơn cả là chủ trương diệt Đạo Phật của Bắc Châu-Võ-Đế, đã dùng quyền lực bắt hai chục vạn tăng ni phải hồi tục. Sau khi diệt được Bắc-Tề, nhà Bắc-Châu lại ra lịnh phá tất cả chùa chiền của Bắc-Tề và ép trên ba trăm vạn tăng ni phải ra khỏi chùa. Đạo Phật vì đó phải tạm thu hẹp phạm vi hoạt động lại.

Nhưng bốn chục năm sau (tính từ năm

561 sau. K. n. (năm Bảo-Định đời Bắc-Châu Cao-Tổ Võ-Đế) đến năm 601 sau k.n. (năm Nhơn-Thọ đời Tùy-Văn-Đế), đạo Phật lại bành trướng mạnh mẽ như xưa.

Nhà Tùy thống nhất được giang san, dân chúng tưởng đâu những ngày hắc ám đã chấm dứt, nào ngờ Tùy-Văn-Đế thăng hà, Tùy-Dưỡng Đế kế vị, lại cực kỳ hoang dâm vô đạo, đã ham chinh chiến, còn thích xa hoa. Ba lần đông chinh Cao-ly đã làm hao chẳng biết bao nhiêu xương máu của trăm họ. Có sách chép Tùy-Dưỡng Đế đã động viên đến 1.300.000 tráng đinh. Nhưng rốt cuộc vẫn bại binh nhục quốc. Vết thương của xứ sở chưa hàn gắn được thì Dưỡng Đế lại bắt hơn một triệu dân phu đào con kinh từ Lạc - dương đến Giang - đô (Dương-châu) để cho ông xuống Giang-Nam ngắm quỳnh hoa « mỗi năm nở hoa một lần ». Tám vạn người, từ cung phi, mỹ nữ, đến ngự binh, cước điện (phu kéo thuyền) đều mặc lụa là, gấm vóc. Dân chúng trong vòng năm trăm dặm dọc theo kinh phải mang thức ăn đồ dùng cung phụng cho đoàn du lịch quí phái ấy.

Tình thế đó làm cho dân chúng vô cùng khổ sở. Đời sống luôn luôn bất an. Cha xa con, vợ xa chồng, bao nhiêu điêu linh tang tóc chồng chất lên vai người dân nghèo khổ.

Một số không đè nén được phẫn uất đã nổi dậy chống triều đình, tạo thành các cuộc loạn của thập bát phản vương, như Lý-Mật, Đậu-Kiến-Đước, Mạnh-Hải-Công, Trình-Giáo-Kim, Tần-Thúc-Bảo, v.v...

Một số khác, đông đảo hơn, tuy bất mãn triều đình, nhưng không dám cầm khí giới chống lại, đành vào cửa thiền để « trốn xâu lậu thuế », hoặc tìm sự siêu thoát trong cõi Niết-Bàn. Cửa thiền rộng mở, hàng ngũ Phật-đồ ngày càng đông. Phong trào nghiên cứu Phật pháp do đó càng phát triển mạnh.

Nhà Đường dẹp được thập bát phản vương, gom thiên hạ về một mối, làm cho tình hình ổn định, đời sống trăm họ được nâng cao. Nông nghiệp phát triển đưa đến sự phồn vinh của công và thương nghiệp. Và sự giao thương giữa nhà Đường với các nước Á-châu đã giúp điều kiện thuận lợi cho sự trao đổi văn hóa giữa Ấn-độ và Trung-hoa, nhứt là về Phật-học.

Chính hoàn cảnh đó đã kích thích Trần-Huyền-Trang hăng hái tây-du.

★

Trên đường thiên lý

Từ Trường-An, Huyền-Trang đi thẳng qua Bửu-kê, Tần-châu, rồi chuyển lên hướng Bắc, từ Lan-châu, Thiên-thủy, đến Lương-châu (hiện là huyện Vũ-uy tỉnh Cam-túc). Lương-châu là đô thị lớn của Hà-tây, cũng là yếu điểm quốc phòng của biên thùy phía Tây nhà Đường. Đô đốc Lý-Đại-Lượng phụng chỉ trấn biên cương phong tỏa hết sức nghiêm mật không cho một người lọt về Tây. Huyền-Trang phải nấn ná tại Lương-châu hơn tháng trời, chờ dịp lính canh sơ hở, mới trốn khỏi Lương-châu-thành. Nhưng sau đó, Lý-Đại-Lượng hay được, lập tức cho vệ binh rượt theo bắt lại. Rất may nhờ Pháp sư Tuệ-Uy thương tình, lén sai hai người học trò Tuệ-Lâm và Đạo-Chỉnh theo báo hộ, Huyền-Trang mới thoát thân được. Từ đấy, ba người phải đêm đi ngày trốn, lần mò ra khỏi Gia-cốc-quan mà đến Qua-châu (hiện là huyện Tây-an, tỉnh Cam-túc).

THỨ sử Qua châu, Độc-Cô Khai, là một tín đồ nhà Phật, nên chẳng những không ngăn trở việc đi Tây - phương mà còn giúp cho những chỉ dẫn cần thiết về lộ trình. Nhờ đó, Huyền-Trang mới biết từ Qua-châu lên phía Bắc độ năm chục dặm, thì gặp sông Hồ-lô, lòng sông trên hẹp dưới rộng, nước chảy xiết, sóng gió rất nguy hiểm. Trên sông, lại có Ngọc-Môn-Quan trấn thủ. Muốn đi Tây-phương, tất phải theo đường đó.

Đi về hướng Tây-bắc, lại phải qua năm tòa Phong-Hỏa-đài (1) mỗi tòa cách nhau trên dưới một trăm dặm, và đều có quân lính canh giữ cẩn mật. Giữa đường chẳng có cây cỏ nước nôi gì cả. Muốn tìm nước uống hoặc đồ ăn, phải đến gần phong-hỏa-đài. Sau đó, là sa mạc Mạc-hạ-diên, thuộc về bờ cõi nước Y-ngô (hiện là huyện Cáp-mật, tỉnh Tân-cương).

Trong lúc Huyền-Trang đang lo rầu vì nỗi đường đi khó khăn, hiểm trở thì con ngựa làm chân lại mang bịnh mà thác, hai người theo đưa cũng đã từ giã về Lương - châu. Vừa đúng lúc ấy, một thương nhân Tây Nức tên Thạch-Bàn-Đà, nhân ngày trước vào chùa lễ phật, biết Huyền-Trang muốn đi Tây-phương, bèn xin theo làm đồ đệ. Đêm ấy, hai thầy trò khởi hành, qua canh ba thì đến sông Hồ-Lô ; Ngọc-Môn-Quan đã thấy thấp thoáng đằng xa. Cách ải độ mười mấy dặm, có một khúc sông chỉ rộng chừng hơn một trượng, hai bên bờ có cây ngô đồng. Hai thầy trò bèn đốn cây bắc cầu, lót cỏ trải cát lên cho người ngựa qua sông. Trời hừng sáng, đã qua được tới bờ bên kia, hai thầy trò cả mừng, tìm lùm bụi mà nghỉ.

Ngày sau, đột nhiên Thạch-Bàn-Đà trở dậy, vung đao sẽ bước tới gần Huyền Trang, nhưng khi còn cách độ mươi bước nữa thì lại quay về chỗ cũ. Mấy lượt như vậy. Huyền-Trang biết hắn sanh dị tâm, nhưng chẳng chút sợ sệt, ngồi dậy nhìn thẳng vào hắn. Thạch-Bàn-Đà buông đao, khuyên : Huyền-Trang nên trở lại. Huyền - Trang không chịu, chỉ bằng lòng cho Thạch-Bàn-Đà trở về Qua-châu một mình. Thạch-Bàn-Đà không chịu đi, nói :

— Rủi sư phụ bị bắt lại, khai tên họ của tôi ra thì cha mẹ vợ con tôi làm sao ?

Huyền-Trang chỉ trời, thề :

— Ngươi chớ lo. Ta nếu chẳng may bị bắt, dù thân này có bị cắt vụn ra như cám, cũng quyết chẳng khai tên họ của ngươi.

Thạch-Bàn-Đà mới yên lòng, dục ngựa phóng đi...

Từ đó, Huyền-Trang chỉ một người một ngựa giữa sa mạc mênh mông, không một bóng người. Đó đây chỉ thấy rải rác từng đống xương khô của những người bạc số, hoặc lốm đốm đôi bãi phân ngựa, phân lạc đà, ghi lại dấu vết những

---

(1) Đài dùng để báo hiệu. Khi giặc đến, quân canh lên đỉnh đài đốt củi ; lửa ; khói (phong, hỏa) cùng bốc lên. Đài thứ nhì trông thấy liền đốt chuyền, đến khi quân đội trấn thủ biên cương trông thấy được kéo đến tiếp cứu.

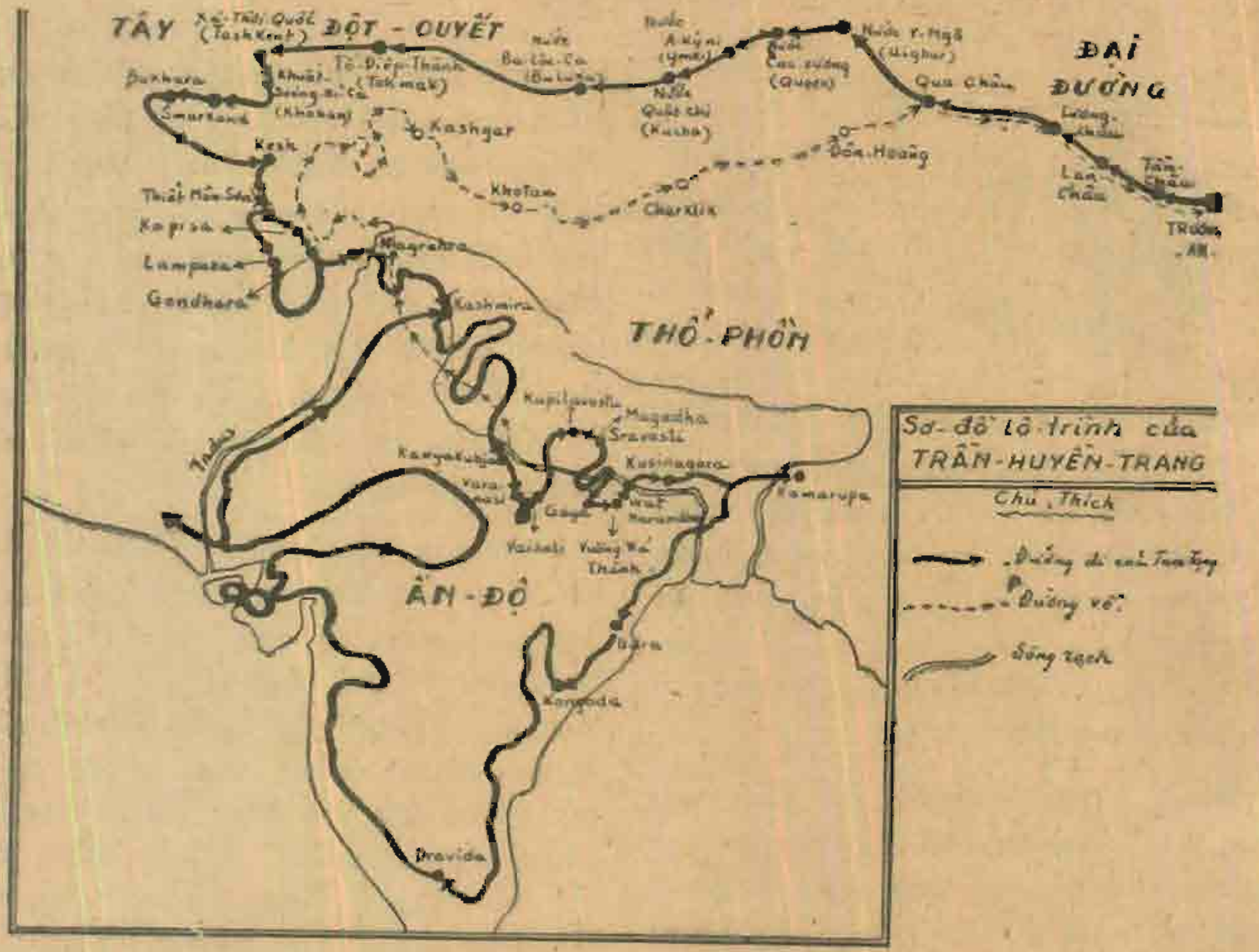

người đi trước. Nhưng Huyền - Trang không hề đổi ý, thường tự nhủ : « Chết còn không sợ, sợ nỗi gì ? »

Đi được tám chục dặm thì thấy phong hỏa đài thứ nhứt. Sợ binh lính trấn thủ nhìn thấy, Huyền - Trang bèn núp vào những lỏm cát, chờ tối mịt sẽ khởi hành. Quá nửa đêm, ông mới lần mò đến gần phong hỏa đài, tìm cỏ và nước cho ngựa. Gặp vũng nước trong, vừa nhảy xuống, chưa kịp lấy bình da ra múc, bỗng một mũi tên từ đâu bắn xớt ngang đầu. Biết đã lộ tông tích, bèn vội la lớn :

— Xin đừng bắn, đừng bắn ! Tôi là hòa thượng ở Trường-An đây !

Binh lính ào ra bắt, đem nạp cho Hiệu-Úy Vương-Tường. Vương-Tường cũng là một tín đồ nhà Phật, nên khi rõ đầu đuôi, tỏ ra hết sức kính trọng Huyền-Trang. Vương-Tường ngại đường sá xa xuôi, nguy hiểm, khuyên Huyền-Trang ở lại, sẽ đưa đến Đôn-Hoàng nuôi dưỡng trọng hậu. Nhưng Huyền-Trang vẫn một lòng sắt son :

— Tôi đã quyết đi cầu kinh, tánh mạng không tiếc, lẽ đâu lại sợ gian nan hiểm trở ? Nếu Hiệu-Úy không cho lên đường, tôi xin chịu tất cả mọi cực hình, nhưng quyết chẳng trở về Đông một bước.

Vương-Tường nghe qua hết sức cảm động, lưu Huyền-Trang lại nghỉ một đêm. Qua ngày sau, Vương-Tường đã sắp sẵn một mớ lương khô, nước uống, lại bồn thân đưa hơn mười dặm đường, dặn dò cẩn thận và còn giới thiệu đến quan Hiệu-Úy giữ đài thứ tư là Vương-Bá-Lũng.

Huyền-Trang không muốn phiền phức, nên định trốn qua êm thấm, nhưng vẫn bị quân lính bắt được. Đến trước mặt Hiệu-Úy Vương-Bá-Lũng, Huyền-Trang cứ nói y theo lời Vương-Tường đã dặn, nên cũng được đối đãi tử tế. Trước khi phân tay, Vương-Bá-Lũng dặn rằng :

— Viên Hiệu-Úy giữ đài thứ năm, tánh tình hung bạo, sợ có ý không tốt. Vậy hay hơn cả là nên tìm lối khác mà đi, tránh đài ấy, thẳng vào Dã-Mã-Truyền. Sư phụ cứ theo Dã-Mã-Truyền đi mãi qua hướng tây thì gặp sa mạc Mạc-Hạ-Diên-Tích. Đường ấy dài trên tám trăm dặm, cổ danh là Sa-hà (1), không có cây cỏ nước nôi chi hết, sư phụ nên hết sức đề phòng.

Huyền-Trang từ giã Vương-Bá-Lũng, nhắm Dã-Mã-Truyền và Mạc-Hạ-Diên-Tích đi tới. Được hơn ngày, một trận gió cát làm ông lạc mất đường đi. Mệt mỏi cực độ, ông bèn xuống ngựa, lấy bầu da ra uống nước, chẳng ngờ trật tay, trút bầu đồ hết không còn một giọt. Còn khổ sở nào hơn đối với một người cô thân giữa sa mạc ? Huyền-Trang nghĩ chỉ còn cách trở về đài thứ tư xin nước, rồi sẽ tiếp tục lộ trình. Nhưng quay đầu ngựa đi được vài dặm, ông bỗng trực nhớ lại :

— Trước kia, ta đã thề nếu không đến Ấn-Độ, quyết không trở về Đông một bước. Nay thà là đi về Tây mà thác, chớ lẽ nào trở về Đông để sống ?

Bèn lập tức quày ngựa trở lại, nhắm hướng tây bắc đi tới. Bấy giờ, bốn bề mênh mông mù mịt, đêm thì từng đóm lân tinh lập lòe, ngày thì gió cát cuồn cuộn, nhưng Huyền-Trang không hề nao núng. Suốt bốn năm ngày đêm, không một giọt nước thấm giọng. Ban đầu, chỉ thấy khô môi, sau thì toàn thân nóng hực, hơi thở thấy khó khăn, mắt mờ chẳng nổi. Ngựa đã đuối bước. Sau cùng, người ngựa đều mê man, ngã quị trên đá sỏi. Nửa đêm rào thứ năm, đột nhiên một trận gió lạnh rào bay tới, làm cho toàn thân mát mẻ, tinh thần phấn khởi, mắt mở ra được. Ngựa cũng đã đứng lên được, cất tiếng hí vang. Huyền-Trang gượng dậy, thúc ngựa đi thêm vài dặm nữa, bỗng gặp một bãi cỏ xanh mướt, nằm kế bên dòng suối mát trong veo. Nhờ được cuộc « tiếp tế thiên nhiên » ấy, người ngựa như được hồi sinh, đi thêm hai ngày nữa, ra khỏi bãi lưu sa, vào biên giới nước Y-Ngô (Uighur).

*

Tại Y-Ngô-Tự, có một vị hòa thượng gốc người Trung-Quốc, nghe Huyền-Trang đến, lật đật không kịp mặc áo, chạy ra đón tiếp hết sức niềm nở, rằng :

— Thật không ngờ tha phương còn gặp được người cố lý.

Huyền-Trang ở lại xứ Y-ngô hơn mười ngày, được quốc vương tiếp đãi rất trọng hậu.

Vua nước Cao-xương (2) gần Y-ngô-quốc, nghe tin có cao tăng từ Trung-quốc đến, lập tức sai sứ thần đến Y-ngô, xin Y-ngô quốc vương đưa Huyền-Trang qua Cao-xương. Huyền-Trang thầm nghĩ có lẽ từ Cao-xương dọc theo triền núi phía Bắc Thiên-Sơn thì sẽ đến Ấn-độ, nên cũng muốn qua Cao-xương, bèn theo sứ

(1) Sa-hà, cũng còn gọi là Lưu-sa, tiếng Mông-cổ gọi Qua-Bích, tức là Sa-mạc.

(2) Cao-Xương (Quoco) hiệu là Nhã-Nhĩ-Thành, gần hồ Tây-Nhã, xứ Thổ-Lỗ-Phồn (Turfan) thuộc tỉnh Tân-cương.

thần Cao-xương, đi về hướng tây nam sa mạc đến sáu ngày, mới đến nội cảnh Cao-xương-quốc. Vua nước Cao-xương, Khúc-Văn-Thái, bỏn thân ra khỏi hoàng cung nghinh tiếp, trong khi ấy, các vị vương phi và đại thần đều quì lạy. Khúc-Văn-Thái đàm đạo với Huyền-Trang đến nửa đêm mới lui về cung an nghỉ. Sau đó, quốc vương lại đưa nhiều vị hòa thượng nổi tiếng đến khuyên Huyền-Trang lưu lại Cao-xương nhưng Huyền-Trang khéo léo từ khước.

Ở Cao-xương hơn mười ngày, Huyền-Trang bèn vào từ biệt quốc vương xin lên đường cho sớm. Khúc-Văn-Thái một hai quyết giữ Huyền-Trang ở lại, hết thuyết phục đến hăm dọa, hết hăm dọa đến dụ dỗ, nhưng trước sau, Huyền-Trang nhất quyết không dổi hướng. Trước còn dùng lời thiết tha để từ chối, nhưng sau thấy quốc vương vẫn nằn nằn quyết bắt mình lại, Huyền-Trang bèn tuyệt thực phản đối. Mặc dù hằng ngày quốc vương đích thân đến lo từ miếng ăn miếng uống một cách kính cẩn, Huyền-Trang vẫn nhứt định không động đến một hột cơm, một nhều nước, và cũng không thốt một lời.

Trước khi nhịn ăn, Huyền-Trang đã cặn kẽ tâu :

— Thần đã không nại đường xa đi cầu Phật, nay đại vương lại không thuận cho đi. Nhưng, đại vương chỉ có thể giữ hài cốt, chớ không thể nào giữ được ý chí và tinh thần của thần. Thái-Sơn dời được, chứ lòng thành của thần không thể nào đổi thay.

Qua ngày thứ tư, Khúc-Văn-Thái phải nhượng bộ. Nhưng Huyền-Trang sợ ăn uống lại ngại Khúc-Văn-Thái sẽ đổi ý, nên đòi phải có người bảo đảm. Khúc-Văn-Thái phải rước thân mẫu vào làm chứng : Khúc-Văn-Thái chịu để cho Huyền-Trang tiếp tục lộ trình, nhưng bù lại Huyền-Trang phải nán lại một tháng để giảng kinh « Nhơn vương bàn nhược kinh » và khi trở về phải ghé lại Cao-Xương ba năm (Nhưng bận trở về, Huyền-Trang không thực hiện được lời hứa, vì từ năm 640 sau K. n. bộ lạc của Khúc-Văn-Thái đã bị diệt vong).

Khi Huyền-Trang lên đường, Khúc-Văn-Thái đã chuẩn bị cho rất nhiều đồ ngự hàn cùng vật dụng, vàng bạc (1), lại cho thêm 4 vị hòa thượng trẻ tuổi, hai mươi lăm người tùy tùng, ba mươi con ngựa, và viết hai mươi bốn phong thư gởi cho hai mươi bốn quốc vương để nhờ giúp đỡ.

Ngày khởi hành, quốc vương cùng văn võ bá quan, tăng lữ, bá tánh đưa ra tận cửa thành tây.

*

Từ Cao-xương, phải qua nước A-kỳ-ni (Yenki), hiện là huyện Yên-kỳ, tỉnh Tân-cương, vòng qua Ngân-sơn (hiện là Khổ-Mạc-Thập-Sơn (?), mới đến nước Quật-chi (còn có tên là nước Qui-từ (hiện là huyện Khố-xa, tỉnh Tân-cương (Ku cha). Bấy giờ, vì đường lên Lăng-sơn tuyết đã phủ, không thể đi tới được, nên Huyền-Trang phải lưu lại nước Qui-từ gần hai tháng. Tại đây, Huyền-Trang gặp nhà học giả nổi danh, Mộc-Xa-Cúc-Đa, đã từng du học Ấn-độ hơn hai mươi năm, nghiên cứu rất nhiều kinh điển. Hai người thường cùng thảo luận về Phật pháp và gây được

(1) Có chỗ chép 100 lượng vàng, 30.000 tiền, 500 cây lụa.

nhiều tín nhiệm đối với giới Phật học nước Qui-Từ. Chính Mộc-Xoa Cúc-Đa, sau đó, cũng phải nhận rằng : « Tại Ấn-độ, e cũng ít có học giả uyên bác như vậy».

Từ Qui-từ, Huyền-Trang đi về tây hơn sáu trăm dặm nữa, qua khỏi tiểu sa mạc, thì đến nước Bạc-lộc-ca (Baluka) (cũng gọi là Ô-Hắc-Quốc (Atsu), hiện là vùng A-khắc-tô và Ôn-túc (Tân-cương). Nghỉ lại đó một đêm, rồi đi thêm ba trăm dặm nữa thì đến Lăng-sơn của dãy Thông-lãnh (tức Đằng-cách-lý-sơn của dãy Thiên - sơn). Núi này cao đến 7.200 thước quanh năm tuyết phủ. Đứng dưới chân núi nhìn lên chỉ thấy một màu trắng xóa. Đường lên núi lại gập ghềnh, hiểm trở, có chỗ đá dựng đứng cao vút tận mây xanh. Đoàn lữ hành phải lần dò từng bước mà lên. Trên núi chẳng có một nơi nào khô ráo. Muốn nấu ăn, phải treo nồi lên cành cây rồi đứng dưới lòn củi mà chụm. Ban đêm thì tựa lưng vào giá tuyết mà ngủ gà ngủ gật. Phải chịu đựng suốt bảy tám ngày đêm như vậy mới qua được ngọn núi chọc trời ấy. Đoàn hộ tống của vua Cao-Xương ban cho, đến đây, lớp trốn về, lớp chết rét dọc đường, chỉ còn lơ thơ ít người. Khỏi Lăng-sơn, lại phải qua sông Tô-Hấp-Lạp-Thập (?), và vượt núi Khách-Lạt-Côn-Lôn-Sơn, rồi mới đến Nhiệt-Hải (hiện là hồ Y-Tây-Khắc (Issy Khul) của nước Kirkiz (Liên-bang Sô-viết). Vòng theo Nhiệt-Hải, đi về hướng Tây độ hơn năm trăm dặm, đến Tô-Điệp-Thành (hiện là vùng Frunz Oblast của xứ Kirkiz) thì gặp ngay lúc quốc vương xứ Đột-Quyết là Điệp-Hộ Khả-Hản đi săn. Điệp-Hộ Khả-Hản nguyên là bà con của Khúc-Văn-Thái, nên khi được thơ giới thiệu của Khúc-Văn-Thái thì cả mừng, lật đật sai người hộ tống Huyền-Trang về kinh thành trước. Đi săn về, Điệp-Hộ bèn khiến các quan dùng trọng lễ nghinh tiếp Huyền-Trang, thỉnh ở lại giảng kinh ít lâu rồi mới sai người đưa đi. Huyền-Trang phải qua các nước : Nồ-Xích-Kiến (hiện là Trại-Lạt-Mục-Thành), Giả-Thời Quốc (Taskkent), hiện là xứ Uzbek (Liên-bang Sô-viết), qua sông Ô-Hứa-Thủy A-Mẫu-Hà (Amu Darya) vòng xuống hướng nam ba trăm dặm, trải qua các xứ Quật-Sương-Nĩ-Ca-Quốc (Khohan), Phổ-Khát-Quốc (Bukharn), Phong-Mạc-Kiện-Quốc (Samar Rand), mới đến Thiết-môn-sơn (Tron Gate), hiện là đèo Ba-đạt Khắc-sơn (Badakhsau) của nước A-phú-Hãn. Đường Thiết-Môn-Sơn vô cùng hiểm nghèo. Hai bên hố đá dựng đứng sâu ngòm, trên đèo chỉ có một con đường ngoằn nghoèo, hẹp tẻ. Tại đấy, có cánh cửa, khóa bằng khóa sắt, nên mới gọi là Thiết-Môn-Sơn. Đứng trên nhìn xuống, vực đá thăm thẳm. Rủi ro trật chân rớt xuống là tan xương nát thịt. Ra khỏi Thiết-Môn-Sơn, lại phải qua các nước Thổ-Hỏa-La (Tu khara, thuộc A-phú-Hãn), Gia-Tất-Thi (Kapisa). Đến đây, đoàn hộ tống của Điệp-Hộ từ giã trở về nước. Huyền-Trang lại đơn thân qua Phược-Khát-Quốc (Baklika) thuộc đông bắc A-phú-Hãn, rồi đến xứ Lâm-Ba-Quốc (Lampaka). Nơi đây, tình cờ Huyền-Trang gặp một vị hòa thượng trẻ tuổi xứ Thổ-Hỏa-La, tên là Tuệ-Tánh, tình nguyện theo làm đồ đệ, cùng đi Ấn-Độ. Hai người đi dần xuống Đông-Nam, vòng qua khỏi Đại-Tuyết-Sơn (Hy-Mã-Lạp-Sơn), đi được trên hai ngàn dặm thì sư Tuệ-Tánh lại được quốc vương xứ Thổ-Hỏa-La cho sứ theo triệu về.

Huyền-Trang một mình cất bước, đi hơn sáu trăm dặm nữa, qua khỏi Hắc-Lãnh, mới đến liên cảnh Bắc Ấn-Độ.

TRẦN-HÀ

KỲ TỚI : Vào xứ PHẬT.

Một vài cảm tưởng khi đọc SÁCH PHẬT

● *BÙI-GIÁNG*

THƯỜNG tôi không chú tâm đọc sách Phật nhiều. Vốn bản chất không ưa cố gắng hì hục, tôi đọc sách cốt để tìm một tâm hồn hơn là để ghi nhớ những lý thuyết lung tung.

Không thích đọc sách khảo luận về Phật giáo nhiều, vì bản chất, đã đành là một lẽ. Và lẽ nữa là vì tôi thường thấy có một mối hoài nghi, mối hoang mang lớn luôn luôn theo đõi mình mỗi khi muốn nghiên cứu tìm tòi. Tôi sợ rằng những sách viết ra không chắc gì đã không vô tình xuyên tạc.

Đọc sách viết về Phật, tôi chỉ có thể đọc sách Pháp. Và tôi sợ tinh thần người Âu vốn ưa phân tích theo tinh thần khoa học, có thể không nhận ra cái phần thăm thẳm thâm u trong một hệ thống triết học ngự trị trên tư tưởng Á-đông tự bao đời. Nếu rủi ro vớ phải một tập sách không giá trị mấy, thì ắt là không lợi gì, mà có phần nguy hiểm. Ít nhiều mình cũng sẽ chịu ảnh hưởng. Thế nên mỗi khi đọc một tập sách tiếng Pháp nói về Phật-giáo, là tôi cứ thầm tự nhủ mình: nếu thấy tác giả này có ý phân tích tỉ mỉ, lý luận sắc bén nhiều, vẻ có ý công kích gì đó, thì hãy nên làm ngơ đi. Đừng vì những lời của học giả mà đánh mất lòng tin tưởng nơi Thích-Ca.

Và tôi thấy rằng xưa nay tuy đã có va chạm với ít nhiều sách viết về Phật, tôi vẫn giữ nguyên vẹn hình ảnh Phật, rất đẹp trong tâm hồn mình. Có một cái gì không nói được ở nơi vị giáo chủ lạ thường ấy cứ như xui tôi mỉm cười khi thấy người đời nay đem tư tưởng Phật ra để mổ xẻ, lý luận. Tôi vốn thường có cảm tình với những tâm hồn sống

thiên về tình cảm hơn là về lý trí. Nên chi tuy tôi là người Quảng-nam mà tôi không chịu nổi cái phần người « Quảng-nam hay cãi » nơi tôi. Sống ở Sàigòn năm bảy năm trời, nhớ thương núi sông cố quận, mà mỗi bận gặp người cố quận là cảm thấy ngại ngùng. Cứ ngồi lại nói chuyện với nhau là y như cãi cọ. Quảng-nam có thể có những Phan-Chu-Trinh, Phan-Khôi, mà không bao giờ có một Nguyễn-Khắc-Hiếu.

Tôi thường nghĩ rằng một trang văn viết với say sưa nồng nhiệt của tâm hồn, dù có chủ quan, thiên lệch, ít nữa cũng còn một chút gì ở bên trong đáng nên chấp thuận. Còn hơn nhiều ý tưởng, lý luận nghe rành rẽ mà thật có hẹp hòi. Tôi vốn làm nghề dạy học, nên thường thấy đau lòng khi giảng bình, phân tích văn thơ, buộc học sinh ghi chép bài vở. Học sinh ngoan ngoãn ghi chép đầy dủ hì hục miệt mài, cho đủ chương trình, để rồi bữa sau, gần đến ngày thi, tôi gọi lên hỏi ôn bài vở cũ, học sinh trả lời nghe rất nhanh nhẩu, phân minh, lặp lại một đôi câu tôi đã nói một cách - không - sai - lệch chút nào. Và tôi đã toát mồ hôi : cu cậu có một giọng điệu nào đó khiến tôi hốt hoảng. Tôi không chấp thuận âm vang của câu trả lời. Tuy lời lời rất đúng. Tôi buồn lắm khi nghe học sinh lúc trả bài đọc song suốt một đoạn thơ Nguyễn-Du, giải rành rẽ những điển cố, đáp rành rẽ những câu hỏi về đại ý, về bố cục, về lối tả cảnh, tả người... Tôi nói :—« Thà rằng em đừng trả lời tôi được một câu hỏi nào, mà hơn. Tôi chỉ mong lắng được trong giọng đọc một âm hưởng nào đó thôi. » Tôi càng bực mình biết bao khi thấy các bạn đồng nghiệp dở vở con em ra để nhìn ngó, nhận xét đồng nghiệp này dạy đúng phương pháp, đồng chí nọ dạy bài có đầu hụt đuôi. Tôi nghĩ : Ừ ! Môn gì thì có thể nhận xét thế được, phải buộc ghi chép đuôi đầu phân minh, chứ môn Việt văn, và nhất là Việt thi, có lẽ đừng nên cho học sinh ghi chép một chút gì cả.

Đó là nói một cách tuyệt đối cho vui đáp lại lời một vài bạn, thế thôi. Tôi chỉ có ý muốn rằng bạn đọc bài này nhận ra mối hoài nghi của tôi đối với những nhà khảo luận Phật giáo phải là một mối hoài nghi có tính cách trầm trọng. « Một lời nói nhỏ nhỏ của mình đã không được con em hiểu giúp, đã bị các bạn đồng nghiệp hiểu sai, đã bị ông Hiệu trưởng khiển trách..., đã bị người đương thời của mình nhao nhao lên... thì thử hỏi những tư tưởng mênh mông trong tâm hồn của vị giáo chủ sống cách đây bao nhiêu thế kỷ làm sao được các học giả khệnh khạng giải thích cho xong ? ».

Tôi vốn thường có tâm lý bi quan ấy.

Thế nên bạn đọc thử tưởng tượng tôi sung sướng là bao khi đọc trong tập *Nhận định* của ông Trung, và tập *Biện chứng giải thoát trong Phật giáo* thấy có những câu như : « Trong tương giao thiết thực, lý luận phê bình hầu như vô ích, bất lực trước những người sống mãnh liệt theo một niềm tin, thấm nhuần một tôn giáo mà ta gặp ». Lời nói ấy đặt ở cuối tập sách nghiên cứu dày trên hai trăm trang, công phu suy luận thật quả phải có một trọng lực lớn.

Và rải rác trong tập *Nhận định* còn bao nhiêu lời như : « Khi đề cập một tôn giáo, ta chỉ có quyền thảo luận trong cái phần triết lý của nó thôi. Khi triết lý đó bước

sang phạm vi tôn giáo, ta không còn phê bình được nữa, vì có những điều mà người có tôn giáo đó tin, người ngoài không thể hiểu được và cho là vô lý. Đối với người chỉ công nhận lý trí là phương tiện độc nhất để lãnh hội chân lý, cái gì không hiểu được là vô lý ; nhưng với người có tôn giáo, nghĩa là còn công nhận một phương tiện khác là Đức Tin, sẽ coi những điều mình tin không phải là vô lý nhưng siêu lý, có những tính chất khác cái hữu lý... »

Tôi đã cảm động lạ thường khi đọc những câu đó. Đã có lần tôi nghĩ rằng : giữa những ngửa nghiêng của thời đại mình còn có một nhà tư tưởng trẻ nói được tiếng nói đó đối với một tôn giáo không phải tôn giáo của mình, thì thật là điều đáng mừng cho thiên hạ. Tôi đã nghĩ rằng tập Nhận định và tập Phật giáo của ông Trung là món quà đẹp của người Công-giáo gửi cho thế hệ chúng ta, và cho Phật-giáo. Những người Phật-tử hãy nhận giùm. Đất nước ngày mai có được cứu vớt phần nào là do ở tấm lòng đầy bác ái của người Công-giáo. Ta có nên nguyện cầu gì thì hãy cùng người Phật-giáo và Công-giáo nguyện cầu. Thời đại mình sắp chứng kiến một sự hồi sinh.

Thế nên tôi đờ đẫn biết bao khi thấy những đồ đệ của Phật lần lượt ra mặt phản đối, đả kích kịch liệt ông Trung. Tại sao giữa đời luôn luôn có những sự cản ngăn, những bức hàng rào chia biệt, không cho người giao cảm với người. Người ta đến với mình bằng cả một tấm lòng thân thiện, mà mình lại e ngại, nghi ngờ, nghĩ rằng người ta có ác ý gì đây, có định lợi dụng gì đây, có định ăn cắp của mình một món đồ gì đây.

Nhưng rồi lòng tôi dễ thay đổi. Đọc nhiều bài công kích giống giọng nhau, dần dà tôi chịu ảnh hưởng. Rồi, về tập sách ông Trung, tôi chỉ còn nhớ những trang phân tích tỉ mỉ, lý luận hẹp hòi, cần phải được một Lê-Đình-Thám chỉnh lại gấp. Tôi quên mất mấy lời sâu thẳm, tuy quá ít, đã phủ trùm trên tập sách của ông một không khí khác hẳn. Mất bầu không khí ấy thì người với người nhìn nhau với đôi con mắt khác nhau ngay. Y như là trong một bữa tiệc vui hứng hội hè anh - em - hoa - đèn rượu - thịt - hề - hả - tươi - cười, bỗng dưng điện tắt, đèn hết cháy, quạt điện không quay vù vù, mọi người đẫm mồ hôi, sắp cùng nhau to tiếng. Xin điện hãy sáng gấp lên. Xin Ava Gardner hãy bừng nở nụ cười trở lại.

Tôi đã chịu ảnh hưởng của điện tắt. Và khi tạp chí Bách-khoa khuyến khích tôi viết gấp một bài bàn về Phật giáo nội trong một ngày cho xong, vì báo đã sắp lên khuôn, thì tôi hân hoan hí hửng ra về, nghĩ rằng lần này mình sẽ tiếp tay thiên hạ mà « bồi » thêm cho ông Trung một nhát dao găm chơi. Nhát dao sẽ xuyên ngay vào ngực. Về nhà tôi bỏ ăn trưa, nằm khểnh ra, cầm một cây bút chì đỏ, lăm le.. Coi chừng ! gặp câu nào đáng nêu ra thì không bỏ sót dịp.

Tôi cương quyết trong ý định đó. Nhất là từ bấy lâu, ngoài hai tập sách của ông Trung, tôi còn đọc những bài thơ của ông đăng trong Đại học, trong một bài cuối nào tôi có gặp những dòng làm tôi bất mãn. — Không ngờ ông Trung đã biến

tính thế này. Một giáo sư triết học còn hẹp hòi thế này.

Tôi có ngờ đâu khi gấp gáp đọc lại tập Nhận định và Biện chứng giải thoát của ông Trung, tôi vẫn vấp trở lại những dòng chữ đã nêu ở trên. Chúng nằm sừng sững ra đó, nằm ỳ ra, không chịu nhúc nhích. Tôi cố xô đi cho nó xuôi theo định kiến của mình mà không được. Tôi đành bó tay lắc đầu, quẳng bút chì đỏ, thở ra một hơi dài, nửa như bực mình, nửa như khoan khoái. Tôi đi ăn cơm. Bữa cơm trưa nguội ngặm trở thành bữa cơm chiều. Rồi đánh thẳng một giấc ngủ dài, không có mộng triền miên. Nửa đêm thức dậy ngồi lại bàn khởi sự viết, không biết trước là ngòi bút sẽ lôi kéo mình tới đâu. Thì đến đây mới hay rằng... đến đó.

Ta phải cùng ông Trung thiết tha chấp thuận một điều : Dù có muốn thảo luận gì thì thảo luận, đưa ra bao nhiêu lý lẽ gì thì lý lẽ, cho uyên bác đi, cho khoa học đi, cho rằng lòng từ bi của Phật giáo có tính cách vị kỷ đi, lòng từ bi chỉ là phương tiện không phải cứu cánh đi... Nhưng đừng quên một điều căn bản : trong tương giao thiết thực, lý luận phê bình hầu như vô ích, bất lực trước những người sống mãnh liệt theo một niềm tin, thấm nhuần một tôn giáo mà ta gặp. Trước những người đó, ta chỉ còn biết : kính phục và yên lặng.

Phải chăng chính tấm lòng của Giêsu đã lên tiếng bảo người công giáo hãy thốt ra lời đó đối với Thích-Ca ? Và phải chăng những môn đệ của Thích-Ca vì có định kiến ít nhiều nên quên mất một đôi lời của vị giáo chủ : « Tôi không thích lý thuyết. Bổn phận trước tiên của chư tăng là gây hòa thuận không phải tranh luận » Thật là trọn vẹn. Mở đầu bài bàn về từ bi Phật trong tập Nhận định, ông Trung dám nhắc ngay liền lời nói đó của Phật, để rồi sang tập sách kia « Biện chứng giải thoát trong Phật giáo », ông kết luận như ta đã nói ở trên, thì sau này dù ông có tranh luận ồn ào, sai lệch, cố chấp, ông vẫn đủ tư cách để cố chấp, đủ điều kiện để chủ quan. Ông sẽ phụ người mà vẫn vẹn nghĩa sắt son là thế. Chính những lời nói tiên đã giúp ta tin tưởng ở ông, chứ không phải cái bằng tiến sĩ triết học hay cái chức Giáo sư đại học của ông.

Và ta biết rằng ở bên kia thế giới, nơi nước non xa lạ nào, hai vị giáo chủ đã có mỉm cười nhìn nhau. Thích-Ca nói với Giêsu : « Sái thật ! Dương-Minh của tôi chỉ vì quá yêu tôi mà không nhận thấy tấm lòng của môn đệ hiền huynh ». Và Giêsu cười rằng : « Văn-Trung của tôi dám táo bạo vạch những điểm mâu thuẫn trong tư tưởng của hiền đệ, mà quên mất rằng trong giáo lý của tôi cũng có biết bao nhiêu là *paradoxes*. Nhưng không hề gì. »

Nếu tập sách ông Trung thiếu câu nói trên, và những lời khác tương tự rải rắc khắp tác phẩm, thì ta có thể nghĩ rằng ông chỉ là một luận lý gia, chưa phải một nhà tư tưởng, một nhà triết học chân chính. Lý luận, phân tích chỉ là một chặng đường tạm đi, để tìm thấy ở cuối đường bầu trời tổng hợp mênh mông bát ngát ta từng linh cảm tự buổi đầu bằng trực giác của thương yêu. Nếu ông Trung lý luận mãi, mà không có lời hạn chế ấy, thì ta dám tin chắc rằng tuy ông là người công giáo, ông không thật có niềm tin ở Chúa Trời.

Nhiều lời nói của Ki-tô nếu đem ra

phân tích theo lối sắc bén hẹp hòi, thì ta sẽ nghĩ sao ? Chẳng hạn : « Ta đến giữa cõi đời này để phán xét lại, sao cho những người không thấy phải thấy, và những kẻ thấy trở thành đui. » Ta sẽ hỏi : kẻ nào thấy, kẻ nào đui ? Thế nào là thấy ? Thế nào là đui. Suy luận nghiêm ngặt luần quần, cuối cùng ta sẽ tự hỏi người - không - thấy bây giờ được thấy là ông Tiến-sĩ Triết học hay là gã nông phu chân lấm tay bùn ?

Và lời này : « Kẻ nào tự hạ sẽ được nâng lên, kẻ nào tự cao sẽ bị hạ xuống. » Phân tích theo lối « đạo Phật không có từ bi, bác ái », thì lời nói đó của Ki-tô cũng có thể là lời dạy người hãy đạo đức giả để được nâng lên cao.

Những bậc Chí-Tôn, họ tổng hợp mâu thuẫn ở cõi bát ngát của thương yêu, còn ta loay hoay ở giữa hỷ, nộ, ai, cụ, ái, ố, dục, thì ta ước độ họ sao nổi. Rất ít khi đi giữa vòm cây lá mà cảm thấy hồn mình với hồn lá chung một với hồn cánh chuồn chuồn bay.

Trước nụ cười bất tuyệt của Thích-Ca, bao nhiêu những lý luận của triết gia vạch mâu thuẫn của Người phải chịu rơi là tả hết. Người không nói một lời nào. Nhưng ta phải hiểu. Và ta ắt phải nhớ lại nụ cười của Giêsu, một bận nào... Buổi cuối cùng còn ở lại trần gian Người đã cho các Sứ đồ một bài học cuối cùng. Rồi Người đã im lặng. Một niềm linh cảm ghê khiếp bàng bạc trong không khí phủ lạnh tâm hồn các Sứ đồ... « Encore un peu de temps et vous ne me verrez plus ; encore un peu de temps et vous me verrez, — chỉ còn ít lâu nữa, các ngươi sẽ không còn nhìn thấy ta; chỉ còn ít lâu nữa, các ngươi sẽ nhìn thấy ta. » Giêsu dừng lại. Rồi nói. Rồi lặng thinh. Nơi khác Người nói với các Sứ đồ chuẩn bị sẵn sàng vì giờ tranh đấu sẽ đến, và đến giờ đó, một « *lưỡi gươm sẽ có ích lợi hơn một chiếc áo dài* », thì các Sứ đồ vốn quen hiểu hình ảnh tượng trưng theo nghĩa thiết thực nhất, bèn đưa ra cho người ngó những khí giới đầy đủ có mang theo : có thể đương đầu hiểm nguy với đêm tối. « *Seigneur, nous avons deux épées.* »—« *C'est assez !* Đủ lắm rồi. » Và Giêsu đã mỉm một nụ cười với một niềm xót thương vô hạn. Nụ cười mỉa mai mà rộng lượng vô ngần của con người phi thường đã ước độ hết đáy sâu thẳm của bao nhiêu tủi buồn, của bao nhiêu điều hiểu lầm chua xót, và từ đó đã tìm ra lý do để mà thương đời với lòng bác ái mênh mông thêm.

Bạn đọc có thể trách tôi có lần đã táo bạo, trong một tập giảng luận, dám cao hứng đưa một thi nhân lãng nhăng ra sánh với những bực Thánh. « Tản-đà là Lão-tử. Tản-đà là Giêsu Ki-tô. Tản-đà là Thích-Ca. Tản đà là cả ba người kia hợp lại. » Thú thật, nhiều lúc đọc lại mình, tôi toát mồ hôi, hoảng lên trước cái ngông cuồng dại dột của mình. Nhưng sở dĩ tôi dám ngông cuồng đến thế là cũng do sự tin tưởng ở lòng thăm thẳm của Giêsu. Sinh thời, Người đã chịu rửa chơn cho môn đệ. Thì ngày nay thiết tưởng ở đôi trường hợp oái oăm oan uổng, ta cần phải nhờ đến Người để rửa giùm nỗi khổ đau cho một kẻ hàm oan giữa những u tình khôn tỏ. Người sẽ bằng lòng mỉm một nụ cười tha thứ thấy chúng ta dám ghép bừa người vào với

hai bậc thánh khác để cùng đứng chung biện hộ cho một kiếp người nhỏ bé dở dang...

Tôi dại dột tưởng thời đại chúng ta nên tìm cách kìm hãm bớt sự tra cứu bác học, sự miệt mài kinh sử, sự ngốn ngấu văn chương cho đầu óc đầy phè. Vì cái tật uyên bác đôi khi là trở ngại cho sự tìm về giao cảm với những mạch nguồn sâu thẳm của tôn giáo ngàn xưa. Thời đại chúng ta lầm than đã lầm, phải chăng vì Trí thắng Tâm ? Riêng người nông phu chân lấm tay bùn không biết khinh ai, lại còn vì nể kẻ ăn xin, chia sớt buồn đau với những cô đĩ, với những thầy thông, thầy ký thất nghiệp lang thang ghé xin trọ nhờ một đêm, ăn nhờ một chén cơm hầm. Không có một Thạc-sĩ Simone Weil nào chịu chối bỏ cái ghế giáo sư triết học của mình để đi vào đám thợ thuyền mà thông cảm những lao đao, những lầm than khôn xiết (X. La condition ouvrière — S. Weil) để rồi trọn đời tự buộc mình nhịn đói nhịn khát mặc dù bịnh lao hành hạ, tâm hồn canh cánh khôn nguôi vì tai ương của nhân gian một lần đã đi sâu vào trong xương thịt, vì người đã dám một mình, giữa cuồng loạn, mang chịu hết trên quả tim mình bao nhiêu khổ ải của đời, của hàng triệu kẻ bữa ăn bữa nhịn, đầu đường xó chợ lang thang...

BÙI-GIÁNG

★ Tài năng đặc thù của người lãnh đạo là tài năng quản trị, nghĩa là tài năng dự phòng, tổ chức, chỉ huy, và kiểm sát công việc ; tài năng đánh giá được các giá trị tương quan và cân nhắc đúng mức sự hợp thời, sự thích nghi ; tài năng biết người, hiểu người vì đã từng điều khiển người.

Tướng mạo với bản lĩnh

Đời Tam quốc, nước Ngô sai sứ sang thăm Tào-Tháo. Tháo không muốn ra mặt, sai người đầy tớ mặc y phục của Tháo ra tiếp sứ Ngô, còn Tháo cầm siêu đao đứng hầu để nghe sứ Ngô nói chuyện. Tiếp kiến xong, sứ Ngô ra về, nói với người đi theo : « *Tróc đao nhân, chân anh hùng giả* », người cầm đao mới thật là anh hùng vậy.

THƯ KÝ HÀN LÂM VIỆN ẤN ĐỘ K. E. KRIPALANI TIẾP XÚC VỚI THI SĨ ĐÔNG HỒ ĐỂ HỎI VỀ KỶ NIỆM THI HÀO R. TAGORE

• *Ký sự của Đông-Hồ*

(Xin xem Bách-Khoa số 56)

TÔI hỏi ông Kripalani, việc Hàn lâm viện Ấn-độ trù tính đến năm 1961, sẽ làm lễ đệ bách chu niên kỷ niệm ngày sanh nhật thi hào Rabindranath Tagore như thế nào ?

Ông Kripalani đáp :

— Hiện hãy còn nghiên cứu, chưa ấn định. Chuyến châu du này của tôi, vừa là để thu thập tài liệu, vừa là để thăm hỏi ý kiến các bạn văn hóa mọi nơi, trong thế giới, xem phải làm thế nào. Chúng tôi rất ước mong được các bạn Việt-nam giúp chúng tôi, cho ý kiến, cho tài liệu, cho tác phẩm. Điều mà hiện có thể biết được là Viện Hàn lâm Ấn-độ phải lo ấn hành những tác phẩm, những tài liệu có liên quan đến thi hào Tagore.

Ví dụ ở Việt-nam đây. Các bạn văn hóa sẽ làm một quyển sách góp, nói về Tagore. Mỗi vị cho một bài. Hoặc là nói về ảnh hưởng chung của Tagore đối với văn hóa Việt-nam, hoặc là nói riêng về mỗi nhà văn đã có cảm tình, đã có kỷ niệm gì, đối với Tagore. Sách đó sẽ được dịch ra nhiều thứ tiếng, và Viện chúng tôi sẽ phát hành, trong dịp lễ kỷ niệm.

Nhân đây, riêng tôi, tôi mong được hoan nghênh ý kiến thi sĩ Đông-Hồ và các bạn hiện diện.

Tôi đáp :

— Từ đây cho đến năm 1961, cũng hãy còn lâu, chúng ta hãy còn nhiều thời gian trù tính.

Có lẽ rồi, các anh em văn hóa sẽ có dịp bàn tính chung, về việc này.

Riêng tôi, là một người làm thơ tầm thường, chưa xứng đáng để lãnh phần danh dự góp công vào.

Ở đây, giới văn hóa hãy còn đông đảo lắm. Giới văn nhân, giới ký giả, giới thi sĩ. Lại còn giới ca nhạc nữa, vì theo tôi biết, thi hào Tagore, chẳng những là một nhà thơ, mà còn là một nhà âm nhạc, một nhà thẩm âm có tài. Thơ Tagore là nhạc. Mỗi bài thơ là một bản nhạc, mà tiếng Bengali, cũng như tiếng Việt, rất giàu nhạc điệu. Tagore muốn làm thơ, bắt đầu thử ghi nhận âm điệu trước, rồi mới tìm lời sau, y như là nhạc sĩ phổ nhạc. Có lẽ, các nhà âm nhạc Việt-nam chúng tôi, đã có phổ nhạc những thơ Tagore rồi, mà tôi không biết.

Xem đó thì thấy cuộc góp công vào việc dự lễ kỷ niệm của Tagore sẽ to lớn lắm, và còn cần mở rộng phạm vi cho khắp các giới văn nghệ.

Ngoài các hội văn hóa, như Hội Báo chí, Hội Nghiên cứu liên lạc văn hóa Á châu, Hội Bút Việt, Văn hóa vụ của bộ Thông tin, Nha văn hóa, Đại diện cho Unesco, còn bộ Quốc gia giáo dục. Chính Bộ mới chính thức, mới có đủ thẩm quyền, có đủ điều kiện đứng ra chủ trương việc này.

Chúng tôi có dự vào, cũng chỉ được hân hạnh góp vào đó một phần nhỏ thôi.

Ông Kripalani ngắt lời cười bảo :

— Nhưng ngay bây giờ, thi sĩ hãy hứa đi ! Hứa đi, rồi chắc chắn sẽ thành công. Vì lời của các thi nhân, xưa nay, đều là những lời tiên tri cả mà !

Mà thôi, Ông Kripalani nói tiếp, hiện thi-sĩ Đông-Hồ riêng đã có kỷ-niệm gì đối với Tagore chưa ?

Tôi chỉ lên giá sách, đối diện chỗ đang ngồi, đang treo một bức chữ khổ 50 x 120cm.

Giáo sư Nguyễn-Đình-Hòa giải thích cho ông biết đó là một bức giấy Dó nhuộm màu hoa hoè vẽ long phụng. Là loại giấy rất quí do thủ công nghệ ở làng Bưởi chế nên. Đây là loại giấy ngự dụng, ngày xưa chế riêng cho Triều đình, dùng để viết bằng sắc phong thần và ban phẩm tước cho các quan.

Còn chữ viết là chữ Quốc ngữ viết bằng bút lông mực Tàu, do tôi nghĩ tập, để thay cho chữ thảo của Tàu, mỗi khi có bài thơ câu đối viết treo chơi.

Bài thơ chép trên đó là bài dịch trong sách Gitanjali, sách được giải Nobel năm 1913.

Và còn một bài nữa. Tôi đưa ra chiếc quạt giấy nan tre. Một mặt quạt vẽ điểm nhiễm vài nét sơn thủy, một mặt chép bài thơ dịch, cũng như bài trên, dịch ở sách Gitanjali của Tagore.

Ông Kripalani nhờ ông Nguyễn-Đình-Hòa dịch qua hai bài thơ cho ông nghe thử.

Bài nào cũng vậy, khi ông Nguyễn dịch đến câu thứ hai, thì ông Kripalani gật đầu, tỏ ý đã biết rồi. Ông đọc thuộc lòng ngay cả hai bài bằng bản dịch tiếng Anh.

Ông Kripalani nói rằng ông rất lấy làm lạ vì sao thi sĩ Đông-Hồ dịch hai bài thơ này. Đây là hai bài thơ mà thi hào Tagore lấy làm đắc ý. Thuở sinh

thời, thi hào thường ngâm luôn. Thấy thế, phải cho thu thanh, để giữ lại giọng ngâm của tác giả.

Ông Kripalani lại cho biết là hiện ông có mang « băng » thu thanh hai bài thơ đó, và vài bài khác nữa, theo cuộc hành trình, hiện để tại khách sạn Majestic. Ông sẽ cho mượn để thâu lại giọng ngâm hai bài đó, của Tagore, bằng tiếng Bengali.

Tôi nhờ giáo sư Nguyễn-Đình-Hòa nói. Hai bài thơ này tôi dịch từ năm 1929, là năm Tagore sang đây, dịch theo thể song thất lục bát là một thể thơ xưa, bây giờ ít ai làm nữa.

Thơ này đã có in trong tập *Thơ Đông-Hồ*, xuất bản năm 1932.

Hôm nay, nhân ông Kripalani sang đây tìm tài liệu về thi hào Tagore, tôi chép ra :

Ô. Kripalani và Thi-sĩ Đông-Hồ đứng trước bức chữ Dó hóe Long phượng. Trên tay cầm cánh quạt đề thơ.

Bức Dó hoè long phượng, chép bài *Quê Hương Nhân Loại*, thì nhờ ông mang về tặng viện Hàn lâm nước Ấn-độ.

Còn chiếc quạt giấy, chép bài *Lời cầu nguyện*, thì riêng tặng cho ông để làm duyên văn hóa.

Ông Kripalani đứng lên, chắp hai tay để trước trán, cúi đầu như lối nhà sư niệm kinh, cung kính đáp rằng :

— Tôi không dè mà được hậu đãi như thế này : Bức chữ thì tôi mang về giao cho viện Hàn lâm, chắc chắn là nó sẽ được để vào bảo tàng viện Tagore. Còn chiếc quạt, ồ chiếc quạt, quí hóa lắm. Chiếc quạt tôi sẽ mang về tặng lại cho bà Kripalani. Bà mới là người xứng đáng được lãnh tặng phẩm này ; vì vợ tôi là người cháu gái độc nhất của thi hào Tagore đó. Vợ tôi sẽ cảm động biết bao, khi nhận được chiếc quạt thanh nhã do tôi từ xa mang về. Vừa là kỷ niệm của một bạn văn hóa phương trời, vừa là kỷ niệm của tổ phụ trong gia đình.

*

Phần mình đàm, phần tống tặng cũng đã tạm đủ. Sau cùng, dành phần cho từ ý văn hoa thúc kết buổi tao phùng. Tôi đọc mừng ông một bài nghinh từ nhỏ. Là lời nói của giới văn hóa Việt-nam gởi gắm cho ông thư ký Hàn lâm viện Ấn-độ :

Thưa,

Có một con sông, bắt nguồn từ chỗ cao siêu tuyệt vời, đổ ra chỗ sâu thẳm mênh mông ; chứa chan lai láng khắp các lòng đất.

Từ cõi đất rất gần, đến cõi đất rất

xa, góc hẻo lánh quạnh hiu nào mà không được giọt nước con sông nọ, nhiều ít, tầm tưới thấm nhuần, cho lòng đất được mát mẻ, hồn đất được êm đềm.

Đời đời kiếp kiếp, không cách dòng đứt quãng bao giờ.

Đó không chỉ là con sông Hằng-hà, con sông Hằng-hà mà số cát « Hằng hà sa số » tượng trưng cho vô lượng vô biên; mà đó còn là nguồn triết học đạo lý của nước Ấn-độ. Cũng như con sông kia, nguồn triết học đạo lý nọ, đã phát nguyên từ chỗ cao đại vô cùng rồi chảy tràn ra chốn uyên thâm bất tận, vĩnh viễn tầm nhuần cho lòng nhân loại. Đời đời kiếp kiếp, không cách dòng đứt quãng bao giờ, cho đến ngày hôm nay.

Chiều hôm nay, Ngài đến với chúng tôi, cũng như chiều hôm xưa, cách đây vừa đúng 30 năm, thi hào Rabindranath Tagore đã đến với chúng tôi.

Ngài đã noi theo dòng nước nọ mà đến đây.

Chẳng lạ lùng, không bỡ ngỡ, chúng ta tiếp xúc nhau, như đã quen thuộc tự bao đời.

Chúng ta há đã chẳng cảm thông nhau từ bao thế kỷ rồi đó sao, nhờ chúng ta đã từng cùng nhau soi bóng trên dòng nước trong xanh nọ, đã từng cùng nhau cúi xuống vốc giọt nước thanh khiết mà uống vào lòng, đã từng tắm gội chung một dòng đạo lý thiêng liêng.

Từ bao thế kỷ, nước sông Hằng-hà đã chẳng hòa lẫn với nước sông Mê-kông, nước sông Đồng-nai đó sao.

Hai bài thơ, năm xưa, tôi dịch được ở tập Gitanjali, hôm nay, chép ra đưa tặng, nhờ Ngài mang về cho viện Hàn-lâm qui quốc ; là chút kỷ niệm chung đối với vị đại thi hào của nhân loại.

Ngài chắc đã nhận ra rồi, mực chép bài thơ này, là mực mài với nước có lẫn nước sông Hằng-hà đó.

Và còn đây, chén trà nghinh tiếp Ngài hôm nay, Ngài nếm xem, có đúng là trà pha với nước có lẫn nước sông Hằng hà đó không.

Đông hồ

★

Tôi đọc xong thì được dịch ngay ra Anh văn. Ông chăm chú nghe.

Bài nghinh từ, tôi chép tay, trên giấy vieux vélin, đóng thành tập, bìa kim bảng, đưa ông giữ.

Ông Kripalani tỏ vẻ rất cảm động, hai tay trịnh trọng đón lấy tập văn, nói thêm mấy lời tạ lãnh, rồi thì tôi đưa ông Hàn ra sân. Chủ khách chắp tay làm lễ bái biệt.

★

Đêm đó, bác sĩ Gupta, lãnh sự Ấn, mời ông Kripalani ăn cơm ; đến dự có ít vị đại diện cho bộ Giáo dục, cho các cơ quan văn hóa.

Trong tiệc, nói chuyện vui vẻ thân mật lắm.

Có một việc, tình cờ xảy ra, tôi chép ra đây, kể như là giai thoại.

Nhơn trong khi ăn, nói về lối ăn cầm đũa và không cầm đũa của người Á-đông, nói về các món ăn Việt, các món ăn Ấn, nói về sự điều nhầm cay nồng mặn

lạt của mỗi dân tộc khác nhau, tôi có kể một câu « chuyện đời xưa ».

Tôi kể :

Đêm nay, bọn mình nói nhiều về chuyện ăn, tôi chợt nhớ lại, ngày xưa, có một bậc thánh không thích nói chuyện ăn, đúng hơn là không thích ăn nữa. Ông Thánh đó, trong tay không một tấc gươm, không một viên đạn, suốt đời chuyên dùng chiến thuật làm như nhịn đói, mà đánh ngã được một đế quốc to lớn, khiến cho kẻ xâm lăng cũng phải kính nể mà hàng phục.

Thế mà mỉa mai thay ! Ông Thánh đó không chết vì đói ; chẳng những không chết vì đói khát mà cũng không chết vì từ đây. Đợi cho đến ngày Quốc gia giành được lãnh thổ, dân tộc giành được độc lập rồi, chỉ vì nội loạn, hai tôn giáo tranh chấp nhau, mà ông Thánh đó bị một kẻ cuồng tín cầm một vũ khí tầm thường giết chết.

Chuyện thật là lạ lùng !

Nghe tin Thánh bị ám sát, đồng bào của Thánh lấy làm đau đớn lắm, có làm lễ truy điệu tại hội quán, trong ngôi đền thờ ở đường A. Dupré, bây giờ là đường Thái-Lập-Thành.

Có một thi sĩ, đang cảm khái về nỗi nước nhà tao loạn, ngồi ở một ấn quán đối diện, nhìn qua cuộc lễ truy điệu, lòng thấy buồn một nỗi buồn thời thế. Thi sĩ ứng khẩu bốn câu :

Dân ba trăm triệu chia Hồi Ấn
Một tấm thân gầy lo xác khô
Cõi Phật từ nay Người nhịn đói
Cuộc đời thôi mặc kẻ ăn no !

Ông Thánh nhịn đói đó là ai, chắc các ngài đã biết rồi ; còn anh thi sĩ buồn ngông ngông nọ, là người, hôm nay, đang được ngồi « ăn no » với các Ngài đây.

Ông Kripalani và thi sĩ Đông-Hồ chắp tay làm lễ bái biệt

Ông Kripalani nhờ ông Nguyễn-Đình-Hòa dịch bài thơ của tôi, chép vào quyển lưu bút của ông. Rồi ông kể thêm rằng : Năm 1948, khi Thánh Gandhi bị ám sát, thì ông đang làm tùy viên văn hóa ở Brésil, Sứ quán Ấn nhận được hung tín, loan truyền ra, cách mấy tiếng đồng hồ sau, có một nữ sĩ nhỏ người Brésil cũng làm một bài thơ cảm động lắm.

★

Tiệc xong, ông Kripalani nhờ Đông-hồ ngâm hai bài thơ dịch Gitanjali của Tagore, nhờ ông Lãnh sự Gupta thu thanh để ông mang về Ấn-độ.

Mấy hôm nay, người mệt, chiều nay lại uống nhiều nước trà, giọng đục quá. Nhưng cũng đành phải nhận lời, cốt ngâm lấy từng tiếng, từng chữ rõ ràng :

Bác sĩ Gupta nói trước mấy lời giới thiệu, rồi đưa ống thu thanh cho tôi. Tôi lên giọng :

QUÊ HƯƠNG NHÂN LOẠI

Đó là chốn lăng tăng khi cất
Đó là nơi khoáng đạt tâm hồn
Là nơi bác ái chứa chan
Là nơi chẳng có tương tàn tương ly
Đó là chốn trí tri cách vật
Đó là nơi nỗ lực thành công
Là nơi đạo lý quán thông
Thanh cao chẳng lẫn trong vòng tối tăm
Đó là chốn vững cầm thiên ý
Bước vào nơi ngõ trí đường nhân
Thảnh thơi trong cõi tinh thần
Quê hương nhân loại muôn phần tỉnh tươi.

★

LỜI CẦU NGUYỆN

Cầu nguyện đấng toàn năng toàn trí
Đánh tan lòng vị kỷ đê hèn
Cầu cho lòng được tự nhiên
Khi vui vui thoảng, khi buồn buồn qua
Cầu cho được tài hoa lỗi lạc
Để đem thân gánh vác việc đời
Lòng ta nguyện với lòng trời
Gần đời cao thượng xa đời nhỏ nhen.
Nguyện đừng khuất phục quyền uy vũ
Nguyện đừng khinh bỏ kẻ khốn cùng
Lòng trời xin tựa cho lòng
Trong khuôn số mạng vui cùng hóa nhi.

(Dịch hai bài thơ XXXV và XXXVI ở sách Gitanjali của R. Tagore)

★

Tôi ngâm xong, hai ông cảm ơn nói :

Tiếng ngâm này đến năm 1961, sẽ đồng vọng trong buổi lễ đệ bách chu niên của thi hào Rabindranath Tagore, rồi sẽ còn ngân nga vĩnh viễn ở nước chúng tôi.

ĐÔNG-HỒ

★

Về việc tìm tài liệu kỷ niệm Thi hào R. Tagore

Nhân thấy được phần đầu bài ký sự này đăng ở Bách-Khoa số 56, nữ sĩ Ái-Lan cho tôi hay là nữ sĩ có giữ một kỷ niệm về thi hào R. Tagore rất quí.

Năm 1929, khi R. Tagore đến Sàigòn, thì anh của nữ sĩ là cố ký giả Lê Trung-Nghĩa làm phóng viên cho báo Tribune Indochinoise. Lê Trung-Nghĩa vừa là một phóng viên nổi tiếng, vừa là một họa sĩ có tài, bấy giờ đến phỏng vấn thi hào Tagore tại khách sạn Continental.

Thi hào Tagore đã ngồi yên tại chỗ cho họa sĩ Lê Trung-Nghĩa tức tịch vẽ truyền

thần chân dung thi hào. Hình trắc diện, râu tóc bạc, áo đen, ngồi cầm bút, đặt tay lên bàn. Vẽ bằng than đen, trên giấy trắng cứng, khổ 50x65 cm.

Bức vẽ này, họa sĩ Lê Trung-Nghĩa ký tên, đề ngày 22 Juin 1929 ở dưới. Và thi hào R. Tagore ký tên vào phần trên chỗ tay cầm bút, đề ngày theo lối Anh Mỹ : June 23-1929.

Bức vẽ này thực là một văn nghệ phẩm rất quí, một kỷ niệm tốt cho làng văn hóa, hiện còn giữ nguyên vẹn tại nhà nữ sĩ Ái-lan ở Bàn-cờ.

Tôi mách như vậy, để các cơ quan văn hóa và Lãnh sự quán Ấn-độ ở đây lưu ý, nếu có cần, thì tìm hỏi vị chủ nhân trân tàng.

Nhân đây, tôi nghĩ các nhà văn hóa có kỷ niệm, có cảm nghĩ về Tagore, nên công bố lên báo, để tiện việc cho người sưu tầm về nhà đại thi hào này.

ĐÔNG-HỒ

★ Bất luận làm nghề nghiệp gì, phải có tài năng trong nghề nghiệp ấy, cho nên người có tài năng trong nghề nghiệp không những gây được uy tín mà còn tỏ ra có tâm địa ngay thẳng. Napoléon nói : « Kẻ vô lương tâm nhất là kẻ làm một nghề mà không biết gì về nghề của mình. »

★ Biết, phải biết cho suốt ; làm, phải làm cho đến nơi. (Trương-Tĩnh-Phong)

★ Đòi hỏi người chỉ huy phải có đủ mọi tài năng thì không bao giờ tìm được người chỉ huy. Vì tài năng chính của người chỉ huy là tài năng tổng quát sự việc. Nếu họ có tài năng riêng, cũng là điều hay, nhưng nếu họ để cho sự thành công của tài năng riêng ấy đưa họ đi quá xa thì họ sẽ mất lần tài năng tổng quát và rồi sẽ chỉ còn là một chuyên viên.

Trụy lệ bi

Dương-Hựu một danh thần đời Tây Tấn, làm quan trấn tại Tương-dương. Đức chính ông rất nhiều, nên dân thương ông như cha mẹ. Ông thường hay lên chơi trên một trái núi tên gọi Nghiêu-sơn, nên sau khi chết, dân dựng bia kỷ niệm ở đó. Người đi qua trông thấy bia, ai cũng thương nhớ rỏ nước mắt. Bia ấy về sau gọi là *Trụy lệ bi*, có nghĩa là bia làm sa nước mắt.

sự tích một chiếc nghiên xưa

★ *Nguyễn-Thiệu-Lân*

Ở viện Bảo Tàng, tại **Đế-đô** *(Huế) có một cái nghiên. Ông coi viện rất lấy làm vinh hạnh khi có một người lạ đến thăm viện... Ông được dịp chỉ cho xem một cái nghiên đó, mà ta thường gọi là* nghiên của vua Tự-Đức.

Tôi đã có nhiều dịp vào Huế để nhìn cái nghiên này.

Đã biết bao báu phẩm của ta bị mất!

Chỉ còn có cái nghiên này.

. . . . . .

Tôi xin hiến bạn đọc sự tích chiếc nghiên xưa đó.

★

Năm *Nhâm-Dần* (năm thứ hai triều vua Thiệu-Trị) (1842) tháng mười, có người dâng cái nghiên xưa.

Dài bảy tấc bốn phân, rộng bốn tấc bảy phân, dày năm phân.

Chất bền mà láng bóng, kiểu xưa mà đơn sơ.

Rõ ràng một phiến « ngói âm dương », mà người xưa đã nhân hình dạng đục ra chỗ chứa nước, chỗ mài mực.

Đầu nghiên có khắc bài *minh* (Bài minh là một bài thơ, theo cổ văn):

1— Kỳ sắc ôn nhuận,
2— Kỳ chế cổ phác,
3— Hà dĩ trí chi,
4— Thạch cừ bí các,
5— Cải phong tức mặc,
6— Lan đài liệt tước,
7— Vĩnh nghi bửu chi,
8— Thơ hương thị thác.

Bài thơ bằng chữ Hán đó khó dịch lắm.

Có những chữ không có thể dịch được.

Đại khái nghĩa bài thơ như sau này:

1— Sắc nghiên ôn nhuận,
2— Kiểu nghiên cổ phác,
3— Nên đặt chỗ nào ?
4— Thạch cừ bí các,
5— Tức mặc đổi phong,
6— Lan-đài (!) dự tước,
7— Quí báu đời đời,
8— Thơ hương phú thác.

Bài minh bằng chữ Hán đã được các quan Bộ Học dịch như trên.

Có một *điển tích*, ấy là:

Đời xưa phong cái nghiên là *Tức mặc hầu*.

Tức mặc là tên đất, mà nghĩa chánh *tức* là *tới*, *mặc* là *mực*. Vậy nên đời xưa, nhân tên đất mà phong hầu cho cái nghiên, lại có ý riêng là cái đựng mực.

Lan đài là nơi làm sách. Nơi ấy phải cần nghiên bút.

Nghiên là Tức mặc hầu.

Bút là Quản thành tử.

Nghiên và bút đều dự tước trong *Lan đài* cả.

Sau bài minh đã dẫn ở trên, ông Tô-Thức xưa có khắc hai cái ấn.

Một cái khắc hai chữ :

Kỳ trân nghĩa là *Quí lạ.*

Một cái khắc hai chữ :

Tàng bửu nghĩa là *Báu kín.*

Ông Tô-Thức là một vị hay chữ đời Tống.

Sau lưng nghiên có khắc bốn chữ :

Thạch cừ các ngoã, nghĩa là ngói ở Các-Thạch-cừ.

Dưới, lạc khoản mấy chữ rằng : «Nghiên này chế vào tháng tám, năm thứ ba, hiệu: *Nguyên phù.* »

Ngài truyền đem nghiên ấy dâng vào sở *Kinh diên.*

Rồi Ngài truyền *Nội các* như sau này : (Ta đừng quên rằng Ngài Thiệu-Trị rất hay chữ)

« Nghiên này làng hiên Các Thạch-cừ xưa. »

Nguyên các ấy từ *Tiêu-hà* lập ra để chứa đồ tịch. Đến năm thứ ba, hiệu *Cam Lộ*, vua Tuyên-đế nhà Hán hội các nho thần giảng ngũ kinh tại đó.

Từ năm thứ ba hiệu Cam-Lộ đến năm thứ ba hiệu *Nguyên-Phù* đời Triết-Tôn nhà Tống, Tô-Thức mới được phiến ngói ấy, làm thành nghiên, cả thảy một ngàn một trăm bốn mươi chín năm (1.149).

Từ khi ấy đến nay, lại được hơn bảy trăm bốn mươi năm nữa (740). Thời nghiên này gốc tích từ đời Hán, làm thành ở đời Tống mà xuất hiện ra đời nay, thiệt là một vật báu về việc hàn mặc.

Bây giờ, cách sau Hán, Tống đến hơn hai ngàn năm, nghiên đó há chẳng phải là vật qui báu Trời, Đất để dành, đợi thời mới bày tỏ ra hay sao ?

Trong đạo chuộng văn, khác thời thế mà chung một vật báu, đời này cũng đời Hán, Tống xưa, chừng có cơ duyên khế hiệp với nhau chăng ?

Âu-Dương-Tu đời Tống xưa có câu rằng :

« Ai ưng vật gì thời vật ấy thường tụ hội tới ».

Nghĩa là vậy đó.

*

Trên đây tôi sao nguyên văn một sử liệu trong bộ *Chánh-biên.*

Một câu hỏi đặt ra : Ai đã dâng nghiên xưa này lên Ngài Thiệu-Trị ?

Phải chăng là một người Trung-hoa ? Người này đã biết giá trị của cái nghiên và đã biết đem dâng cái nghiên ấy lên Nhà Vua,

Vua Tự-Đức đã thường dùng cái nghiên đó.

Thực là một quốc bảo, còn giữ được đến bây giờ, cũng là một sự lạ, vì không bị thất lạc hay đập vỡ.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

(Xin coi Bách-Khoa từ số 48)

Đức ẩn-khuất của Láo-giáo

và đức khiêm nhu

CỦA KI-TÔ-GIÁO

F. HOUANG
•
Phan-Khoang và
Hoàng-minh-Tuynh *(dịch)*

III

NHƯ vậy chúng ta đã thấy rằng điểm biểu thị đặc tính của sự giống nhau giữa đức khiêm nhu Ki-tô-giáo và đức khiêm nhu Lão-giáo không phải là sự bài xích tính kiêu căng, cũng không phải là đức khiêm nhu thụ động, mà là đức khiêm nhu phát động. Tuy vậy, sau lưng sự giống nhau lạ lùng về cách cấu tạo ấy, có những điểm khác biệt về nội dung rất quan trọng, do sự bất đồng căn bản giữa một quan niệm hữu thần và một quan niệm phiếm thần của con người gây ra.

Trước hết, vì bắt chước sự khiêm nhu của Chúa Trời hạ mình làm kẻ nô lệ và chết nhục nhằn trên cây Thập tự, mà người tín đồ Ki-tô giáo tự ý thực hành đức khiêm nhu. Dẫu ý thức đến độ nào sự cao sang của mình, người ấy cũng phải cư xử như là kẻ hạ tiện nhất. Người ấy có thể cam chịu tất cả những đau khổ mà sự hạ mình ấy đem lại, bởi vì trong sự suy ngẫm thường xuyên về cuộc đời của Chúa Giê-su, từ sự nhục nhằn ở Bethléem đến sự hy sinh khi bị đóng đinh trên Độc-lâu-cương, người ấy đã trông thấy một gương mẫu toàn thiện của đức khiêm nhu. Chỉ sự thân cận với một nhân vật sống mới có thể làm phát sinh ở người ấy sự tin tưởng cuồng nhiệt ở cây Thánh giá. Khác với người theo Đạo-giáo, tu dưỡng trong học thuyết hình-nhi-thượng của Lão-tử biết bao! Người này cũng thực hành đức khiêm nhu phát động, nhưng không phải là noi theo gương mẫu của thần minh, mà là để tham gia, cộng tác vào sự vận hành tự nhiên của một nguyên tắc vũ trụ vô ngã. Như vậy, không có một cử chỉ, một lời nói, một hành vi gì của người nào để hướng dẫn sự thực hành đức khiêm nhu của mình. Nhiều lắm là tìm thấy trong hình ảnh của nước một gương mẫu của sự hạ mình của Đạo. Nhưng con người làm sao lấy một định luật về vật lý để làm gương mà cư xử

được ? Làm sao người ấy có thể nhờ ở định luật vật lý ấy mà có được khí lực cần thiết để thực hành một đức tính tinh thần ? Hình ảnh của nước cùng lắm chỉ có thể cung cấp cho người một đề mục để suy ngẫm, nhưng người không bao giờ có thể tìm thấy ở đó một nguồn phấn khởi về tinh thần.

Từ chỗ sai biệt thứ nhất, giữa sự bắt chước một đấng thần minh và sự tham dự vào một định luật của vũ trụ, phát sinh một sự sai biệt thứ hai. Đức khiêm nhu của Ki-tô-giáo không ngăn trở sự hành động, nó xui khiến và hướng dẫn hành động. Bắt chước đấng Thiên Đạo là Ngôi Hai Thiên Chúa đã hóa thân và hy sinh để cứu rỗi loài người, người Ki-tô-giáo thực hành đức khiêm nhu không phải vì đức khiêm nhu mà vì để phụng sự anh em mình. Như thánh Phaolô vừa tự cho là khiêm nhu vừa tự phụ là đã làm việc nhiều hơn người khác mà không mâu thuẫn.

Bên Đạo-giáo thì khác hẳn. Nếu con người tự ý hạ mình trước kẻ đồng loại là chỉ để tham dự vào sự hủy diệt theo định luật vũ trụ và để thoát ra khỏi thế giới hạn định hữu hình này thì tất nhiên nó không khỏi đi đến sự phủ nhận tuyệt đối mọi hành động.

Thật vậy, Lão-Tử đã nói trong một bài thơ :

« Theo Đạo, đó là mỗi ngày mỗi giảm bớt,

Giảm bớt rồi giảm bớt, cho đến vô vi (không làm).

Không làm, nhưng không điều gì là không làm được.

Lấy được thiên hạ thường là vì không làm... »

(Nguyên văn :... vi Đạo nhật tổn, tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi. Vô vi nhi vô bất vi. Thủ thiên hạ thường dĩ vô sự... (1)

Như vậy đức khiêm nhu của Đạo-giáo, dẫu là một đức khiêm nhu phát động, cũng đưa thẳng đến chủ nghĩa tĩnh tịch vô vi. Ở Ki-tô-giáo, đức khiêm nhu phát động là một nguồn nhân ái, từ thiện, nó làm cho sự hành động có linh tinh mà không hại gì đến sự hành động, còn ở Đạo-giáo nó trở nên một nguyên tắc bất động, đến nỗi dửng dưng, vô tình nữa.

Điểm khác nhau thứ ba giữa đức khiêm nhu của Đạo-giáo và đức khiêm nhu của Ki-tô-giáo, liên hệ mật thiết với hai điểm khác nhau trước kia, là tính cách thực dụng và máy móc ít nhiều của đức khiêm nhu Đạo-giáo.

Nếu người Ki-tô-giáo bắt chước Chúa Giêsu thực hành đức khiêm nhu phát động, hạ mình trước anh em, đó là vì lòng thương yêu anh em nhiều hơn là để có một phương tiện thực hiện sự thăng tiến của tâm linh riêng mình, còn người theo Đạo-giáo thì tuân theo một nguyên tắc Vũ-trụ, biết trước rằng sự hạ mình của mình tất nhiên sẽ đưa mình lên gần Đạo. Người ấy liền lợi dụng sự tự ý hạ mình như là một phương tiện nó tự động gây sự phấn khởi cho mình. Nhiều câu thơ của Lão-tử cho người ta thấy cảm giác ấy.

Bậc thánh nhơn muốn ở trên dân,

(1) Đạo-đức kinh, chương 48.

Phải lấy lời nói mà hạ mình xuống.
Muốn cầm đầu dân,
Phải tự mình ở sau dân.

. . . . . .

Không khoe khoang nên được chói lọi,
Không cho mình là phải nên được rỡ ràng.
Không khoe mình nên có công.
Không kiêu căng nên được lâu dài.

(Nguyên văn : ... Thị dĩ thánh nhơn dục thượng dân, dĩ ngôn hạ chi, dục tiên dân, dĩ thân hậu chi (1).

. . . . . .

... Bất tự hiện cố minh, bất tự thị cố chương, bất tự phạt cố hữu công, bất tự căng cố trường...) (2)

Trong các câu thơ ấy, chúng ta há chẳng thấy tác giả tìm tòi sự lợi ích cho riêng mình một phần nào đó chăng ? Chúng ta chẳng có thể nói rằng Lão-tử biến đổi câu châm ngôn này của Kinh-Thánh thành một phép xử thế khôn ngoan thực dụng sao : « Ai tự hạ mình sẽ được lên cao » ?

Thật vậy, giọng nói thực dụng ấy không phải hoàn toàn không có trong Ki-tô giáo. Xem như trong bài tỷ dụ về bữa tiệc, đã thuật lại trong Phúc âm của thánh Luca, chúng ta thấy mấy lời này : « Khi anh em được mời, thì anh em hãy ngồi nơi thấp hơn hết. Rồi khi kẻ mời anh em đến, nói với anh em : bạn, hãy ngồi lên cao ! Như vậy chính là điều danh giá cho anh em trước mắt những kẻ ngồi ăn đồng bàn với anh em. » (3) Nhưng, ở đây cũng vậy, đó chỉ là dùng lời khôi hài để hình dung hóa câu châm ngôn danh tiếng của Ki-tô giáo « Ai tự hạ mình sẽ được lên cao » hơn là để biến thành một định luật máy móc. Bởi vì, trong Ki-tô-giáo, chỉ có sự kiện lịch sử về sự khuất nhục và về sự biểu dương vinh dự của Chúa Giêsu mới làm cho người ta quan niệm được qui tắc khích động kẻ khiêm nhu. Chúa Giêsu tự hỏi : « Phải chăng Đấng Ki-tô đã phải đau khổ mới vào được cõi Vinh Quang ? » (4) Nếu sự khuất nhục của đấng Ki-tô là điều kiện cho ngài được vinh quang, thì vinh quang ấy cũng không do khuất nhục kia phát sinh một cách máy móc. Bởi vì, khác với Đạo-giáo chung qui chỉ quan niệm thế giới theo một phương diện hạn định, Ki-tô giáo dành một phần lớn cho thánh sủng, tức là đặc ân của Thiên Chúa. Nếu sự khuất nhục của đấng Ki-tô do ý muốn của Ngài, thì sự biểu dương vinh quang của Ngài là việc của Thiên Chúa (5). Thế thì người Ki-tô-giáo, dẫu muốn, cũng không bao giờ có thể dùng qui tắc khích động người khiêm nhu như một qui tắc tự nhiên. Sự hạ mình là tự ý muốn của người ấy, nhưng sự khích động là việc của ơn Chúa.

*

Đến đây chấm dứt công cuộc nghiên cứu để so sánh của chúng tôi. Chúng tôi tưởng đã tìm thấy rằng Ki-tô-giáo và Đạo-giáo của Lão-tử, trong quan niệm về đức khiêm nhu phát động, đã gặp nhau ở chỗ Ki-tô-giáo thì bắt chước sự hạ mình của Thiên Đạo là Ngôi thứ Hai, còn Đạo-giáo thì tham dự vào một thứ phá diệt thuộc về vũ trụ. Tuy vậy, chúng tôi đã không giấu rằng dẫu giống nhau về cấu tạo,

(1) Đạo-đức-Kinh, chương 66.
(2) Đạo-đức-Kinh, chương 22.
(3) Luc, 14, 10
(4) Luc, 24, 23
(5) Act, 2, 32

vẫn có một sự khác nhau ở căn bản về nội dung giữa hai quan niệm về thế giới và con người. Quan niệm về sự khiêm nhu phát động của Lão-tử, vì tính cách cá nhân, tĩnh tịch vô vi và hạn định, nên xa với quan niệm của Ki-tô-giáo, là quan niệm xây dựng trên lòng yêu thương tự do của một thần vị đối với tất cả loài người.

Người ta có thể tự hỏi đức khiêm nhu phát động, yếu tố cốt thiết của tư tưởng Lão-tử, phải chăng là một ngẫu nhiên hoàn toàn trong lịch sử Đạo-giáo. Nếu Lão-tử đã đạt đến ý niệm ấy vì quan niệm lẽ phản hồi với hư không, với « âm », thì các nhà Đạo-giáo khác, trí lực không kém cao siêu, như Trang-tử, đã như muốn tránh xa ý niệm ấy mà chỉ chú trọng sự phấn khích cá nhân trong sự xuất thần nhập hóa với Đạo. Vì vậy, trừ Lão-tử ra, các nhà Đạo-giáo về sau không biết đức khiêm nhu phát động mà chỉ nói đến sự ẩn khuất nép mình của cá nhân, điều kiện để được phối hợp với Đạo. Nếu có khi người ta tìm thấy ở Lão-tử một tiếng vang gần như của Ki-tô-giáo, thì ở các nhà Đạo-giáo sau ông, đức khiêm nhu trở thành một sự ẩn khuất thông thường, như Trang-tử đã hình dung trong câu chuyện sau đây :

« Trang-tử câu cá ở sông Bộc. Vua nước Sở sai hai quan Đại-phu đến thưa rằng : « Xin nguyện đem việc lớn của nước nhà ủy thác Tiên-sinh. » Trang-tử cầm cần câu, không nhìn hai người khách, nói rằng : « Ta nghe nước Sở có con rùa thần chết đã ba nghìn năm, vua Sở đem cất nó trong hộp, dùng vải tốt bao lại, rồi để trên miếu đường (cốt dùng để bói). Con rùa ấy muốn chết để mai nó lại cho người ta quí trọng, hay là muốn bò lê trong bùn lầy mà được sống ? » Hai quan Đại-phu đáp : « Nó muốn bò lê trong bùn lầy mà sống. » Trang-tử nói: « Thôi, hai người hãy trở về, ta đây muốn bò lê trong bùn lầy. »

(Nguyên văn : Trang-tử điếu ư Bộc thủy, Sở-vương sử Đại-phu nhị nhơn vãng tiên yên viết : « Nguyện dĩ cảnh nội lụy hỹ » Trang-tử tri cang, bất cố, viết : « Ngô Sở hữu thần qui, tử dĩ tam thiên tuế hỹ ; Vương cân tư nhi tàng chi triều đường chi thượng. Thử qui giả, ninh kỳ tử vi lưu cốt nhi quí hồ, ninh kỳ sanh nhi dệ vỹ ư đồ trung hồ ? » Nhị đại-phu viết: « Ninh sanh nhi dệ vỹ đồ trung. » Trang-tử viết : « Vãng hỹ ! ngô tương dệ vỹ ư đồ trung. » (1)

Các điều trên cho phép chúng ta kết luận rằng những sử gia nhận thấy sự trái ngược giữa sự khiêm nhu Ki-tô-giáo và sự ẩn khuất của Đạo-giáo, và những sử gia cho là hai bên giống nhau, đều có lý ; vì hạng sử gia trên đã nhận rõ sự sai biệt về nội dung giữa một tôn giáo hữu thần và một tôn giáo phiếm thần, hạng dưới thì nhận thấy sự đồng nhất về cấu tạo giữa sự khiêm nhu phát động của Ki-tô-giáo và sự khiêm nhu phát động của Lão-tử. Nhưng chúng ta phải nhìn nhận rằng sự khiêm nhu Ki-tô-giáo khi đến chỗ cuối cùng, có thể khiến người ta cuồng nhiệt vì cây Thánh-giá, còn sự ẩn khuất của Đạo-giáo trước sau gì cũng chỉ kết thúc bằng một cách xử thế khôn ngoan thực hành, ở những nhà Đạo-giáo về sau.

PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

(1) Trang-Tử : Thu-Thủy (chương 17).

THƠ MA

• *NGUYỄN-NGỌC-QUANG*

TRONG ba ngày Tết, đọc mấy tập báo Xuân, tôi có chú ý đến bài « Thơ ma » của ông Vương-Hồng-Sển, đăng trong báo Tự-Do. Bài của ông Vương-Hồng-Sển làm tôi nhớ lại những đêm « xây cơ » tôi có dự lúc còn là học sinh. Tôi xin thuật lại việc trước để cống hiến độc giả và cũng mạn phép thêm một vài ý kiến.

Trong năm 1940-41, có một vài anh em học lớp đệ Nhất trường trung học Pétrus Ký tổ chức việc xây cơ. Họ lượm những mảnh ván quan tài trong khu đất phía sau trường, đem nhờ anh thợ mộc nhà trường bào gọt thành hình trái tim (cœur) mặt dưới đóng ba cây đinh bằng thau đít tròn : thế là đã có một cái « cơ ». Tối đến, sau khi học xong, lén phòng ngủ, chờ cho giám thị vào phòng riêng, họ nổi đèn cầy lên tại các giường bỏ trống và cuộc xây cơ bắt đầu. Nhóm xây cơ lúc đầu chỉ có một ít người nhưng về sau việc ấy đã thu hút được trên mười người. Tôi thuộc số người « gia nhập » sau. Trên giường chúng tôi bày nhang, đèn, bánh, nước, để cúng ma. Trước đèn, chúng tôi trải ra một tờ giấy trắng lớn có đủ các chữ từ A đến Y, các dấu huyền, sắc... và các số từ 0 đến 9. Tấm « cơ » đặt trên tờ giấy nầy. Chúng tôi chọn hai người mà chúng tôi nghi là « yếu bóng vía » : hai người nầy đặt ngón tay trỏ của mình lên tấm « cơ ». Một bạn vái ma về để « chỉ giáo » cho chúng tôi. Hồi ấy khu trường Petrus Ký nổi tiếng là có nhiều ma vì phía sau trường lô nhô những mồ hoang. Độ một phút sau khi vái, tấm cơ phất chạy trên mặt giấy. Chính tôi cũng có vài lần « ngồi cơ » nghĩa là được chọn để đặt ngón tay trên mặt cơ. Tấm cơ tự nhiên mang chạy một mình, chúng tôi chỉ đặt ngón tay lên mặt cơ và cơ chạy đâu thì chúng tôi cho tay mình theo đó, không xô không đẩy gì cả. Có khi, ngay lúc đầu, không đợi ai hỏi han gì, ma tự xưng tên họ. Mũi nhọn của tấm cơ chỉ từng chữ A, B... Các bạn ngồi quanh cứ theo dõi từng chữ một, ráp lại thành tiếng, thành câu và một bạn bút giấy trong tay ghi chép theo. Chúng tôi hỏi đủ việc về quá khứ, hiện tại, vị lai, cả đến những câu hỏi rất ngớ ngẩn của tuổi thanh niên. Ma trả lời tất cả. Có ma kỹ lưỡng chấm phết rất phân minh. Lắm lúc chúng tôi theo dõi không kịp, ráp chữ sai, chép sai, ma lại đính chính giúp cho nữa. Chốn chốc tấm cơ lại chỉ vào các dĩa bánh, ly nước. Chúng tôi nói là ma « hưởng ». Có ma lại ham ăn, mới vừa « nhập » về, mang tấm cơ lại hưởng bánh kẹo rồi im luôn, không mang cơ chạy nữa. Chúng tôi nói là ma đã « xuất » rồi. Các việc quá khứ và hiện tại, ma nói đúng cả. Ví dụ một bạn hỏi : « Lúc nhỏ tôi đã gặp tai nạn gì, học trường nào, thi đậu thi rớt năm nào ? » Ma nói trúng một trăm phần trăm, như có ai « học » lại vậy.

Có bạn hỏi : « Hiện giờ trong túi tôi có bao nhiêu tiền ? » Ma đáp ngay, trúng từ đồng, từ cắc, từ xu. Mà chính người hỏi cũng không biết mình có bao tiền, đến lúc đếm lại mới phục là ma nói đúng.

Nhưng ngược lại, các việc vị lai thì ma nói trật bét cả. Những biến cố trong vòng mười tám năm nay, ôn lại tôi không thấy đến một chuyện đúng. Ngay hồi đó, các chuyện nhỏ nhỏ cũng sai cả. Hỏi ai thi đậu, ai thi rớt, ma nói phóng mạng, có trúng mà có trật. Hỏi hôm sau ai bị giáo sư Toán gọi trả bài, được mấy điểm, ma nói sai hết.

Có điều đáng chú ý là nhiều ma làm thơ khá hay, lời trôi chảy, ý đẹp. Tôi không có óc sưu tầm nên không giữ lại bài thơ nào, thật rất tiếc. Lại còn một lẽ nữa khiến tôi không thể cất giữ lại bài nào, đoạn sau tôi sẽ nói rõ để độc giả rõ. Trong số ma thi sĩ, có một vị tên là Trần-Thiện-Hùng tuy không thể so sánh được với các thi sĩ có tên trong văn học sử nước nhà, nhưng lời thơ lưu loát mạnh mẽ lắm, có thể để cho thanh niên đọc mà rèn luyện chí khí.

Bạn đọc còn nhớ hồi 1940-41 không khí chánh trị trong nước rất sôi nổi, cho nên đề tài thơ ma hồi ấy là chống Pháp, tự trị, độc lập, chủ quyền quốc gia... Và vì thế mà chúng tôi không dám nghĩ tới việc giữ lại làm kỷ niệm.

Trong các bạn học tham dự vào các đêm xây cơ, có nhiều bạn thường ngày hay làm thơ, nhứt là anh Lê-Văn-Lời hiện nay là phó tỉnh trưởng một tỉnh ở Nam phần ; thơ anh thuộc các loại : tình cảm, luân lý, học thuật... Trong những kỳ thi bán niên về môn Luận Việt-văn, vỏn vẹn 1 giờ 30 phút mà anh làm được những bài luận bằng thơ, trường giang đại hải và lẽ dĩ nhiên là kỳ nào giải nhứt cũng về tay anh. Đêm nào có mặt anh thì có Trần-Thiện-Hùng và các ma thi sĩ về, và cơ sáng tác ra đủ loại thơ. Đêm nào không có anh dự thì ma nói chuyện toàn bằng văn xuôi.

Tôi nghĩ rằng không có chuyện ma quỉ gì cả, nhứt là không có chuyện ma làm thơ.

Nhưng tại sao lại có chuyện xây cơ lạ lùng kia ? Đó phải chăng là câu chuyện nhân điện và cộng hưởng (résonance) ? Từ trong mình mỗi người phát ra một thứ điện đặc biệt, theo một làn sóng nhất định ; độ dài làn sóng điện ấy thay đổi theo mỗi người. Chính điện lực ấy đã điều khiển tấm cơ chạy trên mặt giấy có chữ. Chính nhờ thứ điện ấy mà cơ đoán được mọi việc thuộc quá khứ hoặc hiện tại. Một người hỏi « ma » : « Hiện giờ trong đầu óc tôi có tư tưởng gì ? » Chỉ có người hỏi câu ấy mới biết được câu trả lời. Nhưng làn điện từ trong cơ thể người hỏi phát ra như sóng điện của một cái máy phát thanh. Luồng điện ấy gặp phải luồng điện của hai người ngồi cơ. Hai người ngồi cơ thuộc về hạng yếu bóng vía, nghĩa là hạng người phát ra những luồng điện độ dài không nhất định, khi dài, khi ngắn. Họ chịu ảnh hưởng nhân điện của kẻ khác dễ dàng. Nếu không yếu bóng vía thì cơ không chạy khi họ đặt tay lên. Người hỏi câu : « Hiện giờ trong đầu óc tôi có tư tưởng gì ? » có làn sóng điện độ dài nào thì hai người ngồi cơ

chịu ảnh hưởng của người hỏi và cũng phát ra nhân điện cùng một độ dài với người ấy. Đó là sự cọng hưởng (résonance) giống như sự cọng hưởng giữa làn sóng điện của một đài phát thanh và làn sóng điện của một máy thu thanh nên máy thu thanh mới lập lại được lời nói hoặc câu hát của đài phát thanh. Vì có sóng điện cùng một độ dài với người hỏi nên hai người ngồi cơ mới trả lời bằng cơ trong dầu óc người hỏi có tư tưởng gì. Hiện tượng trên đây xảy ra mà cả người hỏi lẫn hai người ngồi cơ đều không hay biết gì. Cho nên họ ngạc nhiên.

Một ví dụ khác : Một bạn hỏi : « Trong túi tôi có bao nhiêu tiền ? » Trí óc sáng suốt của người hỏi không biết có bao nhiêu tiền, nhưng tiềm thức họ biết rõ ràng. Nói cho đúng, trí óc sáng suốt của họ cũng biết được, nhưng chậm chạp hơn và không chắc chắn bằng. Họ có thể dùng trí óc sáng suốt mà tính một hồi lâu : đã mang theo bao nhiêu tiền lúc ra đi, mua những gì, mỗi món bao nhiêu tiền, ăn uống vặt bao nhiêu..., cộng cả lại ; chậm rãi làm toán như thế, rồi tính lại vài ba lần nữa, ắt sẽ biết được số tiền còn trong túi. Đàng này tiềm thức biết ngay và sự biết của tiềm thức theo làn sóng điện từ người hỏi phát ra, cọng hưởng với làn sóng của người ngồi cơ, do đó cái cơ sẽ chỉ các chữ A, B, C... mà trả lời dễ dàng. Còn nếu hỏi tại sao « tiềm thức » lại biết rõ hơn, chắc hơn và mau lẹ hơn « ý thức », thì đó là một việc thuộc tâm lý học mà nhiều người biết rõ.

Một ví dụ thứ ba : Cơ nói ông X hồi 6 tuổi có gặp tai nạn lúc đi thuyền. Ông X không tin vì chính ông cũng không biết chuyện ấy. Ông hỏi lại cha mẹ thì quả có như thế. Tại sao ? Tại vì ý thức của ông X không nhớ, không biết, nhưng tiềm thức của ông có bao giờ quên được.

Trong chuyện cầu cơ của các học sinh Petrus Ký tổ chức hồi 1940-41 sao lại có việc cơ làm được thơ ? Đó là vì bạn Lê-Văn-Lời là thi sĩ, bạn không làm thơ lúc dự cuộc cầu cơ, nhưng vô « thức » (inconscience) của bạn làm thơ, nhân điện của bạn truyền các câu thơ qua người ngồi cơ, cái cơ chỉ các chữ mà ráp lại thành thơ, mà chính bạn với hai người ngồi cơ đều không dè.

Câu chuyện chỉ có thế, chớ không ma không quỉ gì cả. Trong mấy tháng ba và tháng tư 1941, không tìm được ván quan tài để làm cơ, chúng tôi đã dùng ván thường trong trại thợ mộc, cơ cũng chạy được và cũng làm thơ được. Đến lúc không có cây, chúng tôi lấy giấy cứng cắt ra hình quả tim, cơ cũng cứ chạy được và cũng cứ làm thơ !

Giáo sư Georges Coulet, tiến sĩ văn chương, có cho chúng tôi biết rằng thi hào Victor Hugo lúc già đêm đêm thường cầu cơ để chép thơ, nhưng ít người được đọc thơ ma ấy, vì sau khi ông qua đời thân nhân của ông từ chối không chịu cho xuất bản những bài thơ ma mà họ nghĩ rằng có thể làm giảm uy tín của nhà thi sĩ trứ danh.

Cũng nên nói thêm rằng ở xứ ta những người theo đạo Cao-đài thuộc số những người cầu cơ trước tiên và đạo Cao-đài cũng có thờ Victor Hugo.

NGUYỄN-NGỌC-QUANG

ÂM NHẠC

PHẢI CHĂNG CHỈ LÀ

MỘT THÚ TIÊU KHIỂN?

★ TRẦN-VĂN-KHÊ

ÂM-NHẠC LÀ PHƯƠNG TIỆN TIÊU KHIỂN TUYỆT DIỆU NHẤT Ở THẾ GIAN. ÂM NHẠC LẠI LÀ DÂY LIÊN LẠC ĐẸP ĐẼ NHẤT ĐỂ NÓI TÌNH HỮU ÁI.

Bác-Sĩ FRANK CRANE

« ÂM-NHẠC LÀM THUẦN PHONG TỤC »

★

MÓN quà đã làm cho tôi sung sướng nhất là một cây đàn kìm (đàn nguyệt) cỡ nhỏ mà cô tôi cho tôi lúc tôi 14 tuổi. Lúc ấy, tôi đã biết đàn mấy bản dễ như *Bình-bán vắn*, *Không-Minh tọa lầu*, mà mấy ngón tay của đứa trẻ 14 tuổi đối với phím đàn to thì ngắn quá, nên cô tôi đã mua cho một cây đàn nhỏ vừa với tay tôi. Món quà ấy làm tôi sung sướng bao nhiêu thì làm cho người anh họ tôi bực mình bấy nhiêu. Anh ấy nhà giàu, thấy tôi mồ côi cha mẹ từ thuở bé nên lo cho tôi ăn học để có nghề nghiệp với người ta nên đã phàn nàn với cô tôi rằng :

« Cho em nó cây đàn, nó sẽ mê đàn mà bỏ học, sau này nó sẽ hư thân. Lúc có nghề nghiệp rồi thì chơi cũng không muộn. Đờn địch mất thì giờ, lại cho nó có dịp để chơi bời ».

Rồi anh đến tìm tôi :

« Anh Hai thấy em có cây đàn, lo rằng em đàn bỏ bê sự học anh Hai đến cắt nghĩa cho em thấy chỗ hơn thiệt. Anh sẽ lấy cây đàn của em mà cất đi, đến ngày em thi đậu sơ học anh sẽ trả lại cho em. Bây giờ anh đền cho em... một cây dù để che mưa nắng khi em đi học ».

Tuy không dám cãi lời người anh họ, nhưng hôm ấy cất cây đàn đi, tôi thấy đau lòng như mất một người bạn thân.

Mà biết bao nhiêu người Việt trước kia cũng như người anh họ của tôi, thường cho rằng âm nhạc là một thú vui tiêu khiển không cần thiết, và có nhiều thành kiến về âm nhạc.

Nhưng nếu chúng ta thử xét một cách khách quan, thì âm nhạc không phải chỉ

là thú vui làm mất thì giờ, mà âm nhạc rất bổ ích chẳng những cho một cá nhân, mà cho cả một xã hội, một phong trào.

★

I.— Âm nhạc và những nhà nho

Các bạn có lẽ cũng như tôi, đã thường nghe mấy câu chữ nho như « Xướng ca vô loài » (người hát xướng hèn hạ không ra gì). Đối với những người thích ca hát, nhà Nho có một thái độ khinh bỉ. Nếu nhà Nho không chê hẳn cây đàn cầm, và nhìn nhận rằng cầm, kỳ, thi, họa là bốn thú vui tao nhã nhất, nhà Nho cũng dành riêng âm nhạc cho những bực mày râu, và thường đem mấy câu « Nam đa kỳ tắc suy, nữ đa cầm tắc dâm » mà không cho các chị em phụ nữ học nhạc.

(Con trai mê đánh cờ thì hư hỏng, con gái mê đàn thì làm bậy).

Có lẽ nhiều bạn, cũng như tôi trước kia đã lầm tưởng rằng các nhà Nho vì chịu ảnh hưởng của Khổng, Mạnh, nên không trọng âm nhạc.

Nhưng thật ra thì theo Khổng-tử, âm nhạc không phải chỉ là một thú tiêu khiển tầm thường, mà âm nhạc chiếm trong chương trình giáo dục của trẻ em một địa vị rất quan trọng. Nhìn vào chương trình tiểu học thuở xưa bên Trung-quốc bạn sẽ thấy rằng sáu môn được dạy cho trẻ em là : « Lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số » theo thứ tự quan trọng của mỗi môn. Phải học lễ phép trước hết (Tiên học lễ, hậu học văn kia mà). Rồi học đánh đàn, bắn tên, cưỡi ngựa, rồi mới học đến văn chương và toán pháp. Tôi không cho rằng chương trình ấy toàn mỹ nhưng tôi muốn chỉ cho các bạn thấy rằng trong nền giáo dục Khổng, Mạnh, âm nhạc được coi là rất cần thiết. Bạn có lẽ cũng biết rằng trong ngũ kinh : Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, có một quyển nói riêng về nhạc. Nhưng sau khi Tần-Thủy-Hoàng đốt sách (năm 213 trước Thiên Chúa Giáng - sinh) thì Kinh Nhạc thất lạc đi nay chỉ còn Kinh Thư và Kinh Lễ có mấy chương nói về nhạc. Bạn biết chăng Đức Khổng-Tử đánh đàn cầm rất hay và có sáng tác ra mấy bản đàn mà ông Maurice Courant trong luận án Tiến-sĩ của ông về cổ nhạc Trung-hoa đã chép lại bản Ỷ-Lan. Bạn biết chăng lúc Khổng-Tử ở nước Tề, một hôm nghe một người đàn một bản nhạc hay, cảm động quá đến ba tháng sau không thèm ăn thịt. Lúc còn sanh tiền, dưới trào nhà Châu, trong đền nhà vua có đến 1.400 nhạc công. Những văn nhân, thi sĩ trải qua các thời đại đều không có tỏ ý khinh thường âm nhạc. Những thi nhân danh tiếng đời Thịnh Đường thường ca tụng âm nhạc.

Lý-Kỳ trong bài « Cầm Ca » có câu :

« Nhất thanh dĩ động, vật giai tĩnh ».

(Một tiếng đàn nổi lên, vạn vật đều êm lặng).

Lý-Thái-Bạch, trong bài « Thính Thục Tăng Tuấn đàn cầm (Nghe Thục-Tăng-Tuấn đàn cầm) có câu :

« Khách tâm tẩy lưu thủy » (Như dòng nước trôi, tiếng đàn rửa sạch cõi lòng của người nghe nhạc.

Bạch-Cư-Dị trong bài « Tỳ Bà Hành » có câu :

« Hốt văn thủy thượng tỳ-bà thanh ».

« Chủ nhân vong qui khách bất phát »

(Chợt nghe trên sông có tiếng tỳ-bà, chủ quên trở lại, mà khách cũng chậm vội về).

Người xưa cũng nghe đàn đến quên về, đến rơi lệ.

«Mãn tọa văn chi giai yểm khấp» không phải chỉ một mình nhà thi sĩ khóc, mà tất cả những người ngồi nghe đều giọt vắn giọt dài. Riêng thi sĩ thấy nguồn hứng rạt rào, mới « vị quân phiên tác tỳ-bà hành », vì nàng thiếu phụ đánh đàn tỳ-bà, mà đặt ra một bài trường ca đến 622 lời.

Như thế thì bạn thấy rằng từ Đức Khổng-Tử đến những bậc thâm nho bên Trung-quốc chẳng những không khinh thường mà còn trọng âm nhạc. Trong nước ta sở dĩ có một đôi câu nói ra bằng chữ Hán nhưng chẳng phải trích trong sách cổ điển, như những câu « Xướng ca vô loại » chỉ vì trong xã hội Việt-Nam thời thời xưa phần đông những người lấy giọng ca tiếng hát làm nghề nuôi miệng, như những cô đầu hay những đào kép hát bộ, không có một nhân cách đứng đắn. Trong 4 thú chơi tao nhã nhất, nhà nho đã để âm nhạc đứng đầu (Cầm, kỳ, thi, họa). Nhưng nghề âm nhạc bị khinh thường. Ngày xưa cha của Đào-Duy-Từ làm nhạc công trong triều đình. Vì thế ông tuy học giỏi mà chẳng được phép đi thi.

Xã hội Việt khi xưa chỉ cho âm nhạc là một món tiêu khiển thôi, chớ không phải một môn cần thiết trong nền giáo dục của con người.

✱

II.— Âm nhạc phải được gọi là một môn cần thiết trong nền giáo dục của con người

Đứa trẻ vừa lớn lên, cha mẹ cho nó đến trường để nó học bao nhiêu môn mà sau này lúc ra đời chưa chắc nó có dịp dùng đến. Nhưng học để mở rộng kiến văn, những môn dạy ở trường có thể giúp cho đứa trẻ hiểu mọi sự, giúp cho tài năng đứa trẻ được phát triển để sau này có thể phụng sự xã hội một cách đắc lực hơn. Nếu mục đích của sự giáo dục con người là mở rộng kiến thức, phát triển khả năng và những tánh tốt, thì âm nhạc rất cần thiết cho trẻ em và cho thanh niên.

1) — *Âm nhạc có ích gì cho trẻ em ?*

Bạn thử gọi một đám trẻ nhỏ lại để bạn dạy các em ấy học. Nếu bạn dạy một phép toán, hay dạy đọc chữ, thì bạn sẽ thấy có nhiều em nói chuyện, có em nghịch, có em ngó mông ra đường. Nhưng nếu bạn dạy một bài hát, bạn sẽ thấy hầu hết các em đều chăm chỉ nghe.

Âm nhạc tập cho các em có thể chú ý đến một vấn đề. Bình thường các em hay nghịch, mà nghe nhạc các em có thể ngồi yên. Các em chú ý đến bài hát, đến âm thanh, đến câu hát, nhiên hậu các em chú ý đến lời dạy lời khuyên, lời dặn dò, lời sửa chữa của thầy.

Học một bài hát thích hơn học một bài thuộc lòng, mặc dầu bài thuộc lòng ấy là một bài thơ có giọng có vần. Thích học hát các em luyện tập trí nhớ : hằng ngày vui thích trong sự luyện tập ấy, thì các em sẽ có trí nhớ dai hơn những em khác.

Lớn lên một ít tuổi nữa, học nhạc, nghe nhạc sĩ sáng tác những bản nhạc hay, óc sáng tác của các em được mở mang thêm.

Rồi đến lúc cùng hát với nhau, mỗi em phải góp tiếng của mình vào một đoàn thể là ban hợp xướng. Cùng hát, các em sẽ thấy đoàn kết với nhau chặt chẽ hơn, các em cùng rung động với nhau vì một bản

đàn, các em góp tiếng chung hát một bài, các em thâu thập được một kết quả chung. Tình thân hữu nảy nở giữa các em, dây đoàn kết nối liền các em lại. Các em lắc đầu bỏ tính ích kỷ và góp sức của các em vào công cuộc chung của một đoàn thể.

2) *Âm nhạc có ích gì cho người thanh niên ?*

Học nhạc, đứa trẻ khi trưởng thành vẫn còn phát triển được những đức tánh mà tôi vừa kể cho bạn nghe trong đoạn trước. Ngoài ra người thanh niên còn nhờ âm nhạc nhiều hơn nữa.

Trẻ em thường chỉ học hát. Người thanh niên có thể học hát, học đàn, và học điều khiển một ban hợp xướng hay một giàn nhạc. Nhờ đó người thanh niên có dịp tập nhận lấy một tinh thần trách nhiệm.

Người thanh niên có học nhạc từ nhỏ, tai quen nghe những âm thanh bổng trầm, thì học ngoại ngữ mau hơn một người không biết nhạc.

Học đàn, hát, Anh lại có dịp trình bày một bản nhạc, hay một bài ca trước công chúng, Anh sẽ quen với một cử tọa và sau này, nếu phải ra nói trước một đám đông hay trước Quốc hội, anh đã tập sự rồi trong khi anh đàn hát trước một số thính giả. Đành rằng, nhạc không thể giúp cho các bạn thêm tài hùng biện, nhưng âm nhạc có thể giúp cho các bạn tự trấn áp sự bối rối của mình trước điện lực của một đám đông.

Học nhạc, người thanh niên có dịp thưởng thức nhạc của các nhạc sĩ ngoại quốc, dự các nhạc hội quốc tế, gặp gỡ các thanh niên nhạc công, nhạc sĩ ở các phương trời, hay đem tài ra thi thố với các bạn trẻ khác. Học nhạc, trình bày nhạc, người thanh niên, ngoài sự quí trọng những đặc tánh cổ truyền trong nền nhạc của nước anh, có dịp tiếp xúc với những nền văn hóa ngoại quốc thấy rõ và thực hành tình thân hữu quốc tế.

Trên đường đời, biết nhạc người thanh niên có nhiều điều lợi hơn những bạn không học nhạc.

Âm nhạc giúp cho bạn làm quen dễ dàng. Âm nhạc giúp cho bạn khi đến ở trọ nhà người lạ, dễ được cảm tình chủ nhà một cách mau chóng. Âm nhạc an ủi bạn trong cơn sầu, thêm hứng thú trong một nguồn vui, gieo ánh sáng chung quanh bạn.

Nếu âm nhạc chỉ có ích cho ngần ấy thì chắc bạn cũng không ngần ngại gì mà học nhạc để cho người bạn được phát triển đầy đủ hơn. Nhưng âm nhạc còn có ích lợi trong bao nhiêu trường hợp khác nữa.

III. — Trong đời sống hằng ngày

1) — Âm nhạc giúp cho người lao công sản xuất nhiều mà đỡ thấy nhọc trong công việc làm.

Người chèo đò giữa đêm khuya, các chị công cấy chân lấm tay bùn trong ruộng sâu đầy nước, những người xay lúa giã gạo ở nhà quê đã chẳng lấy tiếng hát câu

> [...] *Nơi nào có Nhạc hay, nơi đó cuộc Sống dễ thở.*
>
> HERBERT SPENCER
>
> *Nếu Âm-nhạc chẳng phải là một Tôn giáo, mà cũng chẳng phải là một Triết lý, thì Âm-nhạc là một tiếng nói rất mực trong lành ; và có lẽ đó là tiếng nói duy nhất giúp Người có thể hiểu Người một cách chân thành.*

hò mà quên mệt nhọc, và sự làm việc nhờ đó mà thêm thú vị hơn ư ?

Không phải chỉ ở Việt-nam, và trong thời đại nầy, mà từ ngàn xưa ở khắp các nước trên hoàn cầu, người lao động đều nhờ nhạc mà đỡ nhọc nhằn trong công việc (Chữ âm nhạc dùng ở đây với nghĩa rộng của nó : một câu hát, một bài ca, hay một tiết tấu nhịp nhàng theo bộ điệu).

Từ thượng cổ, người Hy-lạp đã có những điệu hát « bucoliasme » cho những người chăn bò khi họ đuổi đàn bò từ vùng đồng bằng lên vùng núi non, điệu hát « lytierse » cho những công gặt lúa mì, điệu hát « hymée » hay « épisutre » cho những người xay lúa mì ra bột, điệu hát « éline » cho những người khòm lưng dệt vải.

Gần đây người phu kéo thuyền ở sông Volga còn để lại bao nhiêu điệu hát nhịp nhàng. Trong mỗi nghề có những bài hát mà tiết tấu phù hợp với những cử chỉ cần thiết trong nghề. Bên Âu-châu, có những bài hát cho thợ rèn, thợ mộc, thợ hồ...

Ngày nay, người thủy thủ khi nhổ neo, trương buồm, cũng cất tiếng hát vang. Trong các xưởng, máy móc đã thay người làm bao nhiêu công việc. Nhưng máy móc cũng đã giết bao nhiêu người mà trong phút mệt nhọc, hay lơ đễnh gục đầu vào dây máy. Nay người ta để ý đến rằng, nếu thỉnh thoảng cho công nhân nghe nhạc, thì tai nạn ở các xưởng bớt đi rất nhiều, và sức làm việc tăng lên. Vì thế nên ở các nước văn minh (Mỹ-châu, Âu-châu) đều có những buổi truyền thanh riêng cho những công nhân. Ở Pháp một ngày hai lượt, ở Anh một ngày ba lượt (Sự dùng nhạc để tăng sức làm việc không phải mới có đây. Từ xưa, khi Epaminondas cho cất lại đền Messène, ông đã cho giàn nhạc đến dàn mấy điệu Pronomos cho các thợ hồ làm việc nhanh hơn). Ngày nay, người ta đang tìm một cách khoa học coi lối nhạc nào có ảnh hưởng đến sức sản xuất của con người hầu tìm ra những lối nhạc phù hợp với những công việc ở mỗi xưởng.

2) Âm nhạc lại có thể trị bịnh.

Tôi còn nhớ lại ngày tôi mới vào trường thuốc Hà-nội tôi có nói rằng ngày sau lúc tôi ra trường sẽ viết luận án Tiến-sĩ Y-khoa với đầu đề « Âm-nhạc và những bệnh thần kinh » Tôi thích Y-khoa, và tôi yêu nhạc nên tôi nói đùa như thế, mà chuyện tôi nói đùa đã là một chuyện có thật. Sau này tôi có nhiều dịp đọc qua những quyển sách và luận án Tiến-sĩ của nhiều Y-khoa Bác-sĩ đã viết từ lâu về cách trị bệnh bằng âm nhạc (mélothérapie).

Ngày xưa, khi khoa học chưa tiến triển, người ta chưa có thể thí nghiệm ảnh hưởng của âm thanh vào cơ thể con người, thì người ta tin rằng âm nhạc có phép « mầu nhiệm » trị được bịnh.

Theo ông Poincaré, thì Esculape dùng bài hát để trị bịnh. Platon trong quyển Théétète nói rằng nhiều bà mụ đã dùng những bài hát « tà thuật » (magique) mà làm cho người sản phụ bớt đau.

Ông Combarieu có chép lại bài thơ của nước Phần-lan trong ấy có nói đến một người phù thủy săn sóc vết thương cho một người chiến sĩ bằng cách hát một bài để êm khí giới và vết thương.

Trong thời đại trung cổ, mấy ông lang băm còn trị bịnh trặt chân bằng cách niệm câu « thần chú » : anté, anté, superanté, anté, superanté.

Nhưng đó chỉ là những tư tưởng dị đoan cũng như bên Việt - Nam thuở trước, các thầy phù thầy pháp đăng đàn, hò hét, đánh cồn, đọc thần chú để trừ tà ếm quỉ, để trị bịnh rét, bịnh điên.

Ngày nay khoa học đã tiến một bước rất xa và nhiều nhà sinh lý học có thể dùng máy đo sức làm việc của bắp thịt (ergographe) máy ghi tiếng đập của trái tim mà coi ảnh hưởng của âm thanh, hợp thành (accord) tiếng đàn, tiếng hát với cơ thể của con người.

Từ năm 1743, ông d'Albrecht đã khảo về cách dùng nhạc để trị bịnh. Quyển sách đầu tiên về những phương pháp khoa học dùng nhạc để trị bịnh do ông Dogiel viết ra vào năm 1800 đã gợi cho các ông Tarchanof, Binet, và Courtier dùng đề tài « Âm nhạc trị bịnh » mà viết luận án Tiến sĩ Y-khoa của các ông ấy. Nhiều bác sĩ đã thâu thập kết quả khả quan, khi các ông đã dùng âm nhạc để trị những bịnh thần kinh. Và cây đàn « orgue » đã giúp các bác sĩ trị những bịnh loạn óc hay làm dịu tánh những người hay cáu.

Bạn thấy chăng ? Âm nhạc trong thời bình đã giúp cho lao công đỡ nhọc, tăng sức làm việc của con người, giúp cho bác sĩ trị vài bịnh mà những vị thuốc thường không đem lại kết quả.

★

IV.— Âm nhạc và cách mạng

Trong những lúc biến, âm nhạc cũng có một vài tuồng khá quan trọng.

Những dân tộc hồi thời kỳ thượng cổ, trước khi ra trận hay sau khi đắc thắng khải hoàn đều nhảy múa theo nhịp đàn nhịp trống. Lúc nào, tiếng kèn trận thúc quân, tiếng trống đánh dồn cũng làm hăng lòng chiến sĩ giúp cho họ thêm can đảm lúc vào sanh ra tử.

Nếu tiếng tiêu sầu của Trương-Lương có thể làm tiêu binh Hạng-Võ, thì âm nhạc cũng có thể lôi kéo quần chúng để lật đổ một chế độ. Tôi không nói rằng âm nhạc có thể gây ra một phong trào cách mạng vì âm nhạc là một sản phẩm của xã hội ; xã hội có thay đổi thì âm nhạc mới thay đổi. Nhưng âm nhạc có thể đẩy mạnh một phong trào tiến nhanh hơn. Chẳng phải nhờ bài « Tiếng gọi sinh viên » của Lưu-Hữu-Phước mà phong trào thanh niên mới nầy nở, nhưng phong trào thanh niên sẵn có mà gặp được bài hát ấy như đất tốt lại thêm phân, cây cỏ, vươn mình mau hơn trong một miếng đất không mầu. Lòng hăng hái của người này theo lời ca câu hát mà sang qua câu nọ rồi mạch máu cách mạng sẽ nhảy mau hơn số người tham gia cách mạng càng đông hơn.

Trong thời kỳ cách mạng Pháp năm 1789, mấy bài hát như « La Marseillaise » mà nay người Pháp lấy làm quốc ca hay bài « Le Chant du Départ » (bài hát lên đường) đã làm sôi nổi lòng dân chúng lúc ấy. Nói chi xa xôi, trong cuộc cách mạng bên nhà, tôi còn nhớ mấy anh chiến sĩ cách mạng trong buổi đầu đã hát vang câu :

« Này thanh niên ơi ! đứng lên đáp lời sông núi ! — Đoàn ta chen vai, nề chi chông gai, lên đàng, ta người Việt-nam, Việt-nam », tôi đã thấy nhiều anh chiến sĩ trong lúc bị mồ những vết thương hát vang để quên đau.

Âm nhạc có thể làm sôi nổi quần chúng, đẩy mạnh một phong trào, âm nhạc ghi lại những trang sử vẻ vang, oanh liệt bạn còn có thể coi rằng âm nhạc chỉ là một thú tiêu khiển làm mất thì giờ bạn chăng !

Sau khi xem những hàng trên, chắc bạn đã kết luận hộ tôi rồi. Trong bài, mấy lượt tôi trả lời câu hỏi tôi đã nêu ra. Nếu từ đây, bạn không khinh thường âm nhạc, không cho rằng âm nhạc là một thú tiêu khiển có thể làm mất thì giờ, nếu bạn chịu khó học nhạc, hay bạn nhất định cho con bạn học nhạc, thì tôi đã được mục đích của tôi là giúp cho càng ngày càng đông số người có thể thưởng thức nhạc, nhờ nhạc mà tiến mãi, dùng nhạc mà phụng sự nhân loại.

TRẦN-VĂN-KHÊ

★ Không thể đòi hỏi người chỉ huy phải có tài năng về hết mọi việc, nhưng trong phạm vi điều khiển, người ấy phải thật có tài năng, nếu không phải là tài năng thực hiện, thì ít nữa phải là tài năng phán đoán, đánh giá, quyết định một cách sáng suốt, rạch ròi, và biết rõ lai lịch của từng sự việc.

★ Ngoài tài năng chuyên môn, người chỉ huy còn cần có tài năng thống nhất sự việc bằng cách chỉnh lý và phối trí nỗ lực của mỗi người trong công cuộc chung.

Con sư tử của chàng Androclès

Androclès là một người nô lệ La-mã, nổi tiếng vì đóng vai chính trong một câu chuyện rất cảm động do nhà học giả la-tinh tên gọi Aulu-Gelle thuật lại. Androclès bị giải ra đấu trường của Hoàng-đế La-mã cho mãnh thú ăn thịt. Mãnh thú là một con sư tử, khi ra đấu trường, thấy Androclès đã không tỏ vẻ hung hãn mà lại ra chiều hòa dịu lạ thường. Vị Hoàng-đế lấy làm lạ, truyền lệnh cho Androclès tới hỏi, thì mới hay chính y đã từng cứu mạng con sư tử khi con này bị một chiếc gai nhọn đâm xiên vào thịt và chỉ còn nằm chờ chết. Y cũng nói thêm, sau đó y đã ở lại với con sư tử trong một thời gian ba tháng nữa. Vị Hoàng-đế liền ra lệnh tha Androclès và tặng y cả con sư tử.

TẬP SAN

NHÂN-LOẠI

Văn-hóa Xã-hội Giáo-dục

Xuất bản mỗi tháng hai lần : 1 và 15

Chủ nhiệm kiêm chủ bút : ANH-ĐÀO

TRONG MỖI SỐ

Các bạn sẽ được đọc những thiên khảo luận công phu những sáng tác văn nghệ đặc sắc của các cây bút quen biết :

Bình-Nguyên-Lộc
Dạ-Lý-Hương
Giang-Châu
Hoàng-Trọng-Miên
Hoàng-Khanh
Hợp-Phố
Lan-Phương và Liêm-Nhân (bác sĩ)
Lê-Văn
Lưu-Nghi
Nguiễn-Ngu-Í
Nguyễn-Hữu
Nguyễn-Thiệu-Lâu
Phong-Sơn
Quốc-Ấn
Sơn-Mẫu
Tam-Ích
Thành-Đạt
Thế-Quang
Thiên-Giang
Thu-Trúc
Tiêu-Dân
Trang-Thế-Hy
Ty-Ca
Vị-Sơn
Vũ-Hạnh
Vũ-Nghi

Đặc biệt có sự góp mặt của bạn **Trần-Văn-Khê**, Tấn sĩ văn khoa, trong « Lá thơ hải ngoại », nhiều bài biên khảo, nghị luận có giá trị về âm nhạc, văn chương.

Ngoài những vấn đề hữu ích chung, **Nhân-Loại** sẽ chú trọng đến những vấn đề thiết thân của tuổi trẻ như : Luyến ái, hôn nhân, hạnh phúc gia đình, học đường v... v...

Thể lệ mua báo dài hạn

1 số		15 đ
3 tháng	(6 số)	90 đ
6 tháng	(12 số)	170 đ
12 tháng	(24 số)	330 đ

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí

Báo quán

339 Nguyễn-Công-Trứ, 339
SAIGON

Bài vở, thư từ, bưu phiếu xin đề
Ông Huỳnh-Văn-Lợi
Quản lý Tập san Nhân-Loại

Đồng hồ Mỹ TIMEX

Đúng Chắc Đẹp

Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại

VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ

ĐỒNG HỒ CÔNG TY

176, Hai Bà Trưng — Sàigòn

SOCIETE D'EXPLOITATION INDUSTRIELLE COMMERCIALE

« SAIGON — GARAGE »

Angle des Bds Nguyên-Huê et Lê-Loi — SAIGON

Adresse Tél. LOSSEIC

Tél N 0 20.603

Agents exclusifs :

Voitures et Camions
SIMCA
STUDEBAKER
Motos et Scooters
BIANCHI
RUMI
DEPARTEMENT FROID
Installation
Réparations
Air-Conditionneur

OLIVER (U. S. A.)
Tracteurs forestiers
Tracteurs agricoles
Bulldozers
Groupes électrogènes
Groupes marins
Moteurs hors-bord

Atelier de réparations
Station Service
Pièces détachées d'origin
Pneumatiques «MICHELIN
Moteurs marins
Groupes électrogènes

Đi Ý-ĐẠI-LỢI

Quý vị nên du hành bằng tàu « LLOYD TRIESTINO »

Mỗi tháng đều có một chuyến đi...

LLOYD TRIESTINO

AGENZIA DI SAIGON

l'Agente :

Sté d'Exploitation Industrielle Commerciale

TÔI ĐỌC :

"THI-SĨ CẬN ĐẠI ANH"

CỦA LÊ-THANH-CHÂU

• PHẠM-CÔNG-THIỆN

★ Đại học, số 1, tháng 2, năm 1958

NHÀ xuất bản Đại-Học rao sắp xuất bản một tập sách nhỏ về « *Thi sĩ cận đại Anh* » của Ông Lê-Thanh-Châu; thiên khảo luận này đã được đăng trước trong Đại Học, số 1, tháng 2, năm 1958.

« Thi sĩ cận đại » Anh có hai nghĩa : theo nghĩa thứ nhất, nó gồm có tác phẩm của một nhóm thi sĩ mới có những đặc điểm chung ; nhưng danh từ này lại có một nghĩa thứ hai rộng rãi hơn : « Thi ca cận đại » là « tất cả thi phẩm xuất hiện trong thời kỳ cận đại » (trang 40).

Trong thiên khảo luận này tác giả chỉ nghiên cứu « thi ca cận đại » theo nghĩa thứ nhất (« tác phẩm của một nhóm thi sĩ mới có những đặc điểm chung »).

Đọc xong thiên khảo luận này, *người có sẵn căn bản về văn học hiện đại Anh* có thể *tạm hài lòng* vì được tác giả dẫn dắt một cách rất công phu đến một kiến giải khúc chiết, đại khái về nền thi ca của một nhóm thanh niên trí thức ở Anh nổi tiếng vào khoảng mười năm trước trận Đệ nhị Thế chiến. Họ gồm có W. H. Auden, sinh năm 1907 ; Cecil Day Lewis, 1904, Stephen Spender, 1909; Louis Mac Neice, 1907 ; William Empson, 1905; Johnlehmann 1907; Charles Madge 1912 ; Michael Roberts, 1902-48; George Barker, 1913 ; Dylan Thomas 1914 v.v...

Người ta mệnh danh họ là « thi sĩ cận đại ».

« Họ chịu ảnh hưởng của Ezra Pound, Wilfrid Owen, Donne, Blake, Rimbaud, nhóm thi sĩ «ảnh tượng» (imagiste) v.v...» (trang 40). Song người đã ảnh hưởng sâu xa nhất đến họ là Thomas Stearns Eliot, thi hào của giải Nobel văn chương năm 1948. « Họ cùng ở trong một xã hội với Eliot và họ cũng có một thái độ tương tự đối với xã hội ấy. Sự giác ngộ của Eliot trước đời sống hiện tại đã giúp cho họ nhận định thế kỷ họ đang sống một cách sáng suốt hơn » (trang 40). « Chỉ có T. S. Eliot mới làm cho họ hài lòng nhất. Thi ca Ông diễn đạt sự ngao ngán trước một hiện tại ghẻ lạnh không màu sắc, nỗi bàng hoàng này chính họ cũng cảm thấy. Ông kết án cái trống rỗng của

xã hội, cái xã hội mà theo họ, đã vượt ra ngoài công dụng và sứ mạng của nó. Nhưng về điểm này, họ lại đi xa hơn Eliot nữa. Họ đi xa hơn ở lòng khinh bỉ chán ghét xã hội cận đại. Nhưng lúc họ muốn tìm con đường tháo thân, để tránh cái thế giới phù du vô nghĩa, họ tìm thấy con đường ấy, không ở tôn giáo như Eliot, mà ở thuyết cộng-sản. » (trang 41) « Các thi sĩ này đã dùng thi mình làm khí giới tuyên truyền cho một cuộc đảo lộn xã hội và cho chủ nghĩa cộng sản. Thi ca theo họ phải là thi ca cách mạng... Sáng tác một thi phẩm, theo họ, phải có nghĩa là sáng tác một thi phẩm có tính cách tích cực tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng-sản (trang 45). »

« Những người trong nhóm này không những giống nhau trong lý tưởng của họ ; họ lại dùng một từ ngữ, một lối văn ảnh tượng giống nhau. Nếu đối với một độc giả chưa quen thuộc, thi phẩm của họ có khi khó hiểu, một phần cũng vì họ buộc người đọc phải trải qua một kinh nghiệm như họ. Câu thơ của họ lắm khi lại khúc mắc vì văn phạm họ dùng thiếu sự chặt chẽ, và nhiều ý nghĩ lại dồn vào một câu. » (trang 42). » Từ chỗ thi ca phục vụ chủ nghĩa cộng-sản đến chỗ thi ca bị chủ nghĩa này chi phối và bóp chẹt, chỉ có một bước. Sự cảm hứng trí tưởng tượng của thi sĩ bị lòng ham muốn tuyên truyền kìm hãm tất phải cằn cỗi, khô héo. Vì vậy một phần lớn thi ca của nhóm này, trong thời kỳ họ phục vụ chủ nghĩa cộng-sản là một thi ca nghèo nàn về nội dung và hình thức » (trang 45). « Nhưng vào hồi tin tưởng chính trị của họ còn mạnh, nhóm thi sĩ trẻ tuổi này đã có nhiều ảo tưởng về chủ nghĩa cộng-sản. Họ là những người chuộng tự do và bình đẳng. Họ lầm tưởng rằng trong một thế giới cộng sản, nhân vị sẽ được phát triển tột bực (the full development of the individual... might be possible in a state of social communism — M. Roberts) (tr. 47) « Nhóm thi sĩ này vào hồi ấy đã lầm tưởng về chủ nghĩa cộng-sản đến thế. Sự lầm lẫn này cũng vì họ chỉ theo dõi chủ nghĩa trong lý thuyết, mà không biết gì về thực hành của nó... Những nhà thi sĩ trẻ tuổi này, sau ít năm sống trong sự tưởng lầm lớn về chủ nghĩa cộng-sản, cũng tỉnh ngộ và biết rằng họ đã đi lầm đường. Họ nhận thấy rằng phong trào chính trị mà họ đã nhiệt thành ủng hộ không mang đến cho họ một phương thuốc mầu nhiệm như họ đã tưởng... Họ không như André Gide, lúc vỡ mộng về chủ nghĩa cộng-sản, đã viết cuốn «Retour de l'URSS» để kết án Nga-sô. Họ im lặng từ bỏ thuyết Mác-Xít, để trở về với thi ca của họ, như tình nhân sau bao năm bội phản trở về với mối tình đầu. Họ từ dấy dụng công sáng tác những thi phẩm sẽ là nền móng mới của Anh Quốc » (tr. 47-48)

*

Sau khi trình bày đặc điểm chung của nhóm «thi sĩ cận đại » (sic), tác giả giới thiệu từng thi sĩ quan trọng (major poet) của nhóm này như : W. H. Auden, W. Empson, Stephen Spender, C. Day Lewis, và hai thi sĩ đáng kể như George Barker và Dylan Thomas.

Phần kết luận tác giả viết : « Dù những sáng tác của nhóm « thi sĩ mới » này có khi quá sỗ sàng, cầu kỳ và tối nghĩa, họ cũng đã mang lại cho làng thi

văn của Anh một loại thơ chọn lọc và nghiêm khắc. Cũng chính vì thiếu đặc tính này mà thi ca ở Anh vào khoảng 1920 hầu bị bế tắc vì quá ủy mị... Họ đã có công tìm một lối thơ mới, một thể thơ cứng rắn, đầy sinh lực... Nền móng công trình xây dựng của nhóm sẽ được tồn tại và đấy là nền móng cho một lối thi ca mới... Họ là những đứa con của làng thi ca Anh — dù là những đứa con phiến nghịch — và họ đã thêm vào cho đại gia đình ấy một mầm sống súc tích và phong phú » (trang 56).

*

Nội dung thiên khảo luận đại khái là thế.

Tác giả thật đã công phu cho ta một ý niệm khá rõ ràng về nhóm « thi sĩ cận đại Anh ». Tuy nhiên, chúng tôi cũng xin thêm ít nhiều ý kiến dưới đây.

Về nhan đề thiên khảo luận, theo thiển ý, tác giả nên để lại là « Thi sĩ mới Anh » hay « Tân thi sĩ Anh ». Như vậy có lẽ đúng hơn. Vì nếu viết « thi sĩ cận đại Anh », độc giả sẽ hiểu lầm về đề tài của tác giả. Nếu chúng tôi không lầm thì tác giả gọi « Thi sĩ cận đại Anh » là muốn diễn cái nghĩa « Modern Poet » trong Anh ngữ. Như thế e rằng sai. Vì chữ Modern ở đây không có nghĩa « cận đại » dùng trong sử học. Từ điển « The Advanced Learner's Dictionary of current English » (Oxford University Press) định nghĩa chữ « modern » tuy đơn sơ nhưng xác đáng :

(1) having to do with the present time (= hiện đại), as *modern inventions and discoveries ; in modern times ; modern ideas* (i. e. new and up-to-date)

(2) having to do with any period after the Middle Ages (= cận đại) ,as *modern history* (contrasted with ancient and mediaeval) ; *modern English* (from the 15th century onwards)

(3) contrasted with *classical* as *modern languages* (e. g ; French anh German, not Latin and Greek) (mới hay tân)

Như vậy ta có thể dịch nghĩa chữ « Modern » của Anh ra Việt ngữ là : *hiện đại, cận đại* và *mới*.

« Modern poets » là gì ? Học giả R.A. Scott James định nghĩa một cách qua loa nhưng cũng rất chuẩn xác : « The so-called » modern poets » of the 1930's who had special characteristics, anh those who are simply modern in the sense that they are still writing, or have been recently » Dựa theo định nghĩa mạch lạc, khúc chiết của từ điển « *The Advanced Learner's Dictionary of current English* » và định nghĩa học giả R.A. Scott James, ta có thể dịch « modern poets » là :

1) thi sĩ mới hay tân thi sĩ (Scott James: The so-called « modern poets » of the 1930's who had special characteristics — *The Adv. Learner's Dict.* : contrasted with *classical*) ;

(2) thi sĩ hiện đại (Scott-James : those who are simply modern in the sense that they are still writing. *The Adv. Learner's Dict.* : having to do with the present time).

(3) thi sĩ cận đại (Scott James : those who are simply modern in the sense that they have been recently).

The Adv. Learner's Dict. : having to do with any period after the Middle Ages.

Giáo sư Lê-Thanh-Châu gọi « nhóm thi sĩ mới có những đặc điểm chung » là « thi sĩ cận đại » ! Như vậy sợ tối nghĩa chăng. Ngôn ngữ Anh thường có những chữ rất khó dịch, nếu ta thấy không thể dịch sát nghĩa được thì tưởng nên để nguyên văn. Các học giả Pháp về điểm này thường tỏ ra thận trọng, thí dụ : về từ ngữ « public school English » trong quyển Manuel pratique d'Anglais parlé», G. Faure vẫn viết là « le public school English » chứ không dám dịch ra Pháp ngữ (préface, tr. III), vì « public school » ở đây không có nghĩa giản dị là « école publique » của Pháp hay là « school under public management » ở bên Mỹ !

Tác giả bảo nhóm thi sĩ « cận đại » Anh chịu ảnh hưởng của Eliot, Ezra Pound, nhóm thi sĩ « ảnh tượng » (imagists), D.H. Lawrence, James Joyce, W.B. Yeats, Milfrid Owen, Doune Blake và Rimbaud. Song Ông không nhắc đến đại thi hào Gerard Manley Hopkins, một người có ảnh hưởng rất lớn đến nhóm thi sĩ « cận đại ». Học giả trứ danh E. Legouis và Cazamian, giáo sư ở Sorbonne, gọi nhóm thi sĩ « cận đại » Anh là « những người thừa tự của G.M. Hopkins, của W. Owen và của T.S. Eliot » (héritiers de G.M. Hopkins, de W. Owen et de T.S. Eliot) Và chính Cecil Day Lewis, một trong những thi sĩ danh tiếng nhất của nhóm thi sĩ « cận đại » đã gọi Eliot, Owen và Hopkins là « immediate ancestors » của Ông cùng W.H. Auden và Stephen Spender (the literature of England by William J. Entwisile and Eric Gillett, Longmans, green and co 1943, p. 191) Tóm lại thi hào G.M. Hopkins là một trong ba người có ảnh hưởng sâu đậm nhất đến nhóm thi sĩ « cận đại » Anh thì Ông Lê-Thanh-Châu lại bỏ sót không nhắc đến, trong khi ông nêu tên những người mà ảnh hưởng ít quan trọng như Rimbaud, Donne, vân, vân...

Ông Lê-Thành-Châu viết : « Cả nhóm thi sĩ này, không một ai, *chỉ trừ C. Day Lewis* thật nghiên cứu kỹ càng những tác phẩm của Marx cả ». Điều này chỉ đúng một phần. Và trường hợp này cũng giống ở trên, tưởng Ông Châu nên đính chánh lại : « chỉ trừ Michael Roberts rất thông hiểu chủ nghĩa Mác-Xít, hơn hẳn C.D. Lewis. Ông là người hướng dẫn nhóm thi sĩ « cận đại » trên bình diện tư tưởng ».

Trong phần giới thiệu những thi sĩ của nhóm, tác giả đã phân đoạn một cách thiếu sót và không hợp lý.

Ba thi sĩ lãnh đạo nhóm là W.H. Auden, C. Day Lewis và Stephen Stender, vậy mà Ông chỉ giới thiệu hơi đầy đủ về W.H. Auden và Stephen Stender, còn về C. Day Lewis, hình như Ông Châu không nhận định được địa vị của thi nhân này trong nhóm thi cận đại Anh. Ông Châu chỉ giới thiệu C. Day Lewis trong đôi ba dòng gượng gạo thôi.

C. Day Lewis giữ vai cực kỳ trọng yếu trong việc thành lập nhóm thi sĩ « cận đại ». Ông là một đại thi hào của nền văn học hiện đại Anh. G. A Astre gọi C. Day Lewis là « un *très* grand poète » (Anthologie de la poésie anglaise contemporaine, p 26). Legouis và Cazamian cũng nhận C. Day Lewis vĩ đại hơn cả Auden và Spender).

Khi giới thiệu mỗi thi sĩ chính, thiết tưởng cũng nên phác họa thêm tiểu sử và trích vài bài thơ tiêu biểu nhất của

thi sĩ ấy. Nhất là nhóm thi sĩ « cận đại » Anh lại rất xa lạ với độc giả Việt-nam.

Tôi nhận thấy hình như tác giả đã vô tình để lộ ra những sơ hở mà độc giả có thể ngờ về căn bản văn học ngoại quốc của tác giả. Chẳng hạn ở trang 55, tác giả viết « bản dịch bài thơ *Georgics* (Virgil) của ông rất được hoan nghênh » Tại sao *bài thơ* Georgics ? Có ai lại gọi « bài thơ » *Divine Comédie* ? « bài thơ » l'Iliade ? « bài thơ » l'Odyssée ? hay « bài thơ » Kim-Vân-Kiều ? Tại sao gọi là bài ?

Chữ *Georgics* dịch ở chữ « Georgica » là một thi phẩm tuyệt tác của thi hào Virgile, gồm có 4 tập : Tập nhất (liber primus gồm 514 câu, tập nhì (liber secundus) gồm 542 câu, tập ba (liber tertius) gồm 514 câu, tập tư (liber quartus) gồm 565 câu.

Như vậy đâu có thể gọi là » bài thơ » mà thiết tưởng phải gọi lại là thi tập, thi phẩm *Georgics* mới đúng.

Bất giác chúng tôi nhớ đến học giả Đào-Duy-Anh với câu « *Giấc mộng con* là những *khúc thơ* chan chứa cảm tình *lãng mạn* » (1) (trong quyển Việt - Nam Văn Hóa sử cương).

Trong « thi sĩ cận đại Anh » người ta còn thấy tác giả thường dùng những điển tích tây phương rất xa lạ đối với dân Việt-Nam, chẳng hạn « nhìn thẳng vào mặt Meduse » (trang 49) « con nhân sư » (Sphinx) (trang 50), vân vân...

Cũng chính vì đọc thấy những điển tích xa lạ đó mà chúng tôi có cảm tưởng *như đã được xem bài này ở đâu rồi...*

Chúng tôi nhớ đến chương « Modern Poet » trong quyển « Fifty Years Of English Literature » (1900 - 1950) của R. A. Scott James (Nhà xuất bản Longmans). Chúng tôi lục tra lại thì thấy hai bản có những chỗ giống nhau in hệt khiến người đọc tưởng như Ông Châu đã dịch nguyên văn của Scott James vậy. Song nếu quả đã dịch nguyên văn mà lại không chua rõ xuất sứ thì thực là một sơ xuất quan trọng, nhất là đối với một giáo sư đại học.

Xin dẫn chứng vài đoạn sau đây làm thí dụ :

Bài của Scott James

(Thiên «Thi sĩ cận đại Anh»)

. . . consisted of a group of young men who stormed the fortresses of the literary world in the ten years before the war and came to be known as the « modern poets »

They are still writing, though some of them are modifying their modernism and they are not receiving the same wholehearted allegiance from the very young which they could be sure of ten years ago.. We

Bài của Lê - Thanh - Châu

(chương « Modern Poet »)

... Nó gồm thi phẩm của một số thanh niên trí thức nổi tiếng vào khoảng 10 năm trước Đại chiến thứ hai và đã được người ta từ đấy, gắn cho danh hiệu « thi sĩ cận đại »... Phần đông người trong nhóm đến nay vẫn còn sáng tác dầu quan niệm thi ca của họ đã thay đổi nhiều và hiện nay họ không còn được giới thanh niên hoàn toàn tán thưởng và ủng hộ như hồi cách đây 20

can now be sure that they constitute a class of writers as distinctive in their way as were the metaphysical poets in the seventeenth century...

They were all inspired or at least profoundly influenced by T. S. Eliot ; the state of society which produced certain reactions in him produced similar reactions in them, and his consciousness of the age helped to clairify their own consciousness of it...

Nor was it the case that the « modern poets » came into being under the exclusive influence of Eliot. They read Eliot ; they read Pound and the Imagists ; they read D. H. Lawrence and Joyce ; admire the later work of Yeats ; and had been moved, before they had studied to discard, the more obvious emotions, by the stark imagery of Wilfrid Owen's pitiful war poetry. They had read Donne and Blake and Rimbaud.

But it was Eliot who gave them peculiary what satisfied them. He gave imaginative expression to the sense of dillusion which afflicted them. He exposed the hollowness of a society which seemed to them to have outlived and sense of direction or purpose...

They exceeded him in the bitterness of their disgust with contemporary society. But when they, despairingly, sought for some way out of a world of futility they found it for the most part not, as he did, in religion, but in communism...

Their poetry began to make itself distinctively felt midway between the wars. The members of the group were all very young then. The oldest of them was Michael

năm... Ta thấy rằng nhóm thi sĩ này cũng có những đặc điểm phân biệt họ với những thi sĩ « siêu hình » vào thế kỷ 17 khác với những thi sĩ đồng thời của họ vậy.

Những người trong nhóm này bị ảnh hưởng sâu xa của thi hào T. S. Eliot. Họ cùng ở trong một xã hội với Eliot và họ cùng có một thái độ tương tự với xã hội ấy. Sự giác ngộ của Eliot trước đời sống hiện tại đã giúp họ nhận định thế kỷ họ đang sống một cách sáng suốt hơn.

Tuy ảnh hưởng của Eliot sâu xa nhất đấy không phải là ảnh hưởng độc nhất. Họ còn chịu ảnh hưởng của Extra Pound và của nhóm thi sĩ « ảnh tượng » (imagists họ quen thuộc với văn nghiệp của D. Lawrence và James Joyce ; họ cùng thưởng thức những tác phẩm cuối cùng của W. B. Yeats, và cũng mủi lòng khi đọc thơ của Wilfrid Owen tả thảm cảnh của trường Thi phẩm của Donne, của Blake, của Rimbaud, họ cũng đều biết đến. Nhưng chỉ có T. Eliot mới làm cho họ hài lòng nhất. Thi ca ông diễn đạt sự ngao ngán trước một hiện tại ghẻ lạnh không màu sắc, nỗi bàng hoàng này chính họ cũng cảm thấy. Ông kết án cái trống rỗng của xã hội cái xã hội mà theo họ đã vượt ra ngoài công dụng và sứ mạng của nó. Nhưng về điểm này họ lại đi xa hơn Eliot nữa. Họ đi xa hơn ở lòng khinh bỉ chán ghét xã hội cận đại. Nhưng lúc họ muốn tìm con đường tháo thân để tránh cái thế giới phù du vô nghĩa, họ tìm thấy con đường ấy không ở tôn-giáo như Eliot mà ở thuyết cọng-sản.

Thi phẩm nhóm này bắt đầu nhuộm mầu sắc đặc biệt của nó vào khoảng giữa hai trận đại chiến. Vào hồi ấy những

Roberts (1902 - 1948). Roberts in his poetry does not really exemplify the characteristics of the group, but he cannot be left out since he did more than anyone else to organize it bring the members together, and to the wider public (see his two an thologies, the first of which was in the nature of a manifests-*New country* 1933, and *the faber of Modern Verse* 1936) Cecil Day Lewis was born in 1904 ; William Empson in 1905, John Lehmann in 1907. Louis Mac Neice In 1907 ; W. H. Auden in 1907 ; Stephen Stender in 1909, Charles Madge in 1912; George Barker (on the outer fringe of the circle) in 1913 ; Dylan Thomas (a variation of the species) in 1914...

người trong nhóm vẫn còn trẻ tuổi. Người cao tuổi nhất là Michael Roberts (1602-1948). Thơ Ông không có đặc tính của tất cả nhóm nhưng ta không thể không nhắc tên Ông trong bài này vì Ông có công nhất trong việc tổ chức và đưa những người trong nhóm đến gần nhau. Ông lại làm trung gian giới thiệu thi phẩm của nhóm với đọc giả hồi ấy (xem hai tập thi tuyển do Ông lựa chọn và ấn loát *New country* 1933, và The faber book of Modern verse 1939). Ngoài Ông ra lại có Cecil Day Lewis sinh năm 1904, William Empson, 1905; Jonh Lehmann 1909, W.H. Auden 1907, Stephen spender, 1909 ; Charles Madge 1912, Georges Barker 1913, Dylan Thomas 1914. Hai người ở cuối cùng, Barker và Thomas không thuộc hẳn vào nhóm này...

. . . At first the cry seems to be one of despair. Day Lewis apostrophizes the « victims of run-down civilization » Auden speaks of « the dingy, difficult life of our generation » Spender exclaims :

Điều trước tiên người đọc nhận thấy trong « thi ca cận đại » là một lời than tuyệt vọng ; C. Day Lewis đề tặng văn nghiệp mình cho những nạn nhân của nền văn minh « tàn phế » (victimes of a rundown civil zation ») Auden thường nhắc đến cuộc đời đen tối và đầy khó khăn của thế hệ chúng ta (« the dingy, difficult, life of our generation ») Đời sống hiện tại, đối với Spender là một đời sống máy móc khô khan, lạt lẽo:

there is
A network of railways, money, words,
words, words.
Meals, papers, exchanges, debates
Cinema, wireless ; the worst is marriage.
We cannot sleep. At night we watch
A speaking clearness though cloudy paranoia.

. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .

Mac Neice speaks of « the mad vertigo of being what has been », declares himself « Jazz-weary of years of drums and Hawaiian guitar », and rails against those who cannot endure without :

Mac Neice nói đến « cái chóng mặt cuồng điên của đời sống quá khứ » (the mad vertige of being what has been) chán ngán những cái gì là tiêu biểu cho một cách sống tình cảm nông cạn tắc bế (Jazz-weary of years of drums and Hawaian guitar) Ông chế giễu những kẻ không chịu nổi cuộc sống, nếu họ thiếu những tiện nghi vật chất tầm thường nếu họ thiếu :

The flotsam of private properly, pekingese and polyanthus.
The good things which in the end turn to poison and pus.
Without the bawdy chairs and the sugar in the silver tongs.
And the inter ripple and resonnance of years of dinner gongs

Auden is the shining particular light of remarkable movement. He has a brain nimble, alert, neverresting ; perception ; alive and darting an imagination which sweeps over his world of perceived things with bewildering brilliance, he has humour which turns to satire ; passion, which often consumes itself in scorn. In poetry he may be intensely serious or he may be playing a game in the dexterous use of words.

Auden là ngôi sao sáng của nhóm thi sĩ xuất sắc này. Óc Ông lanh lẹ, không lúc nào yên nghỉ. Ông có một tri giác linh hoạt và sắc bén. Lại thêm một trí tưởng tượng bao trùm cả thế giới giác quan. Tài hoạt kê của Ông hay trở nên trào phúng châm biếm và cảm xúc nồng nhiệt của Ông có khi lại chỉ để làm nguồn nung nấu một lòng khinh bỉ vô biên. Thi ca Ông đầy ý trang nghiêm nhưng có vài bài thơ làm cho chúng ta ngờ rằng đối với Ông chỉ là một dịp cho ông trổ tài múa chữ....

If any should complain, as they have done, that his heart is made of stone, that is only because he has looked the Medusa in the face and seen world failure in the « stunded » heart....

Có người than phiền tim Ông Auden là một quả tim đá. Nếu thật vậy thì cũng chỉ vì Ông có can đảm nhìn thẳng vào mặt Meduse và cảm thấy sự thất bại đau đớn của một nhân loại đang sống với một trái tim cằn cỗi và tê dại....

If the sphinx could speak the sphinx would speak like Empson... Here he does not always escape that « tyranny of the Universal » which Geothe begged poets to shun Before the war the name of Day Lewis was frequently bracketed with those of Auden and Spender... The trio were

Nếu con nhân sư (sphinx) biết làm thơ, thơ của nó sẽ giống thơ ông Empson.

Loại thơ này rơi vào lầm lỗi lớn, Goethe gọi là sự chuyên chế của phổ biến tính và Goethe đã khuyên các thi sĩ nên tránh.

Trước Đại chiến thứ hai tên của D. Lewis thường được ghép với tên của Auden

the best known of the « modern » poets. In years Lewis was the eldest. He has considerable litterary talent and in a lively critic as well as poet. By studentdy and zeal perhaps more than by innate inclication, he accommodated himself to the new style, and use it with much cleverness ; usually he avoided the obscurity which marred some of the work of his friends. He has made an excellent translation of The Georgics of Virgil (1940)...

và Spender. Bộ ba này có tiếng nhất trong thi ca cận đại. Kể về tuổi thì Lewis là anh cả. Ông có lắm văn tài. Ông lại là một nhà phê bình văn hoạt, cũng như một thi sĩ lỗi lạc. Có lẽ nhờ ở sức chuyên tâm cố gắng hơn là thiên bẩm, Ông hướng theo lối văn mới và biết dùng nó một cách khéo léo. Ông thường tránh lối thơ tối nghĩa, lối thơ hay làm cho tác phẩm của các bạn Ông bị giảm giá trị. Bản dịch bài thơ « Georgics » (Virgil, của Ông rất được hoan nghênh (1940)

V. V...

★

Như đã trình bày ngay từ đầu, chúng tôi nhận thấy thiên khảo luận của Ô. Lê-Thanh-Châu biên soạn công phu, kiến giải khúc chiết, rất lợi cho những người tìm hiểu văn học Anh. Cũng chính vì quan tâm đến phương diện ích dụng của thiên khảo luận đó mà chúng tôi đã thẳng thắn nêu ra những thiếu sót, sơ xuất trên đây, ước mong rằng sau này, khi in thành sách, thiên khảo luận sẽ được bổ chính cho hoàn hảo hơn nữa. Chúng tôi cũng tin chắc rằng tác giả « thi sĩ cận đại Anh » sẽ thông cảm tinh thần xây dựng đó trong sự góp ý trên đây của chúng tôi.

PHẠM-CÔNG-THIỆN

★ Người có văn hóa không phải là người cái gì cũng biết mà là người làm chủ được sự việc, đứng trên cao mà bao quát được sự việc.

Sông Amazone

Con sông Amazone là con sông rất lớn tại Nam-Mỹ, phát nguyên từ dẫy núi Andes, chảy qua các nước Pérou, Colombie, Brésil... Sở dĩ con sông được mệnh danh là Amazone vì hai bên bờ sông, người ta đã từng gặp những đoàn quân phụ nữ chiến đấu rất hăng hái, khiến người ta nhớ lại dân Amazones, trong thần thoại, là dân cũng có những đoàn quân phụ nữ thiện chiến, hễ sinh con trai thì bỏ con ngoài đường và dám cắt vú bên phải để dễ bề luyện tập cung tên.

NGUYỆN CẦU

BÙI GIÁNG

Con nhớ Người khôn xiết kể hoang mang
Người về đây giữa gió thổi ngàn ngàn
Cây lá rớt giữa vô thường vũ trụ
Chắp bàn tay Người ngồi yên đã đủ
Một nụ cười bất tuyệt ở nơi môi...
Và từ đây trần gian lạnh hết rồi
Và lạnh lắm, lạnh vô cùng, Người biết ?
Con theo dõi đời Người mãi miết
Lời của Người con cứ lắng âm vang
Và ngày đêm những không hết ngổn ngang
Vò trăm mối tơ lòng con bối rối
Con tự hỏi : Giữa cõi đời gió thổi
Biết bao giờ con trùng dấu bước chân
Của Người đi. Con đứng lại tần ngần
Tim đập những bao nhiêu lần thôn thức
Con nín lặng. Muốn dâng Người lồng ngực
Người xem giùm. Người xét lại cho con
Người nắm giùm. Người cầm giúp cho con
Dìu con bước đi về trời giải thoát
Con đứng lại, mồ hôi đầm đìa toát
Con một mình, đời tràn ngập bốn bên
Con chần chờ, Người hãy giục con lên
Con quỳ xuống. Hãy nâng đầu con bảo :
— « Dù được ít được nhiều hãy bước rào
Nhìn ngón tay ta chỉ Nirvana
Nhìn ngón tay và tin tưởng nơi ta
Nhìn một ngón, trăm phương trời con thấy
Mở huyền ảo trước thị quan lấy bấy
Sương ám trời không chảy lệ rưng rưng
Tinh tú ngời bừng sáng dậy một lần
Để vĩnh viễn nói cùng con mầu nhiệm
Của đạo lý nhân gian rung chuyển
Nơi bàn tay ta chỉ. Con ngó xem.
Nào con ơi ! Hãy ngước mắt nhìn lên
Trong giây phút lầm than mờ xóa hết
Con từ bỏ giờ truy hoan oan nghiệt
Của phù du nhân thế lạnh căm căm
Nhìn tay ta vầng trăng tỏ đêm rằm
Sẽ vĩnh viễn trong lòng con đón đợi
Rồi từ đó mỗi lần về gió thổi
Là mỗi lần hết khuấy động lầm than
Là mỗi lần giục cánh mộng tung ngần
Ngàn thử thách cho già thêm gang thép
Ngàn lửa lực cho đỏ lòng con đẹp
Sáng ngời theo lòng ta mộng nguy nga
Bến bờ nào xóa hết nghĩa phôi pha
Và ngày tháng giữa thời gian đứng lại
Và huyền ảo sắc màu thôi rún rẩy
Thôi không làm mê hoặc nữa tim con
Vũ trụ nhân gian chung mộng chung hồn
Và sinh tử là diệu huyền bất diệt
Sinh là sống tử vẫn còn là sống
Sống huy hoàng không giống sống nhân gian
Chờ sẽ xem, giờ khôn xiết muôn vàn
Khôn giãi tỏ, nghe con. Nào đứng dậy ! »
Con lấy bấy thưa rằng : Người có thấy
Quả tim mềm nhu nhược là bao !
Chỉ giùm cho con một phương cách nào
Để té xuống còn đứng lên đủ sức
Người hãy hứa đừng bỏ con một bước
Dù trăm lần té xuống khó đứng lên
Hứa cùng con : trên sóng vỗ lênh đênh
Người không bỏ chiếc thuyền bằng gỗ bách
Cho yên dạ con liều trong bão táp
Cùng xông pha trong tin tưởng một ngày
Một cõi trời sẽ hiện đầu ngón tay
Của người chỉ cho con nhìn, con ngó
Người hãy hứa sẽ không bao giờ bỏ
Dù con nhu nhược có những ngàn lần
Dù van xin con cứ mãi lần khần
Mà cố gắng thật ít oi cố gắng...

Con ngẩng mặt. Người nhìn trong thầm lặng
Một nụ cười vẫn bất tuyệt nơi môi...
Và Người ôi ! con hiểu ý Người rồi.
Con quỳ xuống. Người không cần phải đáp.

CHIẾC ÁO TRÊN MỒ

PHONG-NGẠN

NGÔN đứng núp sau một chậu kiểng, riêng biệt một mình một động. Không phải là chàng không ưa sự chung đụng với mọi người. Không ưa sao lại có mặt hôm nay trong buổi dạ hội này, tại nhà Ông Ích-Thành ?

Nhưng chàng hóm lắm. Nếu ra mặt thì phải trò chuyện với nhóm nào đó, rồi lát nữa, đến lúc khiêu vũ, thế nào cũng phải nhảy với một phụ nữ trong nhóm đó, vì không lẽ bỏ họ, chạy đi kiếm người ngoài.

Chàng núp bóng mà nhìn, như con mèo rình mồi.

Hễ chấm được con mồi rồi, chàng mới bỏ chỗ trú ẩn, men đến xóm ấy làm quen, và thế nào cũng sẽ nhảy với một người vừa ý.

Ngôn không coi môn khiêu vũ là một nghệ thuật. Hay nói cho đúng, chàng không khiêu vũ vì nghệ thuật khiêu vũ, nên chi chàng chỉ theo sở thích bề ngoài mà chọn cặp, chớ không phải căn cứ vào tài nhảy của những người quen biết sẵn.

Ông Ích-Thành là một ông nhà giàu mới, nên chỉ những chỗ Ông quen biết rất phức tạp. Có đủ các hạng khách từ những nhà thầu khoán mà sự nghiệp mới nổi lên, đến các công chức cao cấp. Vì nhiều giới quá, nên Ngôn không biết cho hết và những tân khách kia cũng không biết nhau cho hết được.

Bỗng Ngôn chú ý đến một người đàn bà mặc chiếc áo Sergila màu kỳ lạ. Ngôn chưa từng thấy ai dùng màu đó bao giờ. Trời đầu đông bắt đầu lạnh đã mấy hôm rồi. Thế mà thiếu phụ ăn mặc đơn sơ như vậy lại không có gì khó chịu bởi thời tiết cả. Lụa Sergila tuy dầy thật, nhưng có thấm vào đâu với cái lạnh đầu mùa ?

Thiếu phụ mặt xương, hơi gầy, đôi mắt sáng lạ lùng. Ngôn đứng quan sát hồi lâu thì nhận ra rằng nàng cố tránh những người đứng tuổi và những người chạc tuổi nàng, và chỉ chịu chuyện trò với những người trai trẻ thôi. Nàng sợ người ta hỏi nàng là ai chăng ? Bọn trai trẻ hơn người lớn ở chỗ cóc cần dĩ vãng của bất kỳ ai và chỉ thích sống với hiện tại thôi.

Thiếu phụ không bao giờ ngồi, cầm ly sâm banh đi hết góc này đến góc khác, thỉnh thoảng lại núp sau mấy chậu kiểng như chàng.

✶

Ngôn làm quen với nàng không khó khăn lắm. Nhưng biết nàng là một việc mà chàng không dám mong.

Đây là một người đàn bà khôn ngoan bực nhứt, kín đáo vô song, và có một cuộc đời kỳ dị như những cái nhìn khó hiểu của nàng.

Nàng nói chuyện rất có duyên. Nàng đẹp, một vẻ đẹp đã về chiều. Nhưng có gì say sưa quyến rũ bằng sự mong manh của ngày sắp tắt ?

Ngôn mát tay lắm đã chọn đúng một nữ kỵ mã nhảy rất giỏi. Đến khuya lại thì họ đã trở nên đôi bạn thân.

Nhìn thấy tân khách đã bắt đầu uể oải, thiếu phụ nói nhỏ với Ngôn :

— Em muốn về bây giờ.

— Sao cô lại về sớm thế ?

— Em muốn thừa dịp khách khứa còn đông, rút êm theo kiểu Ăng-lê.

Đến đây Ngôn mới sực nhớ một điều, bèn hỏi :

— À quên, cô về với ai ?

— Em về một mình.

— Tôi xin phép đưa cô về đến nhà.

Thiếu nữ trầm ngâm suy nghĩ rất lâu rồi vui vẻ nói :

— Thế thì hay lắm, em rất cám ơn hảo ý của ông.

— Vậy tôi cũng làm Ăng-lê với cô.

Hai người vừa trò chuyện, vừa đi lần ra hành lang ngoài rồi rút êm ra sân, chẳng bị ai để ý đến cả.

Ngôn lái xe từ đường Audouit ra Laubat, rồi cho chạy về hướng Sàigòn, giây lâu, chàng sực nhớ một điều và thấy mình vô lý quá nên hỏi :

— À, cô về đâu ?

— Em ở gần đất thánh Tây đầu đường Legrand de la Liraye. Nhưng ông cho em xuống đường Paul Blanchy thôi.

Đến góc Paul Blanchy và Legrand de la Liraye Ngôn ngừng xe lại, không

dám nài nỉ thiếu phụ để theo nàng tới nhà.

Gió khuya thổi lạnh ghê người.

— Hay là cô lấy áo nầy mà choàng cho ấm, Ngôn vừa đề nghị, vừa với tay vào xe lấy chiếc áo dạ mà chàng đã cởi ra bỏ đó từ khi ra khỏi dạ hội.

Cô gái ngần ngừ giây phút rồi nhận áo và ngỏ lời cám ơn.

— Em sẽ mang trả ông ngay ngày mai nầy. Không có bóp tiền trong nầy chớ ? Thiếu phụ vừa hỏi vừa cười rất duyên dáng.

— Không chỉ có...

Chàng định nói, chỉ có trái tim tôi thôi, nhưng thấy suồng sã quá, nên không dám hết lời.

Hai người chào nhau, chàng đứng nhìn, trong ánh sáng lờ mờ của đèn đường, bóng dáng yêu kiều của thiếu phụ mất lần trong bóng tối.

Sáng ngày vừa tỉnh giấc là Ngôn bật cười lên và tự bảo thầm.

— A, người ta hứa trả, nhưng người ta biết nhà mình đâu để trả chớ ?

Ngôn ăn sáng rất vội vàng, để ra đi. Chàng đi Đất-Hộ không phải để đòi áo, nhưng để dọ hỏi tung tích một người mà chàng không thể đợi chầm rải để biết nữa.

Đêm rồi, Ngôn đã nằm chiêm bao ? Điều nầy đủ tỏ chàng đã yêu, và đang nóng lòng gặp lại người đêm trước.

Ngôn có ba người bạn ở xóm đó, hai người ở đường Vial và một người ở đường Albert Ier. Tuy cả ba đều không phải « thổ công » Sàigòn, chớ họ cũng biết rõ người trong xóm vì họ ở đây ngay từ trước chiến tranh.

Nhưng cả ba đều ngơ ngác, trước câu hỏi của Ngôn. Chàng không thất vọng, và kể từ hôm đó, chàng giống một tên bợm rình ai ở xóm đất Thánh Tây. Mà lạ quá, luôn bảy hôm liền, từ sáng đến chiều đứng đường, đứng sá mà Ngôn không bao giờ thấy bóng dáng giai nhân đâu cả. Con người khép cửa phòng thu đến bực nào, cũng phải có một dịp ra khỏi nhà trong một tuần chớ.

Ngày thứ tám, Ngôn dừng xe sát đường đất thánh. Chàng bước xuống lề cỏ ở chơn tường thì gặp ngay một anh phu đang giẫy cỏ. Một ý nghĩ thoáng qua, Ngôn do dự vài giây, rồi hỏi :

— Anh ở gần đây chớ ?

— Tôi ở trong kia, vừa nói y vừa chỉ tay vào nghĩa địa.

— Ở trong đó ? Ngôn ngạc nhiên hỏi ?

— Dạ tôi làm cu li trong ấy, tôi ở nhà bếp ông xếp gác đất thánh.

— A, vậy là anh ở xóm nầy. Từ bao lâu rồi ?

— Từ hai mươi năm nay.

— Anh có biết cô Tường-Vân chăng ?

Hỏi xong Ngôn thấy mình thật vô lý. Anh phu nầy, dầu ở đây một trăm năm, cũng chỉ biết có nghĩa địa, mả mồ thôi.

Anh phu ngơ ngác nhìn Ngôn rồi ngỡ chàng phá chơi mình, cúi xuống giẫy cỏ tiếp.

Ngôn thơ thẩn đi trên các ngõ đường vắng và hẹp quanh đó rồi lại về. Nhưng qua ngày mai, chàng vừa bước xuống xe là anh phu bữa trước chạy lại chào và nói :

— Thầy hỏi tôi cô Tường-Vân hả ?

— Phải.

— Tôi biết cô ấy ở...

Ngôn mừng đến muốn ngộp thở.

— Ở đâu ?

Ở trong nghĩa địa.

— Sao lạ vậy ?

— Tôi thấy có một ngôi mộ đề là cô Tường-Vân chết hồi 25 tuổi, và đã chết 3 năm rồi, hay là người đó chăng.

Vẻ thất vọng hiện rõ trên mặt chàng, chàng lầm bầm : « Ta lại gặp một thằng cha điên đây ». Rồi quay đi. Nhưng đi được vài bước, nghi hoặc điều gì, chàng trở lại hỏi :

— Tôi có thể vào nghĩa địa chăng ? Anh sẵn lòng giúp tôi xem mộ ấy chớ ?

— Muốn vào, phải xin phép ông xếp tôi. Lau lắc lắm ! Nhưng tôi có thể nói giúp để thầy được vào liền.

— Tốt, đây thưởng trước anh hai chục đồng uống nước.

— Cám ơn thầy !

Hai người đi song song nhau ra phía ngõ Legrand de la Liraye, anh phu căn dặn :

— Thầy nhớ nói là anh họ của cô Lê-Thị-Tường-Vân mới được, vì..

Tôi hiểu rồi.

*

Qua nhiều con đường sạn, khi đến một chỗ quanh kia, anh phu dừng lại mà rằng :

— Đây rồi, ủa mà sao...

Ngôn nhìn theo ngón tay anh nầy rồi cũng cũng đứng sững đó mà ngạc nhiên như anh ta. Người phu ngạc nhiên vì chiếc áo dạ ai lại phủ lên tấm mộ bia. Ngôn kinh hoàng vì chiếc áo dạ chính của chàng cho cô Tường-Vân mượn, lại nằm đó.

Qua phút kinh ngạc, chàng bước sấn tới, dỡ áo lên, thì dưới ấy bày ra một tấm bia bằng cẩm thạch trên khắc những hàng chữ mà nét mạ vàng còn mới ràng ràng :

Nơi đây yên nghỉ
Con yêu dấu :

LÊ-THỊ-TƯỜNG-VÂN
Hưởng dương 25 tuổi.

Sàigòn ngày.... 1950.

Ngôn lảo đảo như say rượu, ngồi phệt xuống đường trải sạn ôm đầu mà suy nghĩ.

Có thể nào như thế được chăng ? Chàng không bao giờ tin có ma. Cái tên này có thể chỉ là một sự trùng tên thôi. Nhưng chiếc áo ? Chiếc áo của chàng, sao lại ở đây ! Chàng ngẩng lên, với lấy chiếc áo. Mùi hương còn thoang thoảng, mùi hương mà chàng đã ngửi thấy vào đêm dạ hội kia.

Chiếc áo là áo của chàng, không còn ngờ gì nữa cả : cái hiệu tiệm may, cả cái nút tay bên phải mẻ một mảnh, đó là những chi tiết không thể lẫn lộn được với áo nào cả.

Ngôn nhìn lại lần chót nơi yên nghỉ cuối cùng năm đó của người mới quen tháng nầy, và thất thểu mang áo ra về.

Bấy giờ và những ngày sau đó, chàng mới nhớ lại thái độ kỳ dị của Tường-Vân. Phải, nàng là ma nên tránh người lớn sợ gặp người quen biết và sợ bị hỏi lôi thôi. Nàng là ma, nên mới rút về êm, không dám chào ai hết. Nàng là ma, nên không cho chàng đưa tận nhà.

Người ta nói bịnh tương tư chỉ có trong tiểu thuyết, và không ai ốm vì tình cả. Nhưng Ngôn đã tương tư, đã ốm.

Ngay chiều hôm đó là chàng bỏ ăn. Chàng không mắc bịnh gì cả, nhưng người cứ dã dượi, bần thần. Lòng chàng chua xót một tiếc thương kỳ lạ, quặn đau vì đã mất cái người mà, mới quen, chàng đã yêu đắm đuối rồi.

Người nhà không biết gì cả, nhưng bạn hữu chàng đã rõ ngọn nguồn.

Có lẽ cả thành phố đều biết tin này, và đó là chuyện thời sự nóng hổi.

Hôm ấy Ngôn mệt ngất đi mấy lần thì thằng nhỏ đem vào buồng chàng một bức thơ mà anh phát thơ vừa liệng trước cửa.

Thấy tuồng chữ lạ, chàng cầm phong bì mà nhìn, chợt thấy trên đầu bì câu sau đây :

Người gởi : Tường-Vân.

Chàng tái mặt đi. Ô ! Thật là lạ. Tường-Vân là người, rồi lại là ma. Nhưng con ma ấy bây giờ lại gởi thư.

Tay run lẩy bẩy, chàng xé bao thơ ra xem :

Ông Ngôn,

Em là người đây. Nói mau để ông bớt sốt ruột, cũng như em đã để tên ngoài phong bì cho ông nhớ mà xem thơ.

Vâng em là người. Nhưng là một người bỏ đi rồi. Em thấy mình không xứng đáng với tấm tình tốt đẹp của ông, nên buộc lòng phải đoạt luôn áo để khỏi gặp ông nữa. Song thấy ông tìm mãi (em ở gần lối đó và đã chứng kiến cuộc nói chuyện giữa ông và anh phu nghĩa địa) em mới bày trò ma quái, để cho ông quên em đi, vì em đã chết rồi kia mà. Tường-Vân chỉ là người bạn xấu số của em thôi.

Nhưng ông đã chẳng quên em mà lại bày trò ốm tương tư, thật khổ quá ! Em lại phải viết thơ này thú thật để khuyên ông trở về lẽ phải cho vậy.

Kính chào ông.

Tay Ngôn run dữ. Chàng run vì mừng, tim chàng đập liên hồi trong lồng ngực.

— A, vậy ra nàng không phải là ma à ? Được. Trốn đường trời cũng không khỏi ta.

(Phỏng theo một tin vặt ở báo Pháp do ông N.C.M. kể cho nghe. Truyện này viết đã lâu, nên tên đường cũ có khác bây giờ).

PHONG NGẠN

(Rút tập « Tên liêu trai » do nhà Bến Nghé sắp xuất bản).

Sách cất trong mồ

Đời nhà Tần, Tần-Thủy-Hoàng ra lệnh đốt sách. Có người họ Cấp nhân lúc chôn người chết, làm cái quan tài giả, bỏ sách vào chôn theo người chết, tới đời Hán mới đào lên. Người ta gọi sổ sách cất giấu ở trong mồ đó (trủng lý tàng thư) là « *Cấp trủng thư* », sách cất giấu trong mồ của người họ Cấp.

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam

tất cả nguyên liệu có giá trị

CALTEX

REG. T.M.

và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

AIR 52

THÀ CHẾT

MỘT MÌNH ★

ERIC RAE
Công Diêu (dịch)

VÀI LỜI GIỚI THIỆU

Tờ New-York Herald Tribune và tờ Universal Features có tổ chức một cuộc thi truyện ngắn quốc tế, treo giải 5.000 đô-la.

Những truyện dự thi, ở mỗi nước, sau sự tuyển lựa của Hội-đồng chấm thi toàn quốc sẽ còn lại 2, 3 hay 4 truyện, tùy theo dân số, rồi vào chung kết, do một Hội-đồng giám khảo quốc tế quyết định lấy 4 giải nhất đồng hạng.

Hai mươi ba nước đã sốt sắng hưởng ứng cuộc thi này. Nước Mỹ vì lý do là nước tổ chức cuộc thi nên không có truyện tham dự. Kết quả : Pháp được 2 giải, Na-uy một giải, Phần-lan một giải.

Lần này chúng tôi dịch đăng một truyện Anh-quốc được vào chung kết của nhà văn Eric Rae, diễn tả tâm trạng và hành trình gian khổ của một trong số năm người bị nạn máy bay, giữa sa mạc Phi-châu.

Trong khi đồng bạn hoặc đầu hàng số mệnh, hoặc cùng nhau đi tìm một lối thoát như lẽ thường tình, người này, tuân theo cái bản năng sinh tồn mãnh liệt của một cá tính luôn luôn khao khát tự do, chọn riêng cho mình lấy một hướng đi, giữa cát sa mạc mênh mông nắng cháy...

VỪA thức giấc, anh đã bắt thấy lăn tăn nóng vì mặt trời. Phương đông, trời xanh thẫm. Anh phủi cát bám trên tóc và sau gáy. Không một mảy may ngạc nhiên và không một xúc cảm đặc biệt nào, anh nhớ ra chỗ mình hiện đang ở và những việc anh ta đã làm hôm qua, trước khi đi ngủ. Anh xốc lại thắt lưng, cột lại khăn tay sau gáy để che mặt trời, mang tất và đi giày. Xong, anh nhồm dậy và bắt đầu bước.

Anh đã biết chắc đến chín trăm chín mươi chín phần phải chết và có lẽ chỉ một phần may mắn còn được sống sót trong khoảng bốn mươi tám tiếng đồng hồ, có lẽ còn ngắn hơn thế nữa. Nhưng chẳng có gì ngăn cản anh thử thời vận mình. Đây là trò chơi với cái chết ; song, chẳng còn cách gì hơn.

Vòm trời mỗi lúc càng nhuốm màu rạng rỡ và xóa dần vẻ nhợt nhạt lúc rạng đông.

Mặt trời chưa lóe. Bãi sa mạc đang thức giấc. Ánh sáng như vuốt nhẹ lên những phím xanh dịu, xanh thẫm và đỏ ối khắp các nẻo. Rồi những gò cát gợn nhịp nhàng biến dần sang màu vàng chói. Cứ theo một đường thẳng tắp, anh đi về hướng mà anh đoán sẽ gặp biển. Trước đây hai ngày, khi từ giã các bạn, anh đã chọn hướng đi này.

✈

Mới hôm kia, họ còn là năm người, năm người và một chiếc phi cơ bị nạn trong lúc lén lút mang khí giới đến Bắc Phi.

Theo những điều ước đoán của viên phi công thì họ cách xa chỗ có người ở đến bốn trăm cây số. Không ai có thể lê chân trên một quãng đường dài như thế. Họ đã sơ lược bàn tính với nhau :

— Cách đây ba trăm cây số về phía Tây bắc có một ốc-đảo (1). Chỗ này xuất hiện được vài ba năm nay. Và cũng đã bị héo đi đôi lần ; xin các bạn nhớ cho như thế.

Lời người phi công nói. Và chỉ có người phi công mới lờ mờ biết được chỗ mà họ hiện đang ở.... Một người trong bọn bàn :

— Vậy ta thử tìm đến đấy còn hơn là khoanh tay ngồi đây.

— Tôi chẳng hy vọng gì, người phi công tuyên bố. Cái may mắn sẽ đến nơi kia thật quá mong manh. Và lại, nếu chẳng may tôi tính nhầm chút đỉnh thì chúng ta rất có thể đi lệch hướng và sẽ cứ bước mãi đến hư không.

Anh ta nói không một mảy may cảm động. Hơn nữa, anh ta cũng không phải là người ưa bi đát hóa câu chuyện. Khi bắt đầu cuộc thảo luận, họ đã đặt vấn đề được tiếp cứu nhưng đã kết luận rằng sẽ không có ai biết để đi tìm họ. Viên phi công là một người Anh rắn rỏi đã được đào luyện ở các trường Đại học. Chàng lẳng lặng nhún vai. Chọn nghề này, chàng đã biết trước những hậu quả của một cuộc thất bại.

Các bạn chàng hỏi :

— Còn cách gì nữa không ?

— Ở đây và chờ chết, chàng trả lời. Chúng ta có thể ẩn dưới thân phi cơ. Như thế có lẽ dễ chịu hơn.

(1) *Ốc đảo* (oasis) : nơi có suối nước và cây cối, thường là chà là, ở trong sa mạc (L.. ng. dịch)

Kẻ đang bước kia là người đề nghị đi về hướng biển. Anh ta đã hỏi kỹ để biết khoảng đường dài bao nhiêu.

— Vào khoảng hai trăm năm chục cây số, nếu tôi tính không nhầm.

Viên phi công nhìn anh ta chòng chọc bằng đôi mắt xanh mệt mỏi.

— Nhưng ích gì mà đến biển. Dẫu chúng ta đến tận đấy — điều đó rất mơ hồ — chúng ta cũng không đi đâu thêm được. Họa hoằn mới có chiếc tàu chạy ngang qua nhưng lại không đi gần bờ.

Anh ta cũng không biết vì sao mà mình lại muốn đi về phía ấy. Có lẽ vì đó là một mục tiêu rộng lớn và nếu cứ đi mãi thì cuối cùng chắc chắn sẽ đến nơi. Và cũng có lẽ rằng anh không tin tưởng vào cái điểm không định chắc kia cách ba trăm cây số về phía Tây bắc. Nhưng điều chắc chắn là anh đã biết trước mình sắp chết và chỉ muốn chết một mình.

Họ gồm năm người. Một đã lạnh lùng nằm dưới bóng chiếc phi cơ bẹ nát. Ba người nữa đã mang theo chiếc địa bàn độc nhất với ba phần năm số lương thực và nước uống dự trữ. Họ đã ra đi cách đây hai ngày, hướng về phía các đám cây. Riêng anh, anh đã đi về phía đông, trong mênh mông vắng ngắt.

Dẫu phải chết, anh cũng không muốn thấy những người khác chết. Một mình, anh sẽ không có một trách nhiệm nào hay sẽ không bị bắt buộc phải làm theo những người kia hay theo như lương tâm khuyên nhủ. Điều quan hệ là anh sẽ không cần phải nói. Anh không muốn nói gì nữa.

Anh đã biết rõ khoảng đường hai trăm năm chục cây số là bao nhiêu rồi. Ở Anh-quốc, đã có một chuyến du lịch anh đi bộ năm chục cây số với hành lý nhẹ, dọc đường có dừng chân để ăn uống và nghỉ ngơi. Ấy thế mà chân anh cũng đã rã rời và ê ẩm suốt cả tuần lễ. Lần nầy không mang hành lý nhưng anh lại không có gì để ăn và để uống. Ở đây, khí hậu lại khó chịu gấp mấy lần, mặt trời bao giờ cũng gay gắt, và lại còn phải đi trên cát nữa. Anh đã cảm thấy kiệt sức và cứ theo một sự ức đoán hết sức lạc quan thì anh cũng còn phải đi đến một trăm hai mươi lăm cây số nữa. Anh có nhiều hy vọng bỏ mạng trên quãng đường này.

Anh chỉ còn giữ mỗi một cái tánh bướng bỉnh. Nếu không thì anh đã phải làm trái với ý của anh rồi. Anh đã nhất định đi đường dưới ánh nắng thiêu đốt của ban ngày và nghỉ ngơi trong sự mát mẻ của ban đêm. Trái hẳn với lời dặn dò của viên phi công. Không có địa bàn và cũng không biết tí gì về sự vận chuyển của mặt trăng và các tinh cầu, anh chỉ căn cứ nơi mặt trời mà định hướng đi. Để được an lòng, anh tự nhủ rằng đi theo giờ giấc ấy dễ gặp người ta hơn. Nếu có ai qua gần đường đi, anh ta sẽ trông thấy họ hoặc họ sẽ trông thấy anh.

«Xưa nay mình vẫn hay làm ngược hẳn ý muốn của mọi người», vừa đi anh vừa nghĩ thế. Anh quyết định bắt đầu từ đây sống cuộc đời riêng của mình sống theo ý muốn của anh. Anh đã có ý định dứt bỏ gánh nặng vợ con và anh đã dứt bỏ. Anh đã có ý định bỏ nhà và anh đã bỏ nhà. Anh dấn thân vào con đường phiêu lưu để không ai còn đếm xỉa đến anh nữa. Và trong khi mọi người hy sinh cả cuộc sống thì anh lại chạy theo những nhu cầu vẫn ám

ảnh mình. Và anh đã tìm ra thực tế của những nhu cầu ấy, anh đã tìm ra điều mà thực tình mơ ước. Anh mơ ước tự do. Anh ra đi để tìm tự do.

Giờ đây đã có tự do mà anh mải tìm. Tự vượt hàng bao nhiêu cây số dưới ánh mặt trời thiêu đốt và trên mặt cát nóng ran. Muốn bao nhiêu cây số, tha hồ ! Một mình để khỏi có ai làm trái ý anh nữa.

Phương pháp định phương hướng của anh thật là giản dị. Anh tự biết rõ khả năng của mình để khỏi bận lòng về những vấn đề rắc rối. Từ rạng đông cho đến hoàng hôn, anh chỉ có việc là để bóng mình đằng sau lưng rồi đằng trước mặt. Khi ánh sáng ban mai cho biết đâu là phương đông, anh đã có thể bắt đầu lên đường. Khi ánh nắng tàn ở phương tây và khi anh không còn phân biệt được bóng mình nữa là anh có thể dừng chân. Chỉ có thế.

Chỉ có thế, không kể đến sự kiệt lực, không kể đến đám cát phải lội qua, đôi chân nặng nề bẻ bết, không kể đến vầng mặt trời ghê gớm vẫn nhói vào da thịt, vẫn thiêu cháy mắt, vẫn đốt khô cổ họng, không kể đến những cực hình phải chịu ở đôi chân chết cứng, không kể đến cái không khí khô khan và nóng bức đang làm cháy phổi, không kể đến sự khó chịu vì mồ hôi làm mất chất nước và chất muối, không kể đến mặt trời cứ gay gắt đốt cháy gáy mà sự che chở của chiếc khăn tay chẳng có nghĩa lý gì và không kể đến tính chất vô cùng tuyệt vọng của cuộc phiêu lưu.

★

Sáng mai nầy bao nhiêu ý nghĩ quay cuồng trong đầu anh nhưng anh vẫn khăng khăng tiến bước về phương đông. Khi thì anh nghĩ đến những cảnh bên mình, khi thì anh mơ hồ nghĩ đến dĩ vãng. Anh không hề nghĩ đến tương lai, vì không còn tương lai đâu nữa.

Anh tự nhủ :

« Giữa xã hội loài người, chúng ta chỉ có khuynh hướng so tài với thế giới. Nhưng ở đây, trong khoảng hư không nầy, người ta so tài với cả thời gian và không gian vô tận. Và hình như sự nhỏ bé của chúng ta lại là tỉ lệ nghịch với cái mênh mông ghê gớm của đất trời.

Mặt trời đã lên cao và đang ném tia lửa xuống lần cát khô khan. Nắng chói và nhảy múa thành từng đợt sóng giữa những gò cát nhấp nhô. Cao hơn mặt trời là một bầu xanh, trong vắt và bao la. Trong thế giới này chỉ có ba thứ : Mặt trời, cát và bầu trời. Thỉnh thoảng một hơi gió nồm may mắn và ngắn ngủi. Thỉnh thoảng như muốn chọc thủng sự đều đều của mặt cát, vài hòn đá nhô lên, dụm thành từng cặp như sống lưng xám của một con cá dị kỳ.

Ít khi, anh ngước mặt lên. Hình như anh không cần phải trông chừng bóng mình để giữ đúng hướng đi. Bước được vài ba chục bước, anh mới ngó chừng một lần để đỡ nhọc hơn. Đôi khi leo lên đến đỉnh một đồi cát cao, anh đưa mắt nhìn ra chân trời, nhưng chẳng có gì hơn là sự mênh mông vắng ngắt của bãi cát. Vì thế mà anh thích hướng về bản thân mình, thu gọn sự chú ý lại trong một phạm vi hẹp và giữ những cảm giác cho chính mình. Nhiều khi anh cảm thấy bàng hoàng, vì thời gian càng trôi qua, sự mệt mỏi càng dồn dập và sự ê chề càng nặng nề. Thực ra anh sống trong một thế giới mà phạm vi chẳng rộng hơn cơ thể con người. Có

thể nói rằng thế giới ấy thu gọn trong bản thể của anh.

★

Hôm nay là ngày thứ ba anh đi về phía Đông. Hình như những ý nghĩ rất hiếm hoi về quá khứ, những cảm tưởng về mọi vật xa lạ quanh mình, vì những màu sắc rạng đông và buổi hoàng hôn nhuộm sắc màu, về sự oai-nghiêm khủng khiếp và nặng nề của khoảng không gian vắng ngắt nầy đã héo dần trong đầu và trong cơ thể ê chề của anh rồi.

Nhưng những sự đau khổ của xác thịt ấy vẫn chưa đủ để đày đọa anh. Những ý nghĩ có thể khép anh vào nhiều cực hình ghê rợn hơn. Chẳng hạn nghĩ rằng hai trăm năm chục cây số kia, viên phi công đã tính theo đường hàng không nhưng với những đèo dốc chập chùng này con đường sẽ dài thêm ra nhiều lắm. Tốt hơn là quên đi những ý nghĩ ấy hay đừng nên nghĩ đến nữa.

Đôi khi, chìm đắm trong một cơn mê hay trong cái trạng thái thần thờ của những người mất trí, anh thấy mình lâng lâng như thoát khỏi thể xác. Anh chú ý đến điều ấy nhất là khi anh đang trèo lên những đụn cát rất cao và dựng đứng. Anh cảm thấy mệt lả người. Giày anh lún sâu vào cát, người anh nghiêng về phía trước. Càng cố gắng lê bước, anh càng thấy đau đớn toàn thân. Muốn đi thêm nữa phải dừng lại nhiều lần ở các triền đồi để nghỉ ngơi, phải thu hết sức lực để tiếp tục leo lên cho đến đỉnh. Nhưng thường khi trên những sườn đồi quá dốc, anh chẳng còn nghĩ đến việc leo lên nữa. Anh chẳng biết mình có còn lương tri hay không. Đôi khi lương trí anh như ở tận đâu đâu, rồi như ở ngay trong đôi chân anh. Nhưng đôi chân vẫn bước, đôi bàn chân cứ thọc sâu vào cát và người cứ nghiêng về đằng trước rồi rốt cuộc anh cũng lên tới đỉnh dốc.

Đã vài ba lần, anh bước mà không biết mình đang đi. Không phải đó là trạng thái của người đang chiêm bao sực tỉnh. Anh đã hết cả lý trí và hình như anh chỉ còn là một cái xác, một cái xác nhận biết hơi nắng chói lòa và đau nhói, nhận biết không khí khô khan và cảm thấy đau ran trong lưỡi và trong cổ họng, cảm thấy sự khó chịu vô biên, sự mệt mỏi, cảm thấy tất cả. Cảm biết tất cả những sự việc ấy nhưng không còn trí nhớ, không còn thần kinh, và gần như không còn sự xúc động.

Tuy thế anh vẫn sống và từ sáng đến

giờ cái máy đang cử động kia vẫn mù quáng tiếp tục con đường.

Chỉ có lúc anh lên đến đỉnh một trái đồi rất cao và dừng lại để đưa mắt tìm kiếm trong không gian vắng ngắt và mãi mãi mênh mông, anh mới bắt đầu té xỉu. Thật là một cảm giác lạ lùng. Anh cảm thấy như đôi chân mình lúng túng, rồi hình như cơ thể bay bổng lên và nghiêng về một bên. Thế là anh té xuống cát, lăn ít vòng xuống sườn đồi và gượng đứng lên được. Khi ngồi lại, anh mới để ý thấy hai bàn tay mình nắm đầy cát. Tâm trí anh chập chờn trong mơ hồ. Anh lấy mắt nhìn hai bàn tay rồi hé mấy ngón tay để chảy xuống một thứ bụi màu xám. Về việc vừa xảy ra, anh không có một ý nghĩ nào: Anh lại đứng lên và tiếp tục đi.

Được chừng năm chục bước, anh thấy cần như phải vùng vẫy để đứng lên lần nữa.

Trong buổi chiều hôm ấy, nhiều lần anh mơ hồ nghĩ lại lần bị té xỉu ấy. Anh tự hỏi : « Trong lúc chân mình còn vững mà mình lại bị mất thăng bằng, kỳ cục quá » Hơn nữa, anh cũng đã từng biết sự lạ lùng này : càng đi và càng thấm mệt đến một mực độ nào đó thì tự nhiên lại thấy có sức lực ở đôi chân.

Mặt trời đã chếch bóng và lúc anh còn phải đi độ một tiếng đồng hồ nữa thì anh lại bị té xỉu lần thứ hai. Lần này không ở trên đỉnh đồi mà lại ở lưng chừng dốc. Mọi việc cũng xảy ra y như lần trước. Nhưng lần này, trong lúc té anh biết và cố gượng để khỏi bị lăn. Rồi anh lại đứng lên, lại đi, không thèm để ý đến việc xảy ra nữa.

Mặt trời tắt dần ở phương Tây. Những tia nắng cuối cùng còn nhuộm đỏ bầu trời, cát và làn da cháy nắm của anh. Trước mặt, bóng anh dài ra biến dần sang màu hoa cà rồi đỏ sẫm. Lần đầu tiên anh cảm thấy một cảm giác dễ chịu nhưng anh tự bảo ngay rằng mình chưa có thể hưởng sự khuây khỏa được. Sự nghỉ ngơi chưa thuộc về của anh. Bổn phận anh là phải đi, đi cho đến lúc không thể được nữa. Đó là nguyện vọng duy nhất của anh.

Anh biết sức mình đã kiệt. Anh không cần hai lần bị té xỉu làm chứng cho điều ấy. Đôi chân đau nhói và rã rời đã nói rõ lắm rồi. Sự đau đớn đã từ chân chạy lên đến tận óc và đã dừng lại đó một giây. Đôi mắt đã nhòa cũng chứng minh điều đó nữa. Và cổ họng, và lưỡi khô cứng, sưng vù. Anh biết như thế mỗi khi anh vô tình nghĩ đến.

Nhưng anh cũng biết rằng mình đi chưa đến đâu, rằng ngày mai anh còn phải đi nữa, phải đi từ sáng đến tối. Anh tưởng như đã đi được một trăm chín chục cây số. Còn hai mươi bốn tiếng đồng hồ nữa, có lẽ anh sẽ coi như mình đã vượt được hai trăm năm chục cây số. Ước gì ngày mai còn để anh thấy mặt trời lặn nữa.

★

Bóng anh đã nhòa. Mặt trời đã lặn. Anh đi lệch khỏi con đường một chút để đến cạnh một tảng đá gần đấy, không phải anh đi tìm một sự che chở, vả lại anh cũng không muốn thế. Nhưng đó là một vật mà anh muốn nhập vào. Anh tự nghĩ rằng những linh cảm vẫn chưa héo hắn trong người anh. Anh vẫn còn giữ cái bản năng của loài người muốn mình nhập vào

với bất cứ cái gì dù là hòn đá ở giữa khoảng cô liêu bát ngát nầy.

Anh đến ngồi dưới chân hòn đá, mở chiếc khăn tay sau gáy, mở thắt lưng và tháo giày, tháo tất. Hai bàn chân sưng vù nứt nẻ và rướm máu. Máu trộn lẫn cát và ghét bẩn nhét vào các kẻ ngón chân. Anh nằm dài, đầu gối lên chiếc khăn tay để đỡ dính cát.

Anh nằm ngửa, mắt nhìn theo màu cát đang ngả từ tím sang xanh. Các vì sao hiện ra và một vầng trăng lớn đang lên nhanh ở chân trời. Nhắm mắt, anh mê man như đầu óc bị quay cuồng trong bóng tối.

Khi anh tỉnh dậy, mặt trời đã lại đánh dấu cho một ngày nữa và đã chiếu thẳng tia nắng vào anh. Anh thấy như mình đang ngái ngủ và hiểu ngay nguyên nhân ấy. Anh đang ở trong một tình trạng vật chất thật bi đát, bi đát hơn chiều hôm qua. Anh nằm im một lúc lâu, không muốn cựa quậy nữa và chỉ muốn kết thúc cuộc vận lộn vô ích nầy. Nhưng một ý chí thiêng liêng nào đã giục anh ngồi dậy. Trong sự gắng sức để nhổm dậy, anh nghe các sớ thịt mình rên rỉ như những bánh xe của một cái máy khô dầu. Và khi anh đã quỳ lên được thì cái đầu anh lại ngoẹo xuống. Anh rên khẽ. Anh nghĩ rằng mình đã đến chỗ cuối đoạn đời. Song, dù muốn dù không, anh cũng sửa soạn để lên đường. Cũng buộc thắt lưng, cũng cột chiếc khăn tay sau gáy, cũng mang tất, cũng đi giày. Dù muốn dù không, anh cũng phải đứng lên.

Anh cảm thấy mình đang ở trong một trạng thái gần như chiêm bao, không thức, không ngủ và cứ bước một cách mơ hồ như đi trong một thế giới hư ảo. Anh khập khễnh, lảo đảo và chập chờn trong sự đau đớn và sự mê sảng. Sở dĩ anh vẫn đứng vững để bước mấy chục bước đầu tiên ấy nữa là nhờ ý nghĩ rằng cứ tiếp tục cử động sẽ làm tan biến dần sự tê liệt của tứ chi.

Anh nghĩ rằng những sự cưỡng ép cơ thể sẽ có ảnh hưởng tai hại sau này. Nhưng anh không biết rằng sự đau đớn và sự mệt nhọc ấy sẽ vồ lấy anh một cách hết sức dột ngột. Những cái đó vây hãm lấy anh và chực quật ngã anh. Nhưng anh vẫn còn có sức chịu đựng và hơn nữa, vẫn còn sức giao phong một trận mà đời anh chưa hề biết. Bởi vì, con người càng bị một ám ảnh đè nén bao nhiêu thì lại càng hăng tiết để chiến đấu bấy nhiêu và còn có thể chiến đấu mãi, cho đến khi nào cuộc diện đã bế tắc.

★

Anh bị ám ảnh nào đè nén, anh cũng không biết rõ lắm. Một ám ảnh của mặt biển mà anh gần như không cần phải đến nơi nữa. Ám ảnh của một sự hoài công cố vượt qua quãng đường dài hai trăm năm chục cây số. Phải chăng là một trong hai ám ảnh ấy, hay cả hai cùng một lúc ? Anh quên mất rồi, ý nghĩ của anh, mơ ước của anh, anh không còn nhận ra nữa. Anh chỉ còn biết có mỗi một việc là đi.

Song, tình thế của anh lại khá hơn lúc khởi hành. Anh cảm thấy dễ chịu hơn. Anh cảm thấy có một sinh lực mới và cuộc chiến đấu với sự đau đớn, với sự kiệt quệ cũng giảm bớt cường độ. Nhiều ý nghĩ lạ lùng bắt đầu xuất hiện trong óc anh một cách mơ hồ. Lúc này những ý

nghĩ của anh đều tập trung vào sự tồn tại của chính mình. Anh cầu cứu đến mớ kiến thức ít ỏi về sa mạc của anh, đến những điều hiểu biết rời rạc góp nhặt trong những trang sách hay trong những câu chuyện. Cứ thế mà anh nghĩ đến sự thể sẽ xảy ra cho mình khi đã bị phơi nắng quá nhiều, khi đã bị mồ hôi loại ra quá nhiều chất muối của cơ thể. Song những kiến thức ấy chẳng giúp anh được gì hơn. Anh vẫn không làm sao kiếm được muối và nước, không làm sao che nắng bất cứ bằng cách nào,

Tuy rằng tay chân bớt tê cứng nhưng nhiều chỗ trong cơ thể vẫn còn nhức nhối. Phần trên bắp đùi của anh đã bị bỏng. Da chỗ đó như thuộc chín. Nhưng sự đau đớn ấy vẫn chưa làm anh hoảng sợ bằng tình trạng đôi mắt. Dần dần, mắt anh lòa hẳn. Anh biết như thế vì ngước lên nhìn mặt trời anh không còn mờ mắt được nữa. Anh càng tin chắc hơn khi anh nhìn những tảng đá và những đụn cát ở gần. Anh thấy lờ mờ các hình thể trước mặt như đang nhảy múa trong một lớp sương mù chói sáng.

Anh cứ bước, mặt cúi gầm xuống để khỏi biết rằng mình đã mù lòa. Anh tiến chậm hơn hôm qua nhiều lắm mặc dù anh cố sức giữ một tốc độ đều đều và mặc dầu những đụn cát vẫn làm chậm bước anh đã thưa thớt và thấp hơn. Anh cảm thấy nặng nề, mềm nhũn và mệt nhọc vô cùng.

Giờ đây, đang giữa trưa, mặt trời ở đỉnh đầu, bóng anh quấn vào trong chân và phải đi theo một con đường thẳng anh thấy khó khăn quá. Anh cũng biết rằng nếu cứ đi chậm như thế này chắc là không vượt qua được sáu chục cây số cuối cùng nữa. Nhưng còn biết làm sao hơn được ? Anh không thể ép bộ chân phải bước nhanh hơn sức mình.

Vào lúc xế trưa, anh chợt nhận thấy rằng hơi thở anh mỗi lúc càng trở nên nghẹn ứ và đau đớn. Anh biết rằng đời mình sắp tàn rồi. Cổ họng khô ran càng thêm đốt cháy. Cứ mỗi một hơi thở phì phào anh tưởng chừng như mình đang hít lửa vào ngực. Anh biết rằng mỗi giờ anh chỉ đi được có vài ba cây số. Đầu anh quay cuồng. Óc anh chứa đầy những cảm tưởng kỳ ảo. Anh tưởng như có mùi nước biển, anh tưởng như nghe những tiếng người, anh tưởng như đang được nếm nước trong và mát. Anh chập chờn nhớ mình đã lảo đảo và đã ngã, và còn lảo đảo nữa, còn ngã nữa mặc dầu trí óc anh không hề ghi nhận được một cảm giác nào của sự té ngã hết.

Gần như lúc nào trí não anh cũng bị tê liệt đến nỗi anh không thể biết rõ mình đang làm gì, có còn bước và có còn theo dõi bóng mình nữa không. Bóng ấy, như có như không. Phải chăng, đó cũng là một ảo tưởng ? Có một lần anh đứng lại và chắc chắn rằng không thể bước được thêm nữa. Anh phải đứng im như thế một lúc rất lâu. Nhưng anh lại tiếp tục đi. Nhất định phải tiếp tục con đường.

*

Cuối cùng nhiều tiếng nói làm anh khiếp sợ. Những âm thanh ấy nổi lên từng hồi, lúc rõ, lúc xa xăm mơ hồ như lắng qua một lớp sương mù bằng ý tưởng. Anh nghe tiếng mẹ mình, và tiếng các con mình. Như trong một ám ảnh kỳ diệu anh thấy mình đang qua phố chính của

tỉnh nhà mình giữa những người đang chào đón niềm nở chứ không còn lảo đảo trong cái địa ngục hoang vu vắng ngắt của cát với mặt trời. Hai lần, anh thoáng nghe tiếng hoan hô, tiếng tán thưởng. Nhưng nhiều lúc những âm thanh ấy như từ xa xăm vọng lại. Anh không còn nghe bằng thính giác nữa. Anh vẫn cứ bước mặc dầu đã mê man và mặc dầu những điều ghi nhận của giác quan không còn liên quan đến thể xác nữa.

Một đụn cát nữa lại sắp chứng thực sức lực của anh. Đây chỉ là một cái gò nhỏ nhưng rất dốc. Đáng lẽ ra phải đi vòng quanh nhưng anh có biết gì nữa đâu. Anh chỉ biết rằng cái chướng ngại ấy đứng giữa đường đi. Anh leo lên đến nửa sườn và dừng lại đó. Tim anh nặng nề đập. Hơi anh phì ra lại làm chính anh phải ngột thở. Anh không thể bước thêm một bước nào nữa. Anh thử lê chân đề rồi té sấp xuống. Anh không còn đứng dậy được nữa. Anh vùng vẫy yếu ớt. Người anh nhô lên một tí. Nhưng anh đã mất cả lương tri rồi. Anh cố sức một lần nữa nhưng rốt cục lại bị trượt trên sườn dốc. Anh cảm thấy mình bị lăn mà không sao dừng lại được. Thế rồi, tâm trí anh mờ dần : « Thế là hết ». Và linh hồn anh chìm dần trong quên lãng.

Bao nhiêu thời gian đã trôi qua khi anh dần dần tỉnh lại, anh cũng không biết rõ nữa. Một cái gì khô và nóng như cát thấm dần qua cổ họng. Anh cố nhớ một lúc lâu và đoán ra rằng có lẽ đó là nước. Anh mở mắt thấy sáng lờ mờ. Anh không biết mình đang ở đâu. Hơn nữa anh cũng chả cần biết đây là đâu và cũng không còn biết mình hiện đang còn sống hay không.

Trong tầm mắt anh như mơ hồ hiện ra một cái mặt : một cái mặt sâm sẫm treo lơ lửng trên không, phía trên mặt anh. Một câu bằng tiếng Pháp nói giọng cổ và nhát gừng, rồi bằng tiếng Anh, hỏi anh :

— Còn ai nữa không ? hay chỉ một mình anh thôi ?

Anh mấp máy làn môi nhưng không một tiếng nói nào lọt ra được. Trong trí anh, hai hình ảnh hiện ra : một cảnh là ba người mà giờ đây hoặc đã chết hoặc đã được cứu thoát ; cảnh kia là một người đơn độc ngồi dưới bóng một chiếc phi cơ. Có lẽ người này còn sống. Nhưng hình ảnh này xóa mờ ngay : người ấy không cần phải được cứu sống nữa. Miệng và cổ họng anh như bị một cực hình ghê gớm khi anh lấy sức cố hé môi để nói một câu. Anh phều phào :

— Không còn ai nữa.

ERIC RAE

(Công-Diêu dịch)

Kho tàng trữ thuốc chữa bệnh tâm hồn

Thư viện đầu tiên của nhân loại mà lịch sử còn ghi lại có lẽ là thư viện do vua Osymandias (mà nhiều người cho chính là vua Ramsès II) lập ra tại Cổ Ai-cập vào khoảng năm 1298 trước Thiên-Chúa. Trên cửa thư viện, vua Osymandias cho đề hàng chữ : « Kho tàng trữ thuốc chữa bệnh tâm hồn » (Trésor des remèdes de l'âme).

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

— Sách, Báo quốc tế

— Dụng cụ văn-phòng

CÁC BẠN ĐỌC

LỘNG GIÓ

☆ *TIỂU THUYẾT* ☆

Tác-phẩm giá trị của **MẠC-LY-CHÂU**

★

★ Tiếng nói của tình người

★ Băn khoăn của cuộc sống

do nhà xuất-bản LẠC - VIỆT *ấn hành*

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT - NAM

Sản - xuất và bán

I. — CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

✶ **Đường miếng lọc** ✶ **Đường cát trắng tinh**

✶ **Đường cát trắng ngà** ✶ **Đường cát trắng Hiệp-Hòa**

II. — CÁC LOẠI RƯỢU :

Rượu đốt 90° — Rượu thơm 90° — Rhum Hiệp-Hòa

TỐT — RẺ

XIN HỎI MUA TẠI :

— **Các tiệm tạp hóa**

— **Văn-phòng** CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM
11, Công-trường Mê-Linh SAIGON, Tél. 21.065

— **Kho 6 Bến Vân-Đồn -:- Tél. 21.360**

PRODUITS GEVAERT

PAPIERS
PRODUITS CHIMIQUES
FILMS AMATEURS
FILMS AVIATION
FILMS ARTS GRAPHIQUES
FILMS RADIOGRAPHIQUES
FILMS CINEMA PROFESSIONNELS
FILMS POUR DOCUMENTS
PAPIERS POUR DOCUMENTS
BANDES MAGNETIQUES

INDOCHINE PHOTO

57, Đường Tự Do

AGENTS EXCLUSIFS

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE
Tai-nạn Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Cam-lộ tự Đa-cảnh lâu

Dục thu giai-cảnh thử lâu trung,
Tỷ-ỷ lan-can tứ vọng thông.
Vân loạn thủy quang phù tử thúy,
Thiên hàm sơn khí nhập thanh hồng.
Nhất xuyên chung bái Hoài-nam nguyệt,
Vạn lý phàm tường hải ngoại phong.
Lão khứ y khâm trần thổ tại,
Chỉ tương tâm mục tiện minh-hồng ! (1)

TĂNG-CỦNG

Lầu Đa-cảnh chùa Cam-lộ

Bao-lơn ngồi tựa gác này coi,
Bốn mặt phong-quang, một chỗ ngồi :
Biếc tía, bóng mây rờn bóng nước,
Đỏ xanh, hơi núi ngút hơi trời.
Mấy hồi chuông đồ, trăng sông lặng,
Muôn dặm buồm treo, gió biển khơi.
Áo xạm phong trần, đây một lão,
Thèm trông đàn nhạn, cánh chơi-vơi !

ĐÔNG-XUYÊN dịch

---

(1) Minh hồng : chim hồng chim nhạn bay vút trời — Nói ví người lánh đời.

(2) TĂNG CỦNG, tự Tử-Cố, người đời Tống bên Tầu, đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Trung-thư Xá-nhân, thâm thúy kinh thuật ; trứ tác có tập «Nguyên-Phong loại cảo» .

TRUYỆN NGẮN

PHẤN ĐẤU

VÂN-TRANG

— Tặng các nhà Tân giáo-dục, Thân gởi chị Hằng hình ảnh của chính chị.

TRƯỚC bàn viết, Nhân ngồi khoanh tay, buồn dượi. Món nợ mười vạn bạc thiếu bà Thái-Lợi hơn năm tháng nay chưa trả nổi. Thường lệ, cứ mỗi đầu tháng, nàng mang tiền lãi nộp tận nhà bà. Nhưng tháng nầy! Nhân liếc mau lên tấm lịch ngửa trên mặt bàn. Đã hơn mười tây mà nàng chưa làm phận sự con nợ. Nàng vò đầu không hiểu tại sao cứ mỗi bước thành công về kỹ thuật là mỗi bước thất bại về thương mãi. Càng dạy giỏi, càng mất học trò. Bây giờ, sau một năm nỗ lực, đích nhắm gần đến thì sinh lực cũng sắp kiệt. Ba lớp mẫu giáo đầy đủ tiện nghi, dụng cụ, với cô giáo học tập tâm lý hẳn hoi mà không có được trăm trẻ. Nàng bước ra sân, đảo mắt khắp chung quanh :

Trong vuông sân rộng lớn đầy bóng mát, các lồng chim, lồng sáo, chuồng nuôi bọ, nuôi rùa cùng vài loại cầm thú tự do như gà, vịt, chó, mèo, tô điểm cho mảnh đất thiên nhiên nhỏ bé ấy thêm linh động. Hơn năm mươi đứa trẻ hồng hào, đẹp đẽ, như những hình thiên thần treo trên vách nhà nàng. Con khỉ nhỏ rượt bắt thằng Huy, mỗi khi nắm được thì trợn mắt, nhe răng, nhầy nhớt, làm sống dậy hình ảnh Tôn-Hành-Giả trên sân khấu hát bội nàng đã thấy một lần. Năm ngoái, khi hội chợ, có người đề nghị với nàng bằng một giá cao để mướn sân trường làm quán giải khát. Thấy nàng lặng thinh, hắn vừa tăng giá, vừa kèo nài theo lối con buôn. Nàng bĩu môi, muốn nói thẳng vào mặt hắn rằng không bao giờ nàng có thể vì tiền mà hy sinh những linh hồn tí hon ấy, bắt bộ thần kinh non nớt của chúng phải chịu đựng tiếng máy hát ra rả suốt cả ngày những bài « Anh yêu em ».

Trong một phút tự hào, Nàng quên hết mọi lo âu. Bỗng có tiếng sụt sịt sau lưng làm nàng tỉnh mộng : Hương, — cô giáo giỏi nhất của trường, — khăn tay che cả mũi miệng, chỉ chừa đôi mắt đỏ hoe long lanh nước. Nàng ngạc nhiên, chau mày :

— Sao thế, chị Hương ?

— Em buồn vì... em dở quá.

— Thì cũng cái em Hiệu đó, ba tháng rồi mà không thấy tiến bộ chút nào. Cũng y như ngày mới vô, không chịu theo kỷ luật. Nó phá phách luôn tay. Giờ chơi gỗ khúc, con Nga cầm cúi sắp nhà lầu, nó thọc tay trong túi quần đứng chờ. Con nhỏ làm xong, vừa đứng lên, dợm cười khoe với chúng bạn thì nó đã lấy bộ, khom

mình, co giò sát đít, đá bung một cái, cả tòa nhà tung tóe khắp nơi. Thế là con Nga ôm mặt khóc, em phải dỗ gần nửa giờ. Thấy cái xe tăng bằng đất sét của thằng Hào phơi trên bờ hồ cát, nó giậm một cái dẹp lép, em mất gần hai mươi phút với thằng Hào. Đồ để trên bàn, nó hất phăng xuống đất, em làm nghiêm bảo nó lượm lên, thì nó lại lấy chân hất ra sân.

Hương, im lặng nhìn ra ngoài trời một chút rồi tiếp :

— Ba tháng rồi, vẫn như ngày mới vô, em thử đã đủ cách. Đến trường hợp roi vọt, em tượng cũng không hiệu quả. Em điều tra cuộc sống của nó rồi. Ở nhà, có khi nó bị đến hai mươi roi, còn bị nhốt trong buồng tắm thì hầu như ngày nào cũng có. Bao nhiêu uất ức đè nén trong lòng, nó lợi dụng hoàn cảnh dễ dãi ở trường mà đổ ra. Chỉ có cách là dùng uy lực, hơn cả gia đình nó nữa, để giữ nó trong kỷ luật rồi sau ra sao thì mặc, nhưng như thế trái với tôn chỉ của ta.

Cô lại im lặng một chút nữa, rồi tiếp :

— Em đã không chịu được ; cố nhiên em không thể đưa qua lớp khác cho các bạn em phải chịu, song em thú thật rằng còn em H ệu ở trong lớp thì em không thể dạy được.

— Tôi cũng biết từ tuần lễ đầu, Hiệu thuộc vào hạng trẻ bất thường, tâm lý phức tạp, phải đưa đến một trường chuyên môn, nhưng tôi không thể từ chối trong lúc chưa giải thích cho gia đình nó rõ. Vả lại nếu có thể nhân đó mà tìm hiểu thêm một hình thức tâm lý trẻ con nữa, càng hay.

Chị xuống lớp đi, tôi theo ngay.

Nói xong, nàng trở vào bàn viết. Một bức thư xanh với nét chữ rất quen thuộc đập vào mắt nàng. Nàng bồi hồi xúc động. Quang vẫn còn yêu thương, chờ đợi nàng ư ? Lời hẹn cùng nhau bên xứ tuyết năm xưa, bây giờ nàng cầm như mộng. Từ đặt chân lên quê nhà, Quang cứ theo đà tiến lên thang địa vị trong khi nàng theo chí hướng càng lâm vào túng quẫn. Bây giờ, công việc dở dang, khiến nàng có cảm giác như số phận mình dính vào cái trường và phải lăn theo nó. Bức thư trước mặt vang lại bao nhiêu lời tha thiết của Quang như nàng đã từng nghe. Tự ái quá cao không cho nàng thú nhận thất bại trước người yêu. Nhất là món nợ, nàng càng giấu kín. Nàng cầm đó là tất cả danh dự, là một bài học đích đáng cho lòng nhiệt thành bồng bột, khi bắt tay vào xây dựng, đã bất chấp cả những lời khuyên, kinh nghiệm cùng hoàn cảnh xã hội chung quanh. Nàng tin tưởng tuyệt đối rằng lòng người phải hướng về cái thiện, cái mỹ. Bây giờ, đưa hai tay gầy yếu chống đỡ thất bại, nàng chua xót nhận thấy mình chưa có quyền nghĩ đến tình yêu, dù rằng đã hơi muộn.

Nàng thở dài, lững thững xuống lớp.

*

Nhân dẫn tốp trẻ đến bãi cỏ cạnh bức tường của sở Ba-son thì dừng lại, nhìn chung quanh :

— Nầy các em, chỗ nầy mát, chúng ta dừng lại đây nghe chuyện « Đàn voi » rồi sẽ tiếp tục đi.

Thằng Hiệu liền phản đối :

— Thưa cô, em không nghe chuyện đâu ; ra kia uống nước đá, hè cô.

Con Lý cũng tiếp :

— Lại coi sấu nữa đi cô. Coi con sấu lớn bò xuống !

Có đám bắt chước, đưa ý kiến loạn xạ. Con Hiên thì đứng yên, nhưng mắt dán vào cái bông bụt trước mắt, vừa nháo nhác coi chừng cảnh sát.

Trước những yêu sách dồn dập, nàng im lặng, rút trong giỏ ra một tấm « tăng » trải xuống đất, ôn tồn nói :

— Các em nghe lời cô, ngồi xuống cả đi. Sau khi nghe chuyện, em nào thuật lại đầy đủ, cô sẽ theo ý muốn của em đó trước.

Thằng Thu đáp lời cô bằng cách chạy hết tốc lực đến cây da, trong khi con Hiên trong thấy cảnh sát vừa khuất bóng, toan băng qua đường để đến bụi bông bụt.

Tuy bực mình, nàng cố trấn tĩnh luôn luôn nhã nhặn, khéo léo. Gần một khắc đồng hồ sau mới thu phục được bầy ngựa bất kham ấy, chúng ngồi xếp bằng gọn gàng hai bên, bắt đầu chú ý đến tấm ni căng trước mặt, sẽ là sân khấu của câu chuyện sắp kể.

Câu chuyện « Đàn voi » nàng bịa ra cùng công trình vẽ, cắt, dán hình kể theo phương pháp thính thị chú ý đánh vào tinh thần kỷ luật của đám trẻ bướng bỉnh kia. Đến đoạn con voi non không theo đoàn, rẽ ra du ngoạn, gặp phải một con heo to, nàng hết sức chú ý đến phản ứng trên mặt lũ trẻ. Thấy thằng Thu có vẻ lo lắng, nàng giả bộ lượm cái lá, quay ra sau để sự sợ hãi kịp thấm vào người nó. Khi quay lại, nàng suýt bật cười vì hình con voi non đã gần lại sau đoàn, và thằng Hiệu vừa thu tay vào lòng, vừa nhìn nàng, chớp lia đôi mắt. Nàng giả lơ, tiếp tục câu chuyện, cho đoàn voi tìm gặp, giải cứu voi non đã bị thương, hư một mắt. Từ đó voi non ngoan ngoãn theo đoàn và về sau thành một voi đầu đàn tinh nhất.

Đoạn kết làm cho thằng Thu yên tâm song con Lý thắc mắc, hỏi :

— Thưa cô, rồi sau voi mẹ có đánh voi con không cô ?

— Không. Trái lại, thấy con vì khờ dại mà mang tật, lại biết hối hận nên voi càng thêm thương, săn sóc hơn nữa.

Vẻ mặt chưa thỏa mãn, song không biết nghĩ sao, nó không hỏi nữa. Nàng vừa định gợi ý thêm thì con Nhị đã tiếp lời bạn.

— Thưa cô, hôm trước em leo cây trứng cá, má em nói : Mầy mà té gãy tay, tao đánh mầy chết, chôn luôn, nghen !

Chừng đó, con Lý mới bộc lộ :

— Má em không nói thế, nhưng bảo ; « Mày mê chơi thì đi luôn đi, đừng về nhà nữa ». Và mỗi lần em đi chơi lâu thì má em đánh dữ lắm.

Nàng cảm thấy mệt như bị một đối thủ có bản lĩnh chắt vấn trong một cuộc tranh luận. Người lớn quên cái trình độ phán đoán non dại của trẻ con, cư xử cẩu thả với chúng để đến nỗi sự hiểu lầm nảy ra phản ứng tâm lý cùng ảnh hưởng sâu xa trong tâm hồn chúng như thế và những sai giáo dục chúng phải gánh chịu tất cả hậu quả nặng nề. Gột rửa vết thâm trong những bộ óc non nớt kia không chắc dễ hơn tẩy não người lớn. Tuy thế nàng cũng gượng gạo giải thích ;

— Tại Lý đi chơi xa, má sợ mẹ mình bắt đi, má sẽ thương nhớ Lý đến chết, và

sau đó Lý không hối hận như voi non, phải không ?

Câu trả lời tuy chưa thỏa mãn nó song có lẽ bởi hơi hướm một tình thương từ câu nói truyền sang, nó hài lòng, không hỏi nữa.

Từ buồng ra đường chỉ cách một phòng khách và một sân nhỏ mà Nhân thấy xa xôi và khó khăn như sang tận Pháp. Hai lần bước tới là hai lần nàng dội lại. Liếc nhìn đồng hồ tay thấy đã quá sáu giờ rưỡi, nàng hốt hoảng, khoát màn toan bước ra. Nhưng khi đôi mắt chạm phải khuôn mặt bự phấn của bà Thái Lợi đang ngồi cạnh cửa cái nhìn vào, nàng chùn chân. Từng câu nói của bà lại rót vào tai nàng, mỗi tiếng như mỗi giọt dầu sôi.

— Sao thế, thưa Cụ ? Người nào đi Tây về lập trường đều giầu cả mà ? Sao cô nhà lại vận đen thế Cụ ?

Nhân nghe tiếng mẹ trả lời nho nhỏ :

— Vận đen vận đỏ gì ? Chẳng qua tại tính nó thế ! Bao nhiêu người đem con tới học, chỉ yêu cầu độc một điều là vỡ lòng con họ bằng tiếng Pháp...

Bà Thái-Lợi vội vàng hỏi :

— Cô không chịu hả Cụ ?

— Chịu thì đâu đến thế này ? Nó bảo rằng trẻ con mới tí tuổi đầu, nói tiếng mẹ còn sai mà học tiếng ngoại quốc thế nào ? Và cứ như thế nên người ta mang con đi các trường khác cả.

— Khổ ! Thế bây giờ trường trại thế nào ? Được độ bao nhiêu học trò, thưa Cụ ?

— Nào tôi có biết. Chỉ thấy nó không sắm gì mới cả. Hơn tháng nay lại gầy sút hẳn đi.

Sau câu nói là sự im lặng làm ruột Nhân thắt lại. Gần 30 tuổi, chưa một lần nào nàng dùng đồng tiền của mình làm ra mua cho mẹ lấy một quả cau ! Bây giờ là Giám đốc một trường tên tiếng tại đô thành, nàng chỉ chuốc thêm lo phiền cho mẹ. Liếc nhìn bóng mình phản chiếu trong gương, nàng thở dài ! Ngày nào bà Cụ cũng lụm cụm lo những món ăn bổ dưỡng để đến bữa ăn, nàng húp qua loa, vội vã, óc luôn luôn bận rộn vì một cô giáo, hay một vài dụng cụ của trường chưa hoàn hảo.

Giá nàng như kẻ khác ! Lập trường dạy học để làm giàu nhờ thâu học trò vô điều kiện. Vỡ lòng tiếng Anh, tiếng Pháp cho bất cứ tuổi nào ! Trình độ nào !

Như thằng Hiệu. Nếu lâu nay không giáo dục nó mà cứ cố nhét chữ, thì chắc dồn ép đã làm tăng tánh xấu nó lên. Bây giờ tương đối nó dễ chịu, biết theo kỷ luật, vì Hương đã nhận cho nó vào lớp. Hễ thấy vừa có mòi trở lại tính cũ, thì dù bận công việc gì nàng cũng cố tổ chức những buổi học quan sát ở sở thú hay vào vài vùng quê lân cận, cố tìm cho được một khung cảnh thật êm dịu, một câu chuyện thật hay, hoặc một trò chơi hứng thú để nhắc khéo nó.

Ít nhiều thành công qua bao nhiêu cố gắng khó khăn, nàng cảm thấy sung sướng, liền nghĩ nên viết một bức thơ khoe với gia đình thằng bé. Khi bức thơ đang thành hình trong óc, nàng quên hẳn cảnh tượng phòng khách, khoát màn, tự nhiên bước thẳng ra cửa. Mẹ nàng và bà Thái-Lợi, giật mình, ngạc nhiên, ngơ ngác nhìn theo.

★

Đến trường, nàng đã thấy má em Hiệu chờ ở văn phòng. Vui như trúng số, nàng chào khách, khoe ngay :

— May quá ! Tôi đang muốn gặp bà ! Bà thấy sự tiến bộ của con trai bà chứ ? Nó ngoan hơn trước nhiều lắm, phải không, thưa Bà ?

Bà khách ấm ứ vài tiếng trong cổ rồi đáp :

— Dạ... dạ... có... Nhưng hôm nay, tôi đến thưa cô... xin phép cho cháu... nghỉ để... vào lycée.

Vẻ mặt đang tươi tắn bỗng héo đi như một cành hoa bị tắm nước sôi, nhưng trấn tĩnh ngay lại được, nàng thong thả đáp :

— Bà cho em vào Lycée ? Em nó mới biết được ít chữ thôi mà.

Bà khách trố mắt :

— Sao thế ? Cháu đã học trường nầy đến nửa năm rồi kia mà.

— Vâng, trong nửa năm đó tôi hết sức khổ công để sửa chữa tánh tình cho em. Bà cũng nhận thấy em không quá bướng bỉnh như trước chứ ?

— Vâng, nhưng tôi tưởng tới trường cốt là học chữ...

— Thưa Bà, đành vậy, nhưng dạy trẻ em bốn năm tuổi không giống như dạy trẻ lớn. Phải làm sao cho con người chúng phát triển điều hòa để sau nầy chúng thâu nhận các môn học cho được dễ dàng và đầy đủ. Ta có thể ép chúng biết chữ ngay trong vài ba tháng đầu để sau nầy khỏi sợ thấy chúng lười biếng, trốn học, láo dối.

Nàng ngừng một lát để dò sự phản ứng của khách, nhưng thấy khách không nói gì, nàng tiếp :

— Chúng ta nên chú trọng xây dựng con người trẻ em trước hết. Như bà đã thấy, xã hội đầy dẫy những tay trí thức đánh vợ, bỏ con, lường gạt, thụt kết, hối lộ. Mảnh bằng đâu có bảo đảm hoàn toàn con người họ. Đó chính là tại giáo dục, một nền giáo dục không trọng căn bản con người mà chỉ đào tạo những bộ máy chạy việc. Tôi không cần nói em Hiệu sau

nầy như thế nhưng tôi không muốn dạy trẻ em thành những con vẹt chỉ biết đọc công thức, tôi muốn...

Nàng định nói nữa, như để trút bớt uất hận trong lòng. Nhưng không biết nghĩ sao, nàng ngừng lại, nhìn khánh, rồi dịu giọng :

— Tôi xin lỗi bà, tôi đã nói nhiều, có lẽ quá lời. Bà có thể đem em về, mướn người dạy thêm vài tháng nữa là vô lycée được. Bây giờ, em đã đầm tánh, bớt động đậy, biết chú ý, có thể học mau.

Trước những lời danh thép của nàng, khách lắng lặng nghe, đoạn đáp :

— Cô nói tôi mới để ý. Cháu độ rầy khá ngoan, ít làm tôi giận, biết trọng giấc ngủ của cha nó. Nhưng tôi lại tưởng tự nhiên cháu đổi ra thế chứ ! Ba cháu thì lại bảo rằng con nít tới lúc hết « đốt » thì mạnh và ngoan như vậy. Rồ lại thì đó là công trình của sự giáo dục. Vậy thôi, tôi không đem đi đâu cả, xin gửi lại cô.

Đáng lẽ vui nàng thở dài, cười cay đắng :

— Thưa bà, có lẽ tôi phải đóng cửa trường vì nợ. Bà có để em lại cũng không được bao lâu nữa.

— Cô nói thế nào ạ ?

— Vâng, chính sự thật đó. Tôi vừa xây dựng được một tốp trẻ thì phụ huynh cũng vừa bắt chúng đi trường khác vì lý do chúng chưa biết chữ đúng theo ý muốn của phụ huynh. Đa số trẻ em ở thành thị đều nóng tính, vì ảnh hưởng của cuộc sống cuồng loạn bên ngoài nên tâm trí chúng không bình tĩnh, học rất chậm, và với những trẻ như thế chúng tôi khổ công bằng mười trẻ bình thường, rồi sau cùng, mất chúng.

Nàng lại cười gượng, tiếp :

— Trong tháng này, nếu tính cả em Hiệu thì vừa vặn hai mươi trẻ nghỉ học. Có lẽ gia đình chúng cũng cho vào Lycée như bà vừa định.

Bà khách có vẻ ái ngại. Sau vài phút suy nghĩ. Bà khuyên nàng tổ chức một đêm văn nghệ trẻ em tại trường xen vào những màn trình bày phương pháp giáo dục, mời tất cả phụ huynh và bè bạn. Nếu thành công trường hy vọng sống lại.

★

NHÂN cầm viết chì, soát lại từng điểm một : trang trí sân khấu, xếp đặt ghế, đồ hóa trang, nhạc cụ, máy vi âm.

Mọi việc vừa xong, thì giờ cũng vừa đến. Các em bé, áo dầm mới rực rỡ, lục tục vào lớp để dượt lại.

Hôm nay, nàng vận dụng toàn lực lần chót. Vét cả cái quỹ nghèo nàn tổ chức đêm văn nghệ, cốt trình bày khả năng của trẻ sau một năm học tập, hy vọng quảng cáo thêm để cứu vãn tình trạng hấp hối của trường. Chưa lần nào sự có mặt của quan khách đối với nàng quan trọng như hôm nay. Đèn mới đỏ, nàng đã bắt đầu trông đợi. Trẻ cũng xôn xao không kém, chúng vừa ôn tuồng, vừa lóng nhóng chờ ba má.

Nửa giờ, rồi một giờ qua... Chỉ còn hai mươi phút nữa thôi. Ban đầu, nàng tự nhủ đàn bà hay đi trễ và các ông chồng thường chiều vợ, nhưng khi còn mười phút, nàng bắt đầu sốt ruột. May sao khi ấy các bạn nàng vào. Họ hăng hái viếng cùng các lớp, sân trước, vườn sau, trầm trồ không ngớt làm nàng hởi dạ thấy công trình, chí hướng của mình không đến nỗi bị cô đơn dầu vấn đề huyết mạch của trường vẫn còn nan giải. Sau đấy, thấy má thằng Hiệu vào dẫn theo vài bà lạ mặt đến ngồi dưới hàng ghế khán giả rộng rinh như rạp hát đêm mưa. Cái không khí lạnh lẽo lan đến các cô giáo. Các cô tụm lại bàn tán, uể oải tiếp tục công việc.

Trước tình trạng ấy, nàng cố nén xúc động, giữ nét mặt bình tĩnh.

Như thế kéo dài đến giờ khai diễn. Khách chỉ thêm mươi người. Nàng đến trước máy vi âm, đọc bài diễn văn khai

mạc, buồn như sắp ly hương từ giã người thân. Nhưng đám trẻ ngây thơ kia cứ vui như đàn chim. Nhất là những đứa có cha mẹ đến. Chúng đã hóa trang mà cứ thập thò như muốn khoe với cha mẹ trước được phút nào hay phút ấy. Mấy đứa con gái, sẽ lén nhắm nhía, vuốt áo đầm, thỉnh thoảng đưa tay rờ đầu thăm chừng mấy cái bông giấy trên mái tóc.

Tuy thưa khách, buổi trình diễn cứng tiếp tục đầy đủ. Bọn trẻ luôn luôn ríu rít, không biết gì đến tình trạng nghiêm trọng, buồn nản đang dày vò những tấm lòng thương yêu chúng.

Giờ chia tay, nàng ôm trẻ vào lòng hôn từng đứa một tưởng như chính mình là mẹ nó. Nàng âu yếm chúng như một niềm hi vọng cuối cùng rồi đây sẽ rời nàng vĩnh viễn. Đến khi bắt tay các cô giáo, nàng lại nắm lòng lẻo như với một kẻ sơ giao. Nàng nương nhẹ, không dám chạm tới dây tình cảm của mình đang căng thẳng như dây đàn đã lên đúng mức, sợ nó sẽ bất thành những tiếng không vui. Nàng cố gói cái « đàn bà tính » vào lòng thật kỹ.

★

Chiếc cam nhông nhỏ vừa khuất bóng ngoài cổng, nàng mệt lả, ngã phịch xuống ghế bố, đặt ngoài sân, mặc đầu hôm nay thực hoàn toàn nhẹ nhàng hết nợ. Nàng bán đồ, bán tháo tất cả, một cách hằn học, để lấy tiền. Tuần tới bắt đầu cuộc đời công chức, nàng thấy lòng chua chát như người đàn bà bị phụ rẫy, oán hận rời bỏ xó bếp tối tăm, ra làm thư ký, ngày hai buổi, quần áo phấn son đi về, trốn ẹo để trả thù chồng. Rồi cũng như người đàn bà kia, càng khổ lại càng yêu, nàng càng điêu đứng vì trẻ con lại càng thấy quý mến trẻ con. Các lớp bây giờ trống trơn, hoang vu như trại binh sĩ hồi hương. Sân « chết khô » với cột đu, bồn cát Nàng thấy bồi hồi khó chịu. Tưởng tượng đến quang cảnh bàn giấy cùng những tiếng động máy móc, không một giọng cười, không một luồng sinh khí, nàng sợ hãi tự hỏi mình có thể quyết định cuộc đời như thế sao ? Bây giờ nàng mới thấy câu « Ta chỉ có một cuộc đời để sống, sao ta lại đi phung phí nó trong bàn viết ? » của văn hào nào đó thực là thấm thía. Nhưng bù vào, nó đem cho nàng sự yên vui và một số lương, có thể xây dựng cuộc đời. Nàng chợt nhớ đến Quang. Nhưng nhìn lại hai rương học cụ, nàng phân vân gần như hồ thẹn. Tất cả sự nghiệp giáo dục hơn năm nay đã cuốn theo chiều bụi lốc khi này, chỉ còn lại chút này, chưa dứt khoát. Nàng nhớ những canh thức trắng, nhường đôi mắt cay xé dọc những bản kê khai dài thườn thượt, chữ nhỏ li ti rồi chọn lựa, cân nhắc, món gì phải mua, món gì tự làm, món nào phải mướn thợ, thứ nào cho lớp nào, thứ nào dùng trước, thứ nào sau. Bây giờ chúng nó ngổn ngang vô dụng trong rương kia. Đối với nàng, chúng có một linh hồn, không thể coi như hàng hóa được. Nàng cố lục óc, cố tìm một người nào để có thể ký thác chúng như người chủ nhà sắp đi xa, tìm đến bạn thân để ký thác con chó trung nghĩa. Chúng như những nô lệ sắp bị bán, câm lặng, sợ hãi nhìn chợ người mua !

Nàng cảm thấy như có lỗi với chúng, mà nào nàng có bội bạc cho cam ! Sau khi dẹp trường, nàng đã đến bốn nơi

để xin dạy. Trường tư thục Phúc-Minh nằm trong một khoảng sân tương đối rộng, là còn lưu lại vài cảm giác êm vui, tất cả nơi kia chỉ làm nàng thêm thất vọng. Một trường học chứa đến vài nghìn trẻ mà không có lấy một cái sân ! Giờ học chúng bị nhốt ngồi và giờ chơi, nhốt đứng. Nàng mỉm cười nhớ tới vẻ tự đắc của ông giám đốc khi nàng khen cái sân trường và nói tới sự tối cần của nó trong giáo dục. Dòm quanh mình, tự nhiên thấy nhớ cái không khí tưng bừng của khoảng sân nầy mới mấy ngày trước đây, nàng thở dài, đứng dậy, thong thả ra đường, tự nhủ trước khi vĩnh biệt nhà trường để vào phòng giấy, cũng nên nhìn lại cái quang cảnh quen thuộc và thân yêu nhất đời lần chót, nàng mặc cả xe đến Phúc-Minh.

Giờ chơi, sân trường hết sức ồn ào. Nàng đi theo hàng hiên nhìn vào.

Học trò đùa vui trong vuông sân tráng xi-măng không bóng cây, trong khi các cô giáo tụm dưới hiên, nói chuyện. Lớp nào bàn ghế cũng đóng liền bốn trò ngồi, tường thì tranh ảnh treo rất mỹ thuật, đứng đắn như các lớp trung học.

Đưa bước tới gần văn phòng bỗng nàng thoáng nghe tiếng trẻ khóc cùng tiếng la rầy của cô giáo, tự nhiên, chân nàng dừng lại. Tiếng nói trong một gian phòng đóng cửa vọng ra :

— Gần tuần lễ rồi mà vẫn còn khóc. Tao nhốt cho đến khi nào mầy nín mới thôi. Khóc dai hơn ai hết. Ở đó mà khóc.

Tiếng đứa trẻ thét lên. Liền đó một cô giáo mặc đầm bước ra khóa trái cửa lại, thong thả tới nói chuyện với các bạn trong khi trong phòng tiếng khóc càng to, điểm thêm tiếng giậm chân, xô cửa dập đồn.

Nàng toan bỏ đi nhưng một cái gì cao hơn lý trí giữ đôi chân lại. Độ năm phút sau cô giáo trở lại đứng trước cửa nói vào khe hở.

— Nín chưa ? Nín thì mới mở cửa. Khóc thì nhốt nữa.

Tiếng khóc liền dịu hẳn xuống. Cô vặn quả đấm : cửa mở, một thằng bé hai tay xách quần, mồ hôi nhễ nhại, mặt nhèm nhụa nước mắt nước mũi, đứng sựng ngay giữa. Nàng buộc miệng kêu to :

— Hiệu !

Thằng bé giật mình, giụi mắt nhìn. Khi nhận ra, nó bật oà khóc to vừa tiến lại phía nàng như đứa trẻ lạc đường gặp mẹ ở bót cảnh sát. Nàng giơ tay đỡ nó, ôm vào lòng, bùi ngùi an ủi. Mấy phút sau, thấy nó đã dịu, nàng nắm bàn tay mềm nhỏ xíu đưa lên xoa nhẹ má mình, nói khẽ :

— Bây giờ Hiệu vô lớp ngoan, cho cô về nghe ?

Câu nói vừa dứt, thằng nhỏ bỗng nhiên như bị phỏng, vụt ôm chân nàng ré khóc to làm ông Giám đốc trong văn phòng giật mình bước ra. Nàng chào ông, ngượng ngùng, lấn quấn vì thằng nhỏ. Nhưng ông tươi cười, bước đến định gỡ tháo cho nàng, dọa nó :

— Mày có vào lớp không ? Tao kêu cảnh sát bây giờ đây.

Nghe thế nó lại càng ôm cứng nàng, giậm chưn thình thịch xuống gạch, vừa khóc vừa rên rỉ :

— Cô ơi !... Cô đừng về cô ơi ! Cô ở lại với con cô ơi !... Cô... đừng về.

Nàng nuốt nước miếng, ngước nhìn ông Giám đốc. Óc nàng liền hiện ra hình ảnh hai cuộc đời : một cuộc đời nhàn nhã, mực thước, bảo đảm và đầy đủ của một thông dịch viên Anh ngữ, và một cuộc đời bận rộn, thiếu thốn, trường kỳ phấn đấu của một người phải thi hành phận sự trong hoàn cảnh hoàn toàn bất tiện : là cuộc đời của chính nàng, nếu dạy thuê, phải đảm nhận một lớp chừa sáu mươi trẻ, không học cụ, không tiền bồ túc hàng tháng, với số lương bốn mươi phần trăm tổng số học phí !

Trong lúc đó, thằng Hiệu ôm chân nàng, tiếp tục khóc, tiếp tục van vỉ. Thấy dọa nó không được , ông Giám đốc quay lại ra lệnh cho cô giáo còn đứng cạnh đó, dẫn nó đi. Nó kinh hoảng, giậm chân dữ, cố thét to, trong khi tiếng khóc đã khan trong cổ họng. Liền một giây, nàng bừng tỉnh, ý thức bổn phận phải chịu đựng, phải thích nghi, phải mềm dẻo mới có thể phục vụ, cùng đeo đuổi lý tưởng, nguồn sống của nàng lâu nay, nhất là hiện giờ nàng không có quyền bỏ rơi một đứa trẻ đang thiết tha cầu mong sự che chở nơi mình.

Nàng nhìn ông Giám đốc sẽ thưa :

— Thưa ông, tôi bằng lòng những điều kiện của ông cho bữa trước. Nếu có thể bắt đầu ngày mai thì hôm nay tôi xin tình nguyện... giúp không cho trường kể như thời giờ tôi... làm quen với trẻ.

Sau khi được nhận lời, nàng cúi xuống xoa đầu, vuốt lưng thằng bé, phủi sơ vạt áo nhăn rúm của mình, nói vào tai nó nhẹ như hơi thở :

— Thôi, nín đi, Hiệu, cô không về đâu, Cô sẽ ở lại với em và với... tất cả trẻ em. Còn hai rương đồ chơi, cô sẽ đem tới cho... các em chơi.

Rồi, bàn tay đang cầm mù soa lau mặt nó, nàng vội đưa lên đậy mắt mình vì thoắt nghe đôi bên má như bị ai rẩy vào vài giọt nước âm ấm.

Bà VÂN-TRANG

(trong Hội Bạn trẻ em Việt-Nam)

Thư từ, bưu phiếu và bài vở xin gửi tới :

★

Tòa soạn BÁCH-KHOA

160, ĐƯỜNG PHAN-ĐÌNH-PHÙNG, 160

— SAIGON —

KHÓI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGỮ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

CHƯƠNG XV

Sáng sớm ngày hôm sau, cả Diêu-gia đưa chân cậu Địch-Nhân ra ga xe lửa, trừ Diêu-thái-thái, vì bà còn mải khóc lóc; và San-Thư, vì cô phải ở lại nhà với bà, cho có bạn. Từ bao nhiêu lâu nay, ở Diêu-gia, chưa từng có ai đi xa, nên cái lần đi này của Địch-Nhân, thành ra rất quan trọng.

Lập-Phu cũng đi với cô em ra tận ga để tiễn Địch-Nhân. Hai anh em cậu theo các người leo cả lên trên toa xe-lửa.

Mãi tới khi những người đi tống-tiễn đã ở trên toa bước xuống, hai anh em cậu Khâm A và Tân-A mới tới nhà ga. Hai cậu chỉ kịp trao cái gói quà, qua lối cửa sổ của toa-xe cho Địch-Nhân và nói với lên mấy câu chúc cậu đi đường được bình an. Khi Địch-Nhân ghé đầu vào cửa sổ, trông cậu không khác gì một « ông Tây » mà người Trung-hoa quen miệng danh một cách khinh thị là « Dương-quỉ-tử », vì bộ âu phục đáng « mốt » với cái cổ còn trắng muốt, cái cà vạt đỏ chói và cái mũi dọc dừa cũa cậu.

Ông Diêu-Tư-An chỉ đứng lặng thinh, nhìn đoàn xe từ từ chuyển bánh, đi ra khỏi nhà ga. Một loáng sau, đoàn xe đã đi khuất.

Trên sân ga, Khâm-A và Tân-A trố mắt nhìn một thanh niên mặt áo chùng, mầu lam, đương đứng ở bên cạnh Mộc-Lan, thì lúc đó, ở phía đằng này, Lập-Phu cũng chú thị hìn nhai cậu con trai của Tăng-gia, hai cậu này đều bận áo dài mầu hồ thủy, trên có phủ áo trấn thủ bằng đoạn thâm ; cậu nào, cậu ấy, bím tóc, đều óng mượt.

Hai chị em Mộc-Lan cũng phục sức đúng thời trang ; xiêm xanh mầu hồ lục, áo ngắn chẽn tay, mầu sữa, phủ lên trên cái áo dài, mầu ngà ngà ; hồi này, thời trang đã bỏ đi hẳn cái áo rộng cửa tay. Với bộ y phục mầu lạt của hai cô, ta cảm thấy sự mát mẻ, khoan khoái, của buổi sáng sớm đầu hạ này. Hai cô đều đeo hoa tai cô chị, bằng bảo thạch mầu hồng, cô em bằng bảo thạch mầu lam.

Trên vừng trán, cô nào cũng để rủ xuống, một hàng tóc ngắn, uốn khum khum, nó làm cho khuôn mặt của hai cô nổi bật lên.

Đứng ở giữa cái đám thanh niên nam, nữ, ăn bận lịch sự này, Lập-Phu thấy không được an thích cho lắm.

Hai chị em Mộc-Lan thì nước mắt hãy còn chảy quanh, và luôn luôn xỉ mũi.

Một lúc sau, cô chị mới gượng cười nói với hai anh em Tăng-Gia rằng : « Xin cảm tạ hai anh, hai anh đã có bụng yêu, đến tiễn chân anh em ! » Tân-A đáp : « Thưa,có anh em chúng tôi phải xin lỗi, vì đến chậm, thì có...» Cậu nói xong, đưa mắt nhìn Lập-Phu. Cô Mộc-Lan hiểu ý, liền nói : « Thưa, vị đây là Khổng-Tiên-Sinh, một người bạn vong niên của Phó-Tiên-Sinh. » Hai bên đều cúi đầu chào nhau.

Mạc-Sầu chú ý nhìn đôi giày của Lập-Phu, tuy nó vẫn đen hơn trước, nhưng nó đang lấm le chực biến thành mầu gio, xám xịt.

Tất cả đám người đi tiễn hành đã trở ra khỏi nhà ga, và đang đi ra cả chỗ xe ngựa đón chờ, ở bên lề đường.

Ông Diên-Tư-An ngỏ ý muốn mời Lập-Phu cùng ngồi xe ngựa để nhân tiện đưa cậu về nhà cậu, nhưng cậu kiếu từ, vì cậu nói, nhà cậu ở gần đấy. Ông bảo cậu : « Trong kỳ nghỉ hạ, thỉnh thoảng, rảnh rang, cậu cứ lại chơi đằng nhà... Tuy Địch-Nhân đi vắng, nhưng không hề chi, cậu cứ lại... » Cậu đáp xin vâng, rồi đứng chờ cho các người lên xe ngựa xong, cậu mới lễ phép cúi đầu chào, mãi đến khi xe ngựa chuyển bánh cậu mới lững thững, trở về nhà mình.

Ngồi trên xe, ông Diên-Tư-An không thốt ra một lời nào. Ông cầm lấy tay của cậu con út là A-Phi và cứ giữ nguyên mãi ở trong lòng bàn tay mình. Ông tự nhận thấy rằng, đối với Địch-Nhân, ông đã có đôi phần quá nghiêm khắc ; ông đinh ninh, đối với A-Phi, ông sẽ cũng sẽ ôn tử như đối với hai cô con gái của ông.

Mộc-Lan nói : « Thưa ba, con thấy có một cái cảm giác là lạ, y như là nhà ta vừa cất đi được một cái gánh nặng vậy ! »

Thân phụ cô hỏi cô : « con có tin rằng, anh con sẽ biến cải được tính nết đi không? » Ông hỏi cô con ông như vậy, vì có lẽ ông đương nhớ lại ở trong thâm tâm, cái quá khứ phóng đãng của chính ông, lúc ông đầu còn xanh, tuổi còn trẻ, và ông nghi ngại rằng, cái dòng máu lãng tử ở trong các huyết quản của người con cả của ông, chưa dễ đã điều tiết được mau chóng như vậy.

Mạc-Sầu nói : « Thưa cha, con thì con tưởng, đây là một cơ hội rất tốt cho anh con, vì, đi ra ngoài, cái tầm con mắt sẽ rộng ra, rồi lại được một sự giáo dục hoàn thiện của những nơi văn minh tiến tiến nó dẫn đường chỉ lối, thì nhất định anh con sẽ cải quá, tự tân. »

Nhưng, thân phụ cô bảo : « Con ạ, con còn ít tuổi, nên con nói như thế, chứ, nhà ta có nhiều tiền, nó không thể nào không nghĩ tới việc lãng phí mà hư thân ; còn như xuất dương hay không, đối với sự học không có quan hệ gì cả, sự học vấn và sự học để thành một người sang trọng, bất cứ ở đâu, cũng có thể thực hiện được... đấy, các con cứ xem như cậu Lập-Phu, cậu ấy đứng đắn,

lễ phép, biết chừng nào. Cha dám chắc, trên con đường đời cậu ấy sẽ không khi nào phải đi sau bất cứ ai ; lúc nào cậu ấy cũng đứng mực, nghiêm trang, ai thấy cũng phải vì nể, xem như vậy, thì có cứ gì phải xuất dương, đi du học mới có được những cái đó. » Hai cô nghe thấy cha nói ngần ấy lời, thì lặng yên, không dám nói thêm một câu nào nữa.

Trong khi trở về nhà, cậu Lập-Phu cũng có một cái cảm tưởng hơi là lạ, không biết có phải, vì thấy một người khác xuất dương đi du học, mà cậu thấy ghen tức và phàn nàn cho cái số phận của mình hay không ? Cậu đã có được nghe nhiều người nói tới hay cái đại học đường « Kiếm Kiều » (cambridge) và « Ngưu-Tân » (Oxford) ở nước Anh, nên hai cái danh hiệu này đã làm cho cái trí hiếu học, cái lòng ham biết của cậu bị nung đốt một cách dữ dội. Cậu nghĩ, chẳng biết cái cậu Địch-Nhân kia, có nhận thấy cái hạnh vận của mình và biết lợi dụng cái cơ hội đó, để cầu học cho thành tài, hay không ? Riêng về phần cậu, cậu cũng mong ước một ngày kia, được xuất dương, cầu học.

Cậu cũng vẫn hiểu, cái địa vị của hai gia đình Tăng, Diêu, khác hẳn cái địa vị của nhà cậu ; cách sinh hoạt của họ cao hơn, dễ dàng hơn, vì sẵn tiền, sẵn của. Cái tình bạn bè giữa Địch-Nhân và cậu, nó vẫn cứ đứng lì ở chỗ ngượng ngùng, cách biệt. Chẳng qua, hai người chỉ giống nhau ở có mỗi một điểm, đó là sự bình luận những nhà quyền quý, hoặc giả, cái điểm đó cũng tương tự như, những cái luận đề nói về sự lật đổ các cái « cựu án » của lịch sử vậy ; còn ngoài ra, cái gì cũng không tương đồng. Quả, Địch-Nhân không có một tí gì là nghiêm trang, đĩnh đạc ; mà, mấy cậu con trai nhà họ Tăng, thì cũng rứa, cũng một « giuộc » ấy, nhi đĩ ! Bởi vậy, cậu cho họ là những nhân vật của riêng hẳn một thế giới. Khi đi vãn cảnh Tây sơn, cậu thấy hai chị em Mộc-Lan xuống bếp và tự tay nấu ăn, cậu rất lấy làm lạ lùng, kỳ quái ; nhưng, lại cũng vì thế, mà đối với hai cô, cậu có ý biệt nhãn. Xưa nay, cậu vẫn có một thành kiến không được tốt lắm, đối với các cô gái con nhà giầu có ; bao giờ, cậu cũng e ngại, gần như sợ hãi họ, cho nên, cậu không khi nào dám gần. Còn như hai cô Diêu-Tiểu-Thư, thì thực là những người có phẩm hạnh đoan chính ; các cô đã hấp thụ được một nền giáo dục có thể nói là lương hảo. Tuy nhiên, trước đây, đã có một lần, hai cô đã làm cho cậu mất an thích ở trong tâm não, đó là việc « đánh giày ». Vì phép lịch sự, cậu không nỡ từ chối, nhưng, quả thiệt tình, mình tự tay đánh lấy giày của mình thì chẳng sao, đằng này, lại ngồi đấy, mà để cho một người khác, quỳ xuống dưới chân mình mà đánh giày, thì thiệt là một lối sinh hoạt thoái hóa. Không phải cậu không thích những cái gì là quý, là đẹp đâu, nhưng cậu vẫn thấy, ưa chuộng đồ quý, vật báu, là có những tư tưởng quý phái, mà bất cứ cái gì ở Diêu-gia cũng có vẻ quý phái cả.

LÂM-NGỮ-ĐƯỜNG

HẾT CHƯƠNG XV

Những bài đã nhận được :

Mặt trăng, chứng nhân của quá khứ (*Duy-Hương*). Người cuối cùng (*Nguyễn-Phùng-Trân*). Một nhà (*Lê-Hùng*). Chiều (*Lương-Trọng-Minh*). Lần trang kỷ niệm (*Võ-Hữu-Quyền*). Tiếng Xuân (*Như-Không*). Trông về (*Như-Sơn*). Thi sĩ và nàng thơ (*Thanh-Cầm Hồng-liên-tử*). Trong mộng ; Ngùi trông (*Ngọc-An*). Lạc loài ; Cách trở ; Muôn phương (*Trùng-Dương*). Giồng Đá ở Kiên-giang (*Sơn-Nam*). Một đêm (*Hoàng-Nguyên*). Lối cũ (*Tường-Linh*). Bài-Ca đăng trình (*Dinh-Giang*). Nhớ nhau ; Đêm buồn (*Tâm-Đam*). Đêm trăng với tiếng Thập-lục-cầm (*Trần-Tuấn-Kiệt*). Tình quê hương ; Nắng đào đã dâng ; Làm người rút ruột (*Măng-Phú*). Gởi cố nhân (*Hoàng-Nguyên*). Thơ lá tri âm ; Say tiếng tơ đồng (*Thanh-Viết-Thanh*). Khát vọng ; Không hiểu (*Võ-Thùy-Lam*). Hà-tiên, thổ sản : Huyền (*Lê-Quang*).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn.

★

Những bài không đăng :

Tiếng lòng (*H.L.G.*). Cây nhà lá vườn (*N.Đ.T.*). Đức Phật Thích Ca ; Cần chặn đứng kẻ lợi dụng Phật-giáo (*H.M.*). Răng hùm, hàm sói (*N.H.P. Nha-Trang*). Lên nguyệt (*V.L.*). Gương tình ; Tin xuân (*H.C.*). Hường nở, Hường tàn (*N.T.D.*). Trao duyên (*H.S.L.*) Mây trời (*H.N.*)

Những bài trên đây vì nhiều lý do nên rất tiếc không đăng ngay được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa. Trân trọng.

★

L.M. Bích-Quang : (*Qui-Nhơn*). Chúng tôi đã nhận được bài « **Một nền giáo dục nhân bản : một nền giáo dục toàn diện** ». Xin trân trọng cảm ơn Cha và rất mong Cha gửi thêm cho những bài khác nữa.

Ô. Nguyễn-Văn-Nam (*Phan-thiết*) : Nhận được thư ông quá trễ. Xin trả lời để ông rõ địa chỉ của *Ô. Vương-Hồng-Sển* : Giám thủ Tàng-cổ-viện trong Thảo-cầm viên.

Anh Diên-Nghị : Đã nhận được thư và bài của anh. Cảm ơn anh lắm. Đã gửi anh thêm B.K. số 52 và 53.

Ô. Hưng-Giang : Đã nhận được thư và bài của ông. Rất thông cảm với ông và sẽ xin cố gắng để tìm dịp hoặc đăng trọn bài, hoặc nêu lên những nỗi niềm băn khoăn của ông. — Phạm-Hoàng

Cô Thủy-Song-Thanh : Đã nhận được thơ của cô. Trân-trọng cảm ơn cô ; sẽ xin lựa đăng và rất mong đợi cô gởi thêm những sáng tác khác nữa.

Ô. Đặng-Ngọc-Toàn : (*Nha-trang*). Chúng tôi đã nhận được những bài biên khảo và sáng tác của ông. Cảm ơn ông lắm. Xin ông cho biết rõ thêm những bài trên đây ông đã lược dịch hoặc biên soạn theo

những tài liệu nào đề, nếu đăng được, chúng tôi sẽ ghi thêm ở cuối mỗi bài cho các độc giả của Bách-Khoa tiện tham khảo.

Ô. ô. **Hà - Tịnh - Hoàng - Mai** (*Huế*) : Chúng tôi đã nhận được hai bài của hai ông viết nhân dịp ngày Phật-Đản. Rất cảm ơn hai ông. Tiếc rằng khuôn khổ tạp chí Bách-Khoa không cho phép đăng thêm được nhiều bài hơn nữa nên phải đăng thêm được nhiều bài hơn nữa nên phải để lại các bài đó. Mong ông thông cảm cho.

Ô. **Vương-Đàm** : Loại thơ vui ông gửi không hợp với Bách-Khoa nên rất tiếc không đăng được. Mong ông hiểu cho.

Ô. **Nguyễn-Lương-Như** : Xin ông cho biết rõ tên thực và địa chỉ hiện tại để chúng tôi tiện gởi báo biếu, nhuận bút và nhất là chúng tôi có nhận được nhiều thắc mắc về bài « Thống nhất Thoại » nên muốn trao đổi ý kiến với ông.

Ô. **Kim-Lương** : Chúng tôi sẽ cho đăng truyện ngắn của P. Chekov do ông dịch, nhưng xin ông dịch nốt cả tên truyện và ông cho biết tên thực cùng địa chỉ hiện tại để chúng tôi tiện liên lạc.

★

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

— « **Khảo luận về Nguyễn-Công-Trứ** của *Doãn-Quốc-Sỹ* và *Việt-Tử* biên soạn do nhà xuất bản *Nam-Sơn* gửi tặng. Sách dày 130 trang giá 20$, là một tài liệu ích lợi cho các thí sinh Trung học đệ nhất cấp và Tú tài.

— « **Gương danh nhân** » của *Nguyễn-Hiến-Lê*. Do tác giả gửi tặng.

« **Gương danh nhân** » gồm 7 tiểu sử danh nhân thế giới : Heinrich Schliemann, Quản-Trọng, Benjamin Franklin Mahatma Gandhi, Léon Tolstoi, Vương-Dương-Minh, Abraham Lincoln. Nhiều tiểu sử danh nhân trên đây đã trích đăng trên Bách-Khoa, và được bạn đọc của Bách-Khoa rất tán thưởng.

Sách dày 192 trang, giá 45$. Trân trọng cảm ơn nhà xuất bản *Nam-Sơn*, *Ô. Nguyễn-Hiến-Lê* và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

Nên đọc và cổ động Tạp chí :

VĂN - HÓA NGUYỆT - SAN

Cơ-quan Nghiên-cứu và Phổ-thông
Văn-hóa Việt-Nam và Văn-hóa Đông Tây

✶ **Xây dựng và phát huy một nền văn hóa có tính cách Dân tộc Nhân bản và khai phóng.**

✶ **Gồm nhiều bài có giá trị của các nhà văn, các học giả tên tuổi :**

Ô Ô. Bùi-quang-Tung
Bửu-Cầm
Cung-Giũ-Nguyên
Đoàn-Thêm
Hà-như-Chi
Hồng-Thiên nữ sĩ
Huỳnh-khắc-Dụng (Tuần Lý)
Lâm-tấn-Phát (Đông Hồ)
Lê-bá-Chẩn
Lê-văn-Lý
Lê-chí-Thiệp
Lê-ngọc-Trụ
Mai-Oanh nữ sĩ
Nghiêm-Toản
Nghiêm-Thẩm
Nguyễn-đình-Hòa
Nguyễn-công-Huân
Nguyễn-văn-Kiết
Nguyễn-khắc-Kham
Nguyễn-khắc-Ngữ (Vũ-Lang)
Nguyễn-xuân-Sơn (Đạm-Quang)
Nguyễn-thế-Tương (Nghi-Ba)
Nguyễn-đăng-Thục
Nguyễn-gia-Trụ (Đông-Xuyên)
Nguyễn-khắc-Xuyên
Phạm-văn-Diêu
Phạm-xuân-Độ
Phan-Khoang
Quách-Tân
Tư-Nguyên
Thái-văn-Kiểm (Tân-Việt-Điểu)
Trần-tuấn-Khải (Á-Nam)
Trương-bửu-Lâm
Ưng-Trình
Ưng-Bình Thúc-gia-Thị
Vũ-đức-Trinh
Vương-hồng-Sển
Xuân-Việt.

✶ **Văn-hóa Nguyệt-san số 38 (năm 1959) có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-đô, các tỉnh, tại Tòa soạn, 266 Công-Lý Saigon, và Nhà Sách Nam-Cường, Tổng phát hành, 185 Đường Nguyễn-Thái-Học, Saigon.**

Mỗi số bán lẻ : 24$

✶ **Ngân phiếu mua dài hạn (một năm 10 số giá 240$) xin gửi về Ông Giám-Đốc Nha Văn-hóa, số 266 Đường Công-Lý, Saigon.**

✶ **Bài vở xin gửi về Ô. Thái-văn-Kiểm, Chủ bút Văn-hóa Nguyệt-san, địa chỉ như trên.**

BROWNELL, LANE (VIET-NAM), INC.

22-26 Đại-lộ Nguyễn-Huệ
SAIGON

Chuyên nhập cảng các sản phẩm hảo hạng
của Mỹ Quốc

NC-1 NC-4 NC-7 NC-16

G. N. 21.466

MAERSK LINE

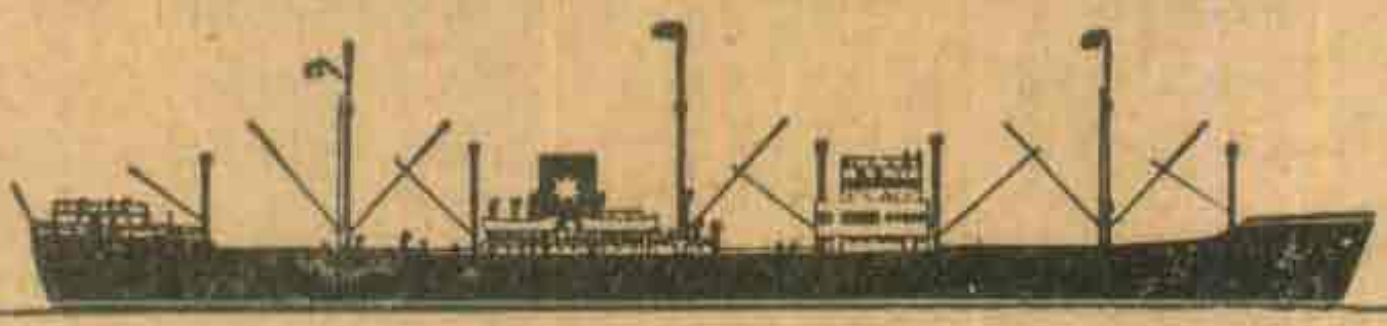

A. P. Moller
8, Kongens Nytorv
COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM
PLANTATIONS DES TERRES ROUGES
236, Duong Cong-Ly — Saigon
Tél. : 20,338 - 39 - 40

品出廠烟發高

THUỐC LÁ JOB
MÙI ÊM DỊU
KHÓI THƠM SAY
HƯƠNG - VỊ NGẠT - NGÀO
KHẮP GẦN XA NỨC TIẾNG.

NÊN HÚT THUỐC LÁ JOB

請吸金字烟

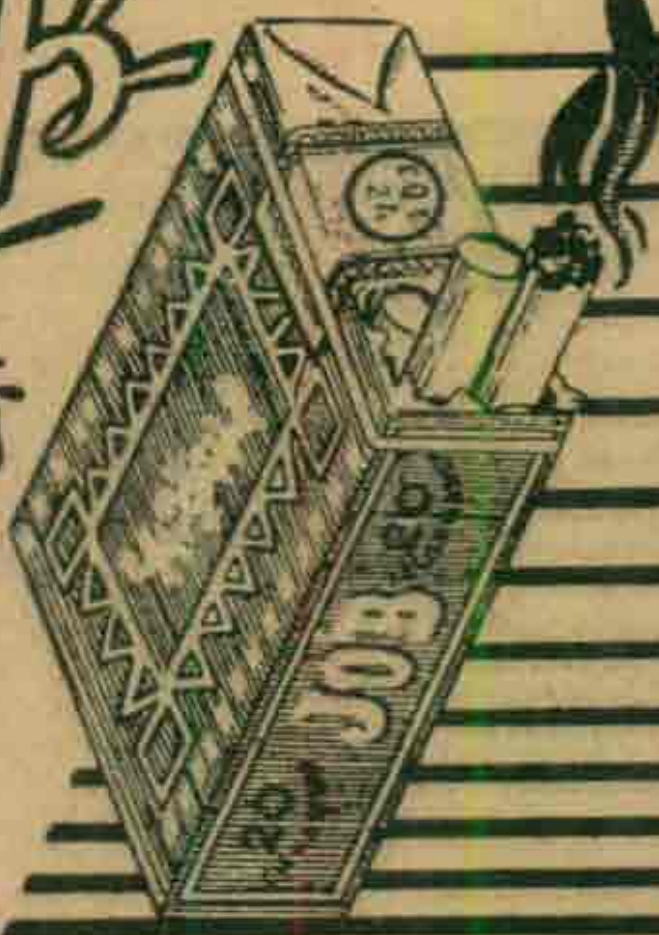

Cigarettes JOB Surfines
COFAT CHOLON
Thuốc điếu JOB Surfines

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ

Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm

Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở: 13 Đ. Pasteur Saigon *Đ.T.: 23529*

HÃNG

NAM-THANH

và

THERMOR

31 Nguyễn-Văn-Thinh
SAIGON

Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện, máy điện, máy nấu.

Lãnh chạy dây đèn và làm hệ-thống điện.

Chủ nhân :
NGUYEN-HUU-THAT

BANQUE COMMERCIALE ET INDUSTRIELLE DU VIETNAM

VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG NGÂN-HÀNG

Số vốn : 50.000.000$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kế Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

⚜

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

⚜

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

⚜

Nam-Vang Chi-Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

⚜

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

⚜

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

CIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại - lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

10.000 Kms
de souvenirs inoubliables

* Profitez des avantages offerts par
AIR FRANCE
entre **SAIGON** et **PARIS**

* Arrêtez vous en cours de route,
vous avez
45 POSSIBILITES

* Il ne vous en coutera rien de plus
« C'EST LE MÊME PRIX »

* * * * * * * * * * * * * * * * * * * *

DE PLUS EN PLUS de possibilités vous sont offertes pour le même prix.

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

SAIGON — Téléphone: 20.981 à 984

et toutes agences de voyages agréées

Golden Club

Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

NƯỚC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TINH-KHIẾT
- BỔ-DƯỠNG

CIGARETTES

MÉLIA

MITAC

BACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOA

BACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOA

百科雜誌

GIÁ : 10$

CÔNG SỞ : 15$

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

TÒA SOẠN :
160, Phan-Đình-Phùng — Sàigòn
Dây nói : 25.539